

Nhiều tác giả

Stephen R. Covey tuyển chọn và giới thiệu

10

THE
ALL TIME
BEST-SELLING
BOOK



hạt giống tâm hồn

Theo dòng
thời gian

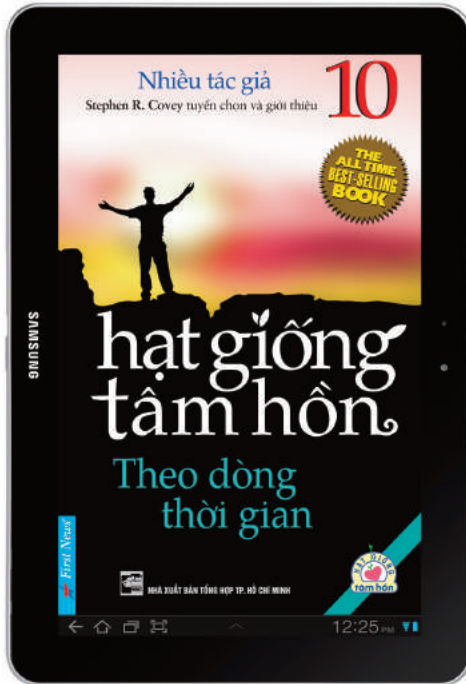
First News®



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH



Công Ty Samsung Trân trọng gửi đến bạn cuốn sách này.



Phiên bản ebook này được thực hiện theo bản quyền xuất bản và phát hành ấn bản tiếng Việt của công ty First News - Trí Việt với sự tài trợ độc quyền của công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam. Tác phẩm này không được chuyển dạng sang bất kỳ hình thức nào hay sử dụng cho bất kỳ mục đích thương mại nào.

hạt giống
tâm hồn

Original title:

**EVERYDAY GREATNESS: INSPIRATION FOR A
MEANINGFUL LIFE**

by Stephen R. Covey, David L. Hatch

Copyright © 2010 by FranklinCovey Co.,
and The Reader's Digest Association, Inc.

Vietnamese Edition Copyright © 2010 by First News - Tri Viet.
All rights reserved. This licensed work published under license.

EVERYDAY GREATNESS

– HẠT GIỐNG TÂM HỒN: THEO DÒNG THỜI GIAN –

Công ty First News – Trí Việt giữ bản quyền xuất bản và phát hành ấn bản tiếng Việt trên toàn thế giới theo hợp đồng chuyên giao bản quyền với Thomas Nelson, Inc.

Bất cứ sự sao chép nào không được sự đồng ý của First News và Thomas Nelson đều là bất hợp pháp và vi phạm Luật Xuất bản Việt Nam, Luật Bản quyền Quốc tế và Công ước Bảo hộ Bản quyền Sở hữu Trí tuệ Berne.

CÔNG TY VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT - FIRST NEWS

11 H Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 38227979 - 38227980 - 38233859 - 38233860

Fax: (84.8) 38224560; Email: triviet@firstnews.com.vn

Website: www.firstnews.com.vn

Nhiều tác giả
Stephen R. Covey
tuyển chọn và giới thiệu

hạt giống tâm hồn

Theo Dòng Thời Gian

10

Biên dịch:
Thu Trang - Minh Tươi

First News

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

“Thân tặng tất cả những người đang trần trở, đang vượt qua những khó khăn, thử thách tinh thần và luôn giữ vững niềm tin để tìm được hạnh phúc cuộc sống, để đạt được ước mơ của mình.”

- First News

Các sáng tác bài dịch cộng tác của bạn đọc về các chủ đề Sống Đẹp (tâm hồn cao thượng, gương vượt khó, những cảm xúc sâu sắc về cuộc sống, tình bạn, tình yêu...) cho các tập Hạt Giống Tâm Hồn tiếp theo xin gửi về:

HẠT GIỐNG TÂM HỒN - FIRST NEWS

11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP. HCM

Tel: 38227979 - 38227980

Fax: (08) 38224560

Email: firstnews@firstnews.com.vn

Web: www.firstnews.com.vn

Lời giới thiệu

Tôi là một người may mắn!

Sống trong một thế giới đầy biến động, với những cuộc khủng hoảng, chết chóc và thờ than, tôi thấy mình thật may mắn khi hàng ngày được gặp gỡ với rất nhiều cá nhân trên khắp thế giới. Họ là những người đã dùng cuộc sống của mình để chứng minh rằng thế giới quanh ta vẫn thật đáng quý, đáng yêu.

Giữa lúc chúng ta phải nghe quá nhiều những vụ bê bối của các doanh nghiệp và tình trạng suy đồi đạo đức trong kinh doanh, tôi thấy mình thật may mắn khi quen biết nhiều nhà lãnh đạo cấp quốc gia, chủ tịch các tập đoàn và các tư vấn viên đạo đức, liêm chính.

Sống trong thế kỷ khi mà tội ác, chiến tranh, thiên tai và dịch bệnh luôn rình rập, đe dọa, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi được làm việc cùng các nhà hành pháp, các chuyên gia trong lĩnh vực quân sự, các nhà lãnh đạo, các giáo sư bác sĩ sẵn lòng cống hiến cho mọi người.

Sống trong thời đại khi mà tinh phụ tử và mối ràng buộc gia đình đang bị đe dọa nghiêm trọng, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi biết những người cha tận tụy, những người mẹ bao dung đang từng ngày từng đêm nỗ lực hết sức mình cho sự lớn khôn cả về thể chất lẫn tâm hồn của con cái.

Và trong một kỷ nguyên nơi trường học và giới trẻ tồn tại đầy những tệ nạn xã hội, tôi cảm thấy mình thật may mắn khi được gần gũi những giáo viên nhiệt tâm, những thanh niên tài năng, tất cả đều giàu có cả về tri thức và tấm lòng, hàng ngày họ vẫn đang miệt mài tạo nên sự thay đổi - theo một cách riêng.

Quả thực, tôi cảm thấy mình may mắn khi có cơ hội gặp gỡ những con người như thế trên mọi nẻo đời. Chính họ đã mang đến cho tôi niềm tin rằng ở bất cứ nơi đâu trên trái đất này vẫn luôn hiện diện những con người giàu lòng nhân hậu, không ngừng hiến thân, cống hiến cho đời. Họ chính là nguồn cảm hứng bất tận của tôi. Và tôi đang muốn truyền nguồn cảm hứng đó đến bạn qua tập sách này.

Mà rất có thể, bạn cũng là một người trong số họ.

- STEPHEN R. COVEY

Mẻ cá để đời

*Người liêm chính là người luôn làm theo lẽ phải
bất kể người khác có biết đến việc làm của họ
hay không.*

- Oprah Winfrey

Năm 11 tuổi, mỗi khi có cơ hội, cậu bé lại ra câu cá ở bến cảng gần căn nhà gỗ nhỏ của gia đình trên một hòn đảo giữa hồ New Hampshire.

Một ngày kia, trước khi mùa cá vược tràn về, cậu cùng cha hăm hở đi câu từ khi mặt trời còn chưa xuống núi. Họ bắt cá sunfish và cá pecca bằng môi giun. Cậu bé cẩn thận buộc môi vào chiếc cần câu nhỏ bằng bạc rồi bắt đầu tập thả. Thiết bị dùng môi câu giả khuấy động làn nước lấp lánh ánh hoàng hôn tạo thành những gợn sóng lăn tăn nhiều màu sắc; và rồi khi mặt trăng lên cao tỏa rạng cả mặt hồ, những gợn li ti đó dần dát bạc.

Khi chiếc cần bị kéo lún sâu xuống nước, cậu bé đoán chắc đó phải là một con cá rất lớn mới có thể kéo chìm chiếc cần như vậy. Cha cậu tỏ ra hài lòng khi thấy con trai xử lý tình huống một cách rất chuyên nghiệp.

Cuối cùng, khi con cá đã dính câu, cậu bé thận trọng đưa nó lên khỏi mặt nước. Đó là con cá to nhất cậu từng thấy, nhưng nó là một con cá vược.

Hai cha con chăm chú nhìn ngắm chiến lợi phẩm tuyệt vời, dưới ánh trăng bạc, mang nó phồng lên xếp xuống những hơi thở khó nhọc. Người cha châm diêm và nhìn vào đồng hồ. Đã 10 giờ tối - hai tiếng trước khi đợt cá tràn về. Ông nhìn con cá rồi lại nhìn đứa con trai. Ông nói: *“Con hãy thả nó trở lại hồ đi”*.

Thằng bé mếu máo: *“Cha”*.

“Vẫn còn những con cá khác cơ mà.” - Người cha nói.

“Nhưng đó là con cá lớn nhất.” - Cậu bé nói trong khi vẫn khóc.

Nó nhìn quanh hồ. Dưới ánh trăng, không có bất cứ người đánh cá hay thuyền chài nào quanh đây. Rồi nó nhìn cha.

Và mặc dù chẳng ai trông thấy hai cha con cũng như không ai biết họ câu được con cá này nhưng thằng bé có thể đọc được rõ ràng những lời cha nó định nói, rằng chẳng có gì phải thương lượng về quyết định này cả. Nó chậm chậm tháo lưới câu ra khỏi miệng con cá rồi ngậm ngùi ném thành quả của mình trở lại làn nước lấp lánh ánh trăng.

Con cá quẫy mạnh và nhanh chóng lặn mất. Cậu bé thảm nhủ có lẽ cậu chẳng bao giờ được trông thấy một con cá nào to nhường đó nữa.

Đó là câu chuyện của 34 năm về trước. Còn giờ đây, cậu bé đó đã là một kiến trúc sư thành đạt ở thành phố New York. Căn nhà gỗ của cha cậu vẫn nằm đó trên hòn đảo ở giữa hồ. Cậu cũng như cha tiếp tục dạy con trai và các con gái của mình cách câu cá trên bến tàu ấy.

Và cậu đã đúng. Cậu chưa bao giờ câu được một con cá nào lớn như con cá cậu từng câu được vào đêm hôm đó. Tuy nhiên, con cá đó không hoàn toàn biến mất trong cuộc đời cậu, cậu vẫn trông thấy nó mỗi khi cậu phải đối mặt với những lựa chọn khó khăn.

Cha từng dạy cậu rằng đạo đức chỉ là một vấn đề đơn giản giữa đúng và sai, nhưng làm

sao để sống có đạo đức mới là một điều khó. Liệu chúng ta có tuân theo lẽ phải không khi ta biết không ai chứng kiến? Liệu chúng ta có từ chối một con đường tắt đưa ta tới thành công? Hay từ chối bán số cổ phiếu khi trong tay đã nắm giữ những thông tin có lợi mà chúng ta biết chúng ta không nên có?

Chúng ta sẽ làm được những điều đó nếu ngay từ nhỏ, chúng ta đã được dạy phải thả con cá trở lại hồ. Vì như thế chúng ta sẽ học được một bài học quý giá: *sự thật*.

Những quyết định đúng đắn sẽ lưu lại dấu ấn trong tâm trí mỗi chúng ta. Đó là câu chuyện mà chúng ta có thể tự hào kể lại cho bạn bè và con cái.

Đó không phải là câu chuyện về việc chúng ta đã có hay có thể giành được những cơ hội ngàn vàng, mà đó là câu chuyện về việc chúng ta đã làm đúng và từ đó chúng ta sẽ càng thêm mạnh mẽ để tiến lên.

- James P. Lenfesty

Cô bé trong trận bão tuyết

*Danh tiếng ngàn năm định đoạt bởi
hành vi cư xử trong một giờ.*

- Tục ngữ Nhật

Đó là một buổi sáng tháng Ba thật đẹp. Nắng trải vàng khắp không gian. Vạn vật như được trút bỏ tấm áo băng tuyết lạnh giá, cánh đồng chỉ còn lại những khoảng tuyết loang lổ. Trưa hôm ấy, vừa hoàn thành công việc, William Miner - một nông dân sống gần Center, North Dakota, hồ hởi bước vào nhà nói với vợ rằng: “*Chi đêm nay nữa thôi là tuyết sẽ tan hết em ạ*”. Sau bữa trưa, Miner liếc nhìn qua khung cửa nhà bếp. “*Trời ơi!*” - Anh kêu lên.

Ở phía bắc, một đám mây đen dày đặc che lấp cả đường chân trời. Đám mây ùn ùn kéo về lấn lướt mặt trời rạng rỡ.

Với linh cảm của một người từng trải, Miner gật gù: “*Một trận gió bắc mùa xuân đây mà*”. Và họ cứ thế ngồi quan sát con quái vật vô hình vô tướng đang khuyếch trương kích cỡ. Bất ngờ, Miner bảo vợ: “*Em cất đồ đi. Anh tới trường đón bọn trẻ. Anh không thích thời tiết thế này chút nào*”.

Miner khoác vội chiếc áo mưa, nhảy lên chú ngựa Kit tốt nhất và bắt đầu phi xuống con đường dẫn tới trường học cách đó gần bốn cây số. Tới lúc này, đám mây đen đã kéo về cuộn cuộn chẳng khác nào một con quái vật khổng lồ lấn át hoàn toàn ánh nắng ấm áp ban sáng. Vạn vật sợ hãi, im lặng, nín thở chờ đợi. Một trận mưa tuyết lở rét buốt kéo theo gió quất hung hãn vào người và ngựa. Miner cố gắng luôn lách tới trường, anh buộc con Kit bên cạnh những con ngựa đang hoảng hốt sợ hãi khác rồi tất tả chạy vào trường.

Giáo viên và học sinh trong lớp đang chăm chú quan sát diễn biến của trận bão tuyết nhưng vẫn tỏ vẻ tập trung vào bài học. Mặc dù nhiều học sinh có ngựa và xe trượt tuyết riêng để trong chuồng ngựa của trường nhưng theo nội quy của trường thì trong thời tiết mưa bão, không đứa trẻ nào được phép rời trường trừ khi cha mẹ tới đón.

- Con chào bố! - Cô bé Hazel Miner 15 tuổi reo to. Cô quay sang phía em trai Emmet 11 tuổi và em gái Myrdith 8 tuổi - Chị đoán là chẳng ai tin tưởng để mình đi con ngựa già Maude về nhà đâu.

Miner mỉm cười:

- Nhanh lên các con! Mặc áo khoác vào, còn khăn quàng cổ đây này.

Hazel cúi xuống, vừa nhanh nhẹn buộc lại đôi giày quá khổ cho em gái vừa nói với Emmet:

- *Em đừng quên cuốn sách lịch sử đấy nhé.*

Nhìn những cử chỉ và lời nói của Hazel, Miner thầm nghĩ Hazel đúng là một người chị cả đáng tin cậy, biết quan tâm chăm chút cho các em. Những việc cô bé làm luôn vượt xa sự mong đợi của mọi người.

Anh đưa Myrdith tới chiếc xe trượt tuyết có lớp vòm che bằng vải bạt đang đặt ở bên ngoài rồi đặt hai con nhỏ ngồi thành hàng ở cuối, anh còn cẩn thận khoác lên chúng hai chiếc chăn và một chiếc áo choàng rộng cũ kỹ. Sau đó, Hazel lẻ làng ngồi vào chỗ ngồi của người lái trong khi cha buộc con Maude vào xe. Giữa tiếng gió rít âm âm, Miner cố gắng nói thật to với con gái:

- Các con hãy ở yên trong đó nhé. Bố sẽ đi dẫn con Kit và chúng ta sẽ lên đường.

Con Maude đang hướng mặt về phía cửa bắc dẫn tới nhà. Từ trước tới nay, nó luôn là một con ngựa điềm tĩnh và dễ dàng điều khiển. Nhưng ngay lúc đó, một tiếng sấm nổ đùng khiến nó giật mình sợ hãi. Nó lồng lên hoảng loạn, rồi phăng phăng băng qua cánh cửa phía bắc. Hazel cố lấy lại cân bằng nhưng cô bé không thể nhìn thấy gì qua lớp tuyết đang xoáy mạnh và vì thế cô không nhận ra rằng con Maude đang đi sai hướng. Hazel cố trấn tĩnh hai đứa em đang tròn mắt sợ hãi phía sau:

- Đừng sợ. Chị em mình sẽ về nhà trước bố và con Kit cho mà xem. Con Maude biết đường về nhà mà.

Hazel không thể kiểm soát nổi con ngựa vì chiếc dây cương đã tuột khỏi tay cô bé khi con ngựa lồng lên. Mãi sau, con Maude cũng đi chậm lại và rồi dừng hẳn, nó thở dốc do mệt mỏi và lạnh cóng.

Emmet hỏi to:

- Chúng ta đã về tới nhà chưa chị? Chúng ta có về trước bố không?

Hazel bước ra ngoài trời tuyết lớn. Giữa không gian nhòe nhoẹt vì gió, tuyết và bóng tối, cô bé không thể nói chính xác mình đang ở trên đường hay ở trên cánh đồng. Xung quanh lúc này chỉ là một biển tuyết trắng mênh mông bao phủ, tất cả như chỉ chực chờ nuốt chửng mấy chị em. Thở hổn hển, cô bé bò lại ghé lái, tay nắm chắc dây cương.

- Không. Chúng ta chưa về nhà đâu em ạ, nhưng chị nghĩ là chúng ta đang ở đâu đó gần nhà thôi. Con Maude bình tĩnh lại rồi, nó sẽ biết đường.

Con Maude dường như hối hận về sự mất kiểm soát của mình nên nó ra sức lần mò tìm đường thoát khỏi chốn địa ngục mịt mờ đó. Nhưng rồi nó bị sa vào một chỗ trũng đầy nước do tuyết tan và trên bề mặt phủ đầy băng tuyết mới. Một bên dây cương bị tung ra, Hazel phải bước xuống chỗ tuyết tan lạnh buốt trên mặt đất, thò tay xuống nước cố gắng dò dẫm tìm dây cương, buộc chặt lại. Đến khi dẫn được con Maude ra khỏi trũng nước thì cô bé đã ướt sũng từ đầu đến thắt lưng, chiếc áo khoác lúc này chẳng khác nào một chiếc áo sắt nặng trĩu đè nặng lên tấm thân mệt nhũn và buốt cóng.

Gần đó, Hazel thấy đỉnh của một cây trụ chống hàng rào nhô lên trên nền tuyết trắng. Cứ thế cô bé đi trong tuyết cho đến khi bám được vào hàng rào dây thép gai. Hàng rào này trở thành cột mốc hướng chúng về phía nông trang.

Emmet tò mò bước ra xem chị gái đang làm gì. Chúng cùng nhau gỡ bỏ lớp tuyết phủ trên mặt con Maude như một chiếc mặt nạ pha lê trong suốt. Hai chị em túm lấy dây cương và hướng con Maude đi men theo hàng rào. Nhưng một ụ tuyết bồi to đã chặn kín cả đường đi nên chúng buộc phải tìm một lối đi khác. Trước hy vọng về một chốn an toàn vừa bị dập tắt một cách phũ phàng, Emmet và Hazel đành phải lần mò tìm một hàng rào thép gai hay một cột trụ khác, những mong tìm lại cơ hội cho mình. Nhưng chúng đành bất lực. (Cánh cửa dẫn tới nông trang chỉ cách đó vài chục mét đã bị chôn vùi trong cái ụ tuyết khổng lồ kia).

Trước sự ầm ào của gió và tuyết, hai chị em đành phải bò trở lại chiếc xe. Như cảm thông với sự mệt nhọc của chủ, con Maude ngoan cường kéo chiếc xe cho đến khi chiếc xe nghiêng ngả do vướng phải một chướng ngại vật ngầm, rồi

bị lật ngược và hất bọn trẻ ngã nhào khỏi mái vòm bằng bạt.

Một lần nữa, Hazel và Emmet lại bước ra ngoài. Chúng ra sức đẩy, kéo rồi lại đẩy. Nhưng chiếc xe lún sâu trong tuyết vẫn cứ trơ lì ra đó. Giữa bóng đêm đặc quánh, Hazel tự nhủ bằng mọi cách phải tìm ra đường về nhà - đó là trách nhiệm của người chị cả. Cô bé dò dẫm bên trong chiếc bạt. “À, tìm thấy rồi, chúng ta đang nằm trong một cái hang nhỏ nên chúng ta có thể biến nơi này thành một nơi ấm áp và dễ chịu hơn”.

Kể từ khi chiếc xe bị lật, nền gỗ chật hẹp trở thành bức tường thấp hướng về phía đông còn chiếc vòm bằng bạt không có rèm phủ ở hai đầu làm thành một chiếc lều nhỏ. Trong bóng tối, Hazel tìm thấy chăn và áo choàng. Dù lúc này bàn tay đã tê dại nhưng cô bé vẫn cố gắng phủ hai chiếc chăn lên “trần nhà” bằng bạt. Nghe lời Hazel, Emmet và Myrdith nằm xuống, thu mình gọn lỏn trong đó. Gió rít liên hồi qua lỗ hở phía bắc, phả vào trong những luồng khí lạnh tê người. Hazel lại ra sức che chắn hướng gió ấy bằng chiếc áo choàng cũ kỹ. Gió thổi tốc tấm áo bay lên phần phật, nhưng cuối cùng Hazel

cũng giăng được chiếc áo bao quanh em trai và em gái.

Gió càng lúc càng mạnh, thốc từng hồi như dao, xé toạc vòm bạt. Hazel vồ lấy mảnh bạt bị rách rồi chồng lên chiếc áo choàng. Cô bé tận dụng bất cứ thứ gì có thể. Chỉ có một cách để hai đứa em ở yên một chỗ là cô bé phải nằm đè lên chúng. Lúc này, ba đứa trẻ chẳng còn gì để che chắn khỏi trận bão tuyết khủng khiếp trừ mấy tấm vải lung lẳng đang bị thổi bay phần phật.

Tuyết rơi càng lúc càng nhiều và dày. Ba sinh linh nhỏ bé đó nằm thoi thóp bất động, trí não và thể xác của chúng gần như tê dại. Hazel cố gắng kéo mình ra khỏi trạng thái đó. Cô bé gào lên:

- Emmet! Myrdith! Các em không được nhắm mắt đấy. Hai đứa đứng dậy ngay đi! Chị sẽ đếm đến một trăm. Cứ đứng lên ngồi xuống như khi các em đang chạy. Nào bắt đầu, một, hai, ba!

Hazel dần cảm nhận được sự cử động của các chi bên dưới cơ thể. Cô bé cố gắng tự điều khiển chúng, nào cô bé ra lệnh cho chân nhưng

cô không dám chắc chúng có còn vâng lệnh nữa không.

- Em mệt quá. Chúng ta không dừng lại được sao? - Myrdith thều thào nài nỉ.

- Không. Chúng ta chỉ mới làm đến bảy mươi mốt thôi. - Hazel cương quyết.

Cô bé tiếp tục bảo hai em:

- Các em hãy xòe ra khép lại các ngón tay của mình một trăm lần.

Emmet thò đầu ra khỏi chiếc áo choàng:

- Thôi nào chị Hazel. Hãy vào đây đi. Chúng ta có chỗ trú mà.

- Không, chị không thể vào được - Bộ quần áo dầm tuyết chỉ còn chút hơi ấm vẫn cố gắng dang rộng chia sẻ cho hai đứa em. - Mọi thứ đã bị thổi bay hết rồi. Chị phải ra kéo chúng lại. Với lại, chị không lạnh lắm. Hãy hát bài “Nước Mỹ tuyết rơi” như trong bài thể dục sáng nay đi nào. - Hazel động viên các em.

Từ bên trong chiếc áo choàng vọng lên giọng hát trong trẻo của hai đứa trẻ - những ca từ chúng vừa mới vui vẻ hát vào sáng nay - những ca từ đã ra đời cách đây cả trăm năm.

“Ôi sao đẹp ngời! Bao la một trời. Cánh đồng mênh mông tốt tươi. Oai nghiêm đời đời. Non cao tuyệt vời. Ôn đầy trên cánh đồng vui”. Bọn trẻ hát vang bốn câu thơ.

- Chị em mình cầu nguyện để Chúa che chở cho chúng ta đi. - Myrdith gợi ý rồi bắt đầu: - Con đang cố chìm vào giấc ngủ...

- Không, không phải như vậy! - Hazel cất ngang. - Hãy thay bằng bài “Cha của chúng ta” đi.

Thế rồi chúng trang nghiêm đọc lời cầu nguyện.

Đêm hôm đó như kéo dài vô tận. Hazel chỉ cho các em tập thể dục, kể chuyện, hát hò, cầu nguyện. Cô bé ngồi lặng lẽ giữa trời bão tuyết tưởng như không bao giờ ngừng rơi, thi thoảng cô bé đưa đôi tay gầy như tê liệt của mình gỡ bỏ những lớp tuyết cứng bao quanh chân Myrdith và Emmet. Chính trong trời đêm khắc nghiệt, bàn tay cô bé đã truyền hơi ấm cho các em và xua đi những hiểm nguy đang rình rập.

Hazel căn dặn kỹ càng hai em hết lần này tới lần khác: *“Hãy nhớ là hai em không được phép ngủ đâu đấy - ngay cả khi chị ngủ quên.*

Hãy hứa với chị là các em sẽ không ngủ, bất kể các em có thấy buồn ngủ thế nào. Hãy giữ cho nhau luôn thức. Các em có hứa không?”

Chúng đã hứa.

Một vài lần, Myrdith đã lên tiếng hỏi rằng “*Tại sao cha không tìm chúng ta?*”.

Trong khi đó, vừa thấy bọn trẻ biến mất khỏi sân trường, William Miner liền thúc con Kit phóng qua những đụn tuyết mới để về nhà với niềm tin chắc chắn rằng con Maude đã về nhà trước. Anh gặp vợ ở cửa. Họ nhìn nhau, ánh mắt ngỡ ngàng, lo lắng và sợ hãi.

Ngay lập tức, anh đã thông báo khẩn cấp cho người dân quanh vùng. Gần 40 người đàn ông đã mạo hiểm mạng sống nhanh chóng đi tìm. Họ kiên nhẫn sục sạo khắp các cánh đồng và các con đường từ nông trang của Miner dẫn đến trường học. Rồi họ dừng lại tại các nông trang để đổi nhóm, cấp cứu những người bị tê cóng, uống cà phê cho ấm và bàn kế hoạch mới. Tất cả những đứa trẻ khác đều an toàn trong nhà. Nhưng sau bao nỗ lực, mọi người vẫn không phát hiện ra bất cứ dấu hiệu gì của ba chị em Hazel.

Gió đã mạnh thành bão với vận tốc lên tới

gần 100km/giờ, nhiệt độ hạ dần đến gần 0°C. Nền trời xám đã bị bóng tối lấn át. Tuyết vẫn không ngừng rơi. Trước tình hình đó, những người tìm kiếm phải dừng lại chờ trời sáng.

Buổi sáng hôm sau, một nhóm người đã thông báo có dấu vết của một chiếc xe trượt tuyết nhỏ và một con ngựa ở phía cửa nam của trường học bị vùi lấp do tuyết rơi quá nhiều. Ngay lập tức, nhóm tìm kiếm được tổ chức lại. Những người đi theo đội thì dùng xe trượt tuyết, người đi lẻ thì cưỡi ngựa còn một số người đi bộ để tìm kiếm trong phạm vi 800 mét. Họ đi tới đi lui, sục sạo hết khu đất bị tuyết phủ trắng xóa.

Vào lúc hai giờ chiều thứ Ba, 25 giờ kể từ lúc những đứa trẻ nhà Miner mất tích, những người tìm kiếm đã thấy dấu vết ở một đồng cỏ cách trường hai dặm về phía bắc. Đó là một chiếc xe trượt tuyết bị đổ nhào. Kế đó là một con ngựa đứng bất động nhưng vẫn còn sống. Một gò cao bị tuyết bao phủ nằm dưới vòm của chiếc khung xe trượt.

Thân thể cứng ngắc của một cô bé nằm úp mặt xuống với chiếc áo khoác không cài nút trải rộng. Đôi tay cô bé đang ôm lấy em trai và em gái để che chở cho chúng.

Đoàn người tìm kiếm nhẹ nhàng đỡ cô bé rồi gỡ bỏ chiếc áo choàng và tấm bạt rách nát mà cô trùm lên cơ thể. Bên dưới là Myrdith và Emmet, cả hai đã mê man, cơ thể như đông cứng nhưng vẫn sống. Chúng đã hứa không ngủ quên dù Hazel biết chúng có thể sẽ không bao giờ tỉnh lại được nữa.

Ngày nay, trên sân trụ sở tòa án ở thành phố Center, một tượng đài tưởng nhớ bằng đá granite đã được dựng lên sừng sững như một thách thức giữa đất trời rộng lớn với dòng chữ được khắc như sau:

TUỞNG NHỚ

Hazel Miner

11. 04. 1904 - 16. 03. 1920

Với người quá cố là đài vinh danh

Với người đương thời là bia tưởng nhớ

Với hậu thế là nguồn cảm hứng

Câu chuyện về cuộc đời, câu chuyện của cô

Trong ký ức của hạt Oliver

Còn mãi khắc ghi cái chết bi hùng.

- Helen Rezatto

Thiên đường trên mặt đất

*“Nếu không biết khi nào
bình minh sẽ đến thì hãy mở rộng
tất cả các cánh cửa trong nhà bạn.”*

- Emily Dickinson

Hiếm khi thời tiết của một buổi sớm tháng Mười lại ấm áp như hôm ấy. Đây có lẽ là món quà mà Thượng đế muốn ban tặng cho những người dân sinh sống ở vành đai tuyết của Michigan trước khi đội binh hùng mạnh của thần băng giá kéo đến. Trong hộp quà kỳ diệu ấy chứa đựng bầu không khí ngát thơm và những làn gió hây hây. Tôi cùng Rick - một người bạn thân lâu năm - đi dạo trên một con đường gần nhà tôi. Cả hai trò chuyện về vụ thu hoạch bắp vừa qua và việc những chiếc lá của mùa thu vẫn còn lưu luyến chưa chịu lìa cành.

Đang đi thì đột nhiên Rick khựng lại.

- Này! Chúng ta đi đến hồ Michigan⁽¹⁾ nhé. -
Anh bạn tôi hồ hởi đề nghị.

Tôi thật sự phấn khởi khi nghe lời đề nghị của Rick. Cả hai chúng tôi biết rất rõ địa danh “hồ Michigan” có tác động kỳ diệu đối với mỗi người như thế nào. Chỉ nghĩ đến việc được ra biển đã khiến lòng tôi lâng lâng bao cảm xúc tuyệt diệu. Chúng tôi nhanh tay chuẩn bị vài thứ gọn nhẹ cho bữa trưa, gồm có bánh mì kẹp cá ngừ, khoai tây chiên, rồi lấy vội hai chiếc áo choàng và xuất phát. Sau nửa giờ lái xe về hướng Tây, chúng tôi đã đến bên bờ hồ Michigan.

Sau khi tìm chỗ đậu xe, chúng tôi khoác thêm áo choàng vào người để giữ ấm cơ thể trước những cơn gió lạnh đang thổi lồng lộng. Cả hai lặng lẽ sóng bước bên nhau trên dải cát trắng hướng ra phía hồ. Ngọn hải đăng South Haven già nua vẫn đứng hiên ngang cuối bến tàu, thực hiện nhiệm vụ canh gác mà nó đã

(1) Hồ Michigan: Một trong 5 hồ lớn của Bắc Mỹ (diện tích 58.016 km²), tiếp giáp với các bang, từ tây sang đông của nước Mỹ, như sau: Wisconsin, Illinois, Indiana và Michigan. Từ “Michigan” ban đầu được sử dụng để chỉ bán thân hồ, và người ta tin rằng nó có gốc từ tiếng *mishigami* của thổ dân Indian Ojibwa, có nghĩa là “đại hồ”. Vì hồ quá rộng nên trông chẳng khác gì biển.

đảm nhận từ hơn một thế kỷ nay. Nó tiếp tục làm người dẫn đường cho các thủy thủ trở về nhà vào những ngày dông bão hay những đêm tối mịt mù, mặc dù có thể ngày nay nhiều người không còn cần đến nó nữa. Ánh mặt trời tỏa rạng trên đầu chúng tôi khiến cho vạn vật đều trở nên bừng sáng. Những con sóng tới tấp xô vào bờ rồi nhanh chóng rút lui để lại ủa vào mạnh hơn trước.

Tôi rất thích những chuyến đi thư giãn như thế này, nhưng với Rick, chuyến đi đến bờ hồ Michigan này có ý nghĩa rất lớn. Sau một năm Rick lui tới các bệnh viện và tiến hành hàng loạt xét nghiệm, người ta vẫn chưa tìm ra được phương pháp điều trị cho căn bệnh đau nhức các khớp xương của anh. Mặc dù xác định được tên của căn bệnh mà Rick đang mang trong người nhưng các bác sĩ không tìm được nguyên nhân gây bệnh nên không thể đưa ra một phương pháp điều trị hữu hiệu để ngăn chặn quá trình phát triển của chúng. Nhiều lúc Rick đứng không vững và những bước chân của anh trở nên run rẩy. Anh phải dùng hai cánh tay chống vịn vào đầu gối và thỉnh thoảng còn bị ngã trong lúc đang bước đi.

Nhưng nhìn Rick lúc này, không ai dám nghĩ rằng anh đang gặp vấn đề về sức khỏe. Nhìn bề ngoài, Rick khá trẻ so với tuổi 50 của mình; anh cao hơn 1,80 mét, đầu đội chiếc mũ lưới trai có logo của đội bóng chày nổi tiếng. Nhiều năm nay, Rich nhận nuôi một đứa cháu trai lên tám và giờ thì anh còn phải chăm sóc cả người mẹ thường xuyên ốm đau của cậu bé nữa. Với Rick, việc được dạo bước ở hồ Michigan không chỉ đơn thuần là một cuộc dạo chơi cuối tuần. Những khoảnh khắc ngắn ngủi và vô cùng quý giá này còn là liều thuốc giúp bạn tôi tạm thời quên đi những trách nhiệm nặng nề cùng bao áp lực đè nặng trong tâm trí anh.

Chúng tôi lặng lẽ đi bên nhau dọc theo bờ hồ. Sự im lặng giúp cho bản giao hưởng của sóng hòa điệu với khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp của vùng hồ Michigan thấm vào mọi ngóc ngách của tâm hồn, xoa dịu những vết thương và truyền cho chúng tôi sức mạnh để vượt qua mọi thử thách của cuộc sống. Sau đó, tôi dừng lại nhặt những viên đá tròn và nhẵn để Rick ném chúng nháy cách quãng trên mặt nước. Chúng tôi nhìn ngắm những con sò biển cùng vài ba tấm gỗ bị sóng đánh dạt vào bờ. Những

con sóng táo bạo ừa vào bờ cát mỏng trốn bàn chân của chúng tôi. Rick - lúc này đang đi trước tôi một vài bước - bỗng quay người lại, thốt lên:

- Bình thường có nhiều việc tôi rất muốn làm nhưng không thể làm được. Giờ đây, trên bờ biển này, tôi nghĩ mình đã có can đảm để thực hiện chúng. Anh có muốn cùng tham gia với tôi không?

Tôi cảm thấy do dự trước lời đề nghị của Rick. Ở tuổi này, tôi không muốn ràng buộc bản thân vào những lời hứa hẹn mà tôi không biết mình có thực hiện được hay không.

- Anh muốn làm những gì? - Tôi hỏi.

- Tôi muốn chạy. Tôi không biết liệu sau này mình có còn chạy được nữa không. Vì thế hôm nay tôi muốn chạy dọc theo bờ cát này. Ở đây, tôi sẽ không phải bận tâm đến bất cứ điều gì nếu tôi ngã. Cát ở đây rất mềm nên tôi sẽ không bị thương. Và lại, ở đây không có nhiều người nên tôi cũng không có gì phải xấu hổ.

Dù không thích chạy đua nhưng câu nói của Rich khiến tôi hết sức cảm động. Ban đầu chúng tôi chạy chậm chậm nhưng sau đó thì tăng tốc dần cho đến khi nhịp chân của cả hai

trở nên mạnh và gấp hơn. Chúng tôi chạy sóng đôi bên nhau dọc theo bờ cát dài. Tôi nhìn thấy nụ cười rạng rỡ trên gương mặt Rick và tôi tin rằng nếu bị đau, chắc anh ấy cũng không để lộ ra cho tôi biết.

Tôi dừng lại trước Rick vì lâu lắm rồi tôi mới chạy thế này. Cách chỗ tôi một quãng, Rick vẫn tiếp tục chạy. Anh chạy hết tốc lực, sai những bước chân chặc chấn trên mặt cát dưới bầu trời tháng Mười trong vắt, không một gợn mây. Trong thoáng chốc, tôi có cảm giác như cả thế giới đang quay chậm lại và thời gian ngừng trôi để tôi có thể ghi nhớ từng đường nét, màu sắc của hình ảnh đang diễn ra trước mắt mình.

Rick vẫn ở trong tầm quan sát của tôi. Tôi thấy anh chạy trên bờ cát, bên cạnh là những con sóng trắng phản chiếu ánh nắng mặt trời mà nhìn từ xa, chúng giống như một dải kim cương lấp lánh. Những chiếc lá thu vàng rục còn sót lại rung rinh theo gió trên những thân cây mọc trên đụn cát. Tôi bước chậm rãi, nhìn ông bạn thân yêu của mình dừng bước và quay trở về. Đôi chân anh sai bước vững vàng trên nền cát, hai cánh tay anh giơ cao, hai bàn tay siết chặt lại thành hai quả đấm cứng cáp. Anh ngửa mặt lên trời, phấn khích hét to:

- Tôi làm được rồi. Tôi đã không ngã.

- Chúc mừng anh. Anh giỏi lắm. - Tôi cũng hết to, cười lớn nhưng rồi tiếng cười của tôi nghẹn lại trong cổ giống như tiếng khóc.

Tôi mừng tượng một ngày nào đó, khi chúng tôi cùng lên thiên đường, tôi sẽ nhìn thấy người bạn thân thiết của mình chạy trên sân bóng chày mà không phải bận tâm về bất kỳ vết thương hay căn bệnh nào. Bạn tôi sẽ là một người hoàn toàn khỏe mạnh, được tự do đi đến bất cứ nơi nào anh muốn và làm bất cứ việc gì anh thích. Vào một chiều thu ấm áp, trong một khoảnh khắc, tôi đã nhìn thấy mối đồng cảm sâu sắc giữa thế giới rộng lớn này với một con người bé nhỏ đang bước đi trên mặt đất. Tôi bỗng muốn tạ ơn Thượng đế, vì Ngài đã cho tôi nhìn thấy thiên đường ngay trên cõi dương gian.

- Anne Goodrich

Mike, tôi và chiếc bánh

*Thật tồi tệ khi những điều
chúng ta tin tưởng lại mâu thuẫn
với những việc chúng ta làm.*

- Freya Stark

Một hôm, sau buổi họp Ấu sinh Hương đạo, Mike - con trai chín tuổi của chúng tôi, trở về nhà và nói với chúng tôi rằng nhóm của nó sẽ đứng ra tổ chức một bữa tiệc lớn và bán bánh ngọt. Bánh này sẽ do chính các Ấu sinh và cha của chúng cùng làm.

Tôi chưa bao giờ tự nướng bánh, nhưng vì từng nhiều lần nhìn vợ trộn bột nên tôi nghĩ kế hoạch đó cũng không có gì quá khó khăn và to tát.

Rồi ngày tổ chức bữa tiệc cũng đến, Mike và tôi chọn một gói bột màu vàng đẹp mắt. Theo

chỉ dẫn trên gói bột, chúng tôi nhào các loại gia vị với nhau rồi đổ hỗn hợp đó vào hai chiếc khuôn tròn. Khi đặt hai chiếc khuôn đó vào lò nướng, cha con tôi hết sức tự tin. Nhưng sau 30 phút, tôi kinh ngạc khi thấy chiếc bánh không phồng lên cũng không mềm và mịn như trong quảng cáo (dù chúng tôi đã theo sát chỉ dẫn). Thực tế, chúng chỉ cao tới nửa chiếc khuôn. Mike có vẻ không quan tâm lắm đến điều này. Có lẽ, đó cũng là do tôi đã bảo với thằng bé rằng chiếc bánh ngon nhất mà tôi từng ăn cũng chỉ thấp chừng này thôi.

Chúng tôi xếp mấy cái bánh chồng lên nhau. Sau đó, tôi phát hiện ra là chúng tôi cần đường làm mứt để phủ lên mặt bánh. Nhưng thứ đó hiện giờ chúng tôi lại không có. Thời gian thì không còn nhiều, bữa tiệc thì chỉ còn cách đó vài giờ.

Vì không biết đường để làm mứt khác với đường vẫn ăn nên tôi đành ninh rằng đường nào chẳng là đường. Nhưng rất may, vợ tôi đã nhắc tôi rằng đường thông thường không thể sử dụng để phủ lên mặt bánh. Thế là tôi chỉ còn một cách duy nhất - phi như bay đến siêu thị mang về một hộp đường phủ bánh chế biến

sẵn (vì lúc này nếu tự tay chế biến, chắc chắn chúng tôi sẽ trễ buổi tiệc).

Cuối cùng thì lớp phủ cũng hoàn tất dù nó hơi mỏng một chút. Công đoạn cuối cùng được lấy cảm hứng từ cách sơn trang trí trên trần nhà bếp. Ngoài ra tôi còn trang trí thêm mấy chấm nhỏ trên mặt bánh. Mike và tôi nhìn nhau cười đắc ý vì công việc khó khăn cuối cùng cũng đã hoàn thành. Chúng tôi thậm nhủ trông nó cũng đẹp lắm chứ. Vợ tôi mỉm cười. Cô ấy cũng công nhận là trông chiếc bánh thật ngon và đẹp mắt. Tôi không nhận ra rằng chiếc bánh của mình bị méo.

Trên đường vội vã tới bữa tiệc, Mike mới cho tôi biết là bánh hôm nay sẽ được bán đấu giá. Trong khoảnh khắc, tôi ước gì chúng tôi có nhiều thời gian hơn để chăm chút cho chiếc bánh, vì như thế nó sẽ hoàn hảo hơn nhiều.

Hội trường lúc này chật kín người. Bữa tối đang được chuẩn bị nên chúng tôi đưa chiếc bánh tới phòng bán đấu giá. Thật bất ngờ, trên chiếc bàn dài, rất nhiều chiếc bánh nhỏ bày biện vô cùng đẹp mắt với đa dạng hình thù khác nhau. Tất cả đều phết một lớp đường mịn lên mặt bánh

và được trang trí rất hài hòa. Có lẽ Mike đã hiểu nhầm, bởi bữa tiệc này giống với cuộc thi làm bánh hơn. Có lẽ, những cặp cha con ở đây đều nhận được sự trợ giúp đặc lực từ những người vợ khéo tay, các chuyên gia trang trí bánh bậc thầy và cả những kỹ sư đầy óc sáng tạo. Có lẽ, chúng tôi đã tới nhầm chỗ...

Có những chiếc bánh được làm theo hình dạng cái lều hình nón của người da đỏ, lại có những chiếc được làm theo hình con thuyền có gắn phàn lực, hoặc hình chiếc mũ, hình lá cờ nước Mỹ, tạo dáng con người và động vật... Bên trên mặt bánh được trang trí nào là sơ ri, nào là nấm hoặc lấp lánh kẹo. Những chiếc bánh được trưng bày trên những khuôn bánh trang trí công phu hoặc những chiếc đĩa bằng sứ đắt tiền. Có cả những chiếc bánh được trang trí trên bề mặt hình lá cờ biểu trưng của Ấu sinh Hướng đạo, khung cảnh của trận chiến trong *Chiến tranh giữa các vì sao*, và cả hình phong cảnh.

Mike trang trọng đặt chiếc bánh lên trên chiếc đĩa giấy mà chúng tôi đã rắc sẵn đường. Khi thấy không còn chỗ, thằng bé liền đặt chiếc bánh lên lò sưởi phía sau bàn. Rồi cẩn thận, nó

mở miếng bìa kính bên ngoài, nhưng miếng bìa lại dính vào một vài điểm trên chiếc bánh khiến bề mặt chiếc bánh có màu vàng lố chỗ. Mặt tôi nóng ran khi theo dõi từng động tác của Mike, nhưng thằng bé dường như không cảm thấy chút xấu hổ nào trước sản phẩm ấy.

Tôi quyết định gợi ý khéo với thằng bé rằng chúng tôi không nên tham gia buổi bán đấu giá này, rằng có lẽ... Nhưng suy nghĩ đó ngay lập tức bị cắt ngang khi hội trường vang lên tiếng reo mừng náo nhiệt chào đón những người mặc bộ đồng phục màu xanh bước vào.

Cả khán phòng ồn ã khiến tôi không thể nghe được quy tắc của cuộc đấu giá, nhưng lúc sau một phụ nữ dáng vẻ nghiêm nghị đã thuật lại cho tôi một số quy tắc trong khi đưa con nhỏ của cô ấy cứ bám lấy chân phải của tôi. *Chỉ có những Áu sinh mới có thể tới gần khu vực đấu giá và đưa ra giá của mình.* Tôi vội đưa cho Mike tám đô la và khi nó chạy trở lại chỗ đặt chiếc bánh, tôi đã hô to bảo nó đặt giá thấp thôi vì số tiền còn lại sẽ là của nó.

Sau năm phút ồn ào vì đứa trẻ này ra sức hô hào nhắc nhở đứa trẻ khác im lặng, cuộc đấu

giá bắt đầu. Người điều khiển cuộc bán đấu giá nâng chiếc bánh thứ nhất lên. Ông ta mô tả tỉ mỉ thiết kế công phu của chiếc bánh với cách trang trí cầu kỳ, những chất liệu đẹp mắt, màu sắc tươi sáng với những trái sơ ri được trang trí phía trên. Ông gợi ý rằng những vật trang trí này xứng đáng một cái giá mở đầu thật cao. *“Bảy mươi lăm cent! Tám mươi cent! Một đô la! Một đô la lần thứ nhất, một đô la lần thứ hai; chiếc bánh đã được bán với giá một đô la”*. Chiếc bánh tiếp theo cũng được mô tả thật tỉ mỉ và bán với giá năm mươi cent. Tưởng tượng tới phản ứng của khán giả trước chiếc bánh của chúng tôi, bỗng dưng tôi thấy lòng mình thất lại.

Có lẽ con trai tôi sẽ làm ra vẻ như không biết chiếc bánh của chúng tôi khi người ta giơ chiếc bánh lên. Trong đầu tôi chợt hiện lên cảnh tượng đấu giá chiếc bánh với những tiếng xì xào chê bai và giễu cợt của mọi người.

Tôi cố gắng ra dấu cho thành bé ở góc phòng. Trong đầu tôi manh nha ý định rằng bằng cách nào đó tôi sẽ di chuyển về phía trước và làm ra vẻ vô tình xô vào chiếc bánh nhằm “phi tang” nó, chỉ có thế tôi mới có thể cứu Mike khỏi bị

bé mặt trước mọi người. “*Con trai ơi, mua bánh đi, chọn đại cái nào cũng được rồi cha con mình sẽ nhanh chóng rời khỏi nơi này.*” - Tôi thầm nghĩ. Nhưng đúng lúc đó, người phụ nữ ngồi bên cạnh bỗng quay sang nhìn tôi chằm chằm, thế là tôi đành phải từ bỏ kế hoạch ám muội ấy.

Không biết tôi đang mơ, hay người điều khiển cuộc đấu giá đã chủ tâm “làm lo” chiếc bánh của chúng tôi. Rồi bỗng nhiên, tôi nghe loáng thoáng đâu đó tiếng xì xào từ hàng ghế khán giả. Hình như họ đang bàn tán về chiếc bánh có “*những chấm vàng*”. Một vài thanh thiếu niên ngồi sau tôi gọi đó là “*chiếc bánh bệnh phong*” rồi chúng cười ngật nghéo với nhau. Tim tôi nhói đau. Nỗi thương cảm Mike trào dâng.

Khoảnh khắc đó cuối cùng cũng tới. Người điều khiển cuộc đấu giá giơ chiếc bánh của chúng tôi lên. Chiếc đĩa giấy nghiêng theo tay ông ấy. Những mảnh vụn lá tả rơi xuống. Dưới ánh đèn rực rỡ, vô số lỗ nhỏ hiện ra lỗ chỗ trên lớp phủ bánh vụng về. Ông bắt đầu nói. Nhưng chưa kịp gì, Mike đã đứng đó, reo to hết sức: “*Tám đô la*”.

Khắp khán phòng mọi người đều sững sờ. Không một cái giá nào khác được đưa ra. Sau

khi đếm hiệu hai lần, người điều khiển cuộc đấu giá gật đầu: “À, được rồi...”. Mike chạy về phía trước, nó cười toe toét. Tôi nghe thấy nó thích thú nói với bạn bè: “*Đó là cái bánh của tớ đấy! Cha tớ và tớ đã cùng làm nó đấy!*”.

Thằng bé đã dành cả tám đô la để đấu giá cho chiếc bánh cứ như thể đó là một báu vật. Vừa cười, nó vừa bước đi giữa đám đông. Nó còn dừng lại và dùng ngón tay trở quệt thử một miếng. Khi thấy tôi, nó reo to: “*Cha à, con đã mua nó rồi!*”.

Chúng tôi lái xe về nhà trong niềm hạnh phúc, Mike đặt chiếc bánh trong lòng. Tôi hỏi nó tại sao lại đưa ra cái giá mở màn là toàn bộ số tiền nó có, nó trả lời rằng: “*Con không muốn người khác có được cái bánh của chúng ta!*”.

“*Chiếc bánh của chúng ta?*”. Ô, đúng vậy! Đó thực sự là chiếc bánh của chúng tôi. Nhưng trước đó tôi đã nhìn nó chỉ bằng con mắt của riêng tôi. Về tới nhà, mỗi người chúng tôi đều ăn một phần bánh trước khi Mike đi ngủ. Hương vị của nó thật tuyệt. Và Chúa ơi, trông nó cũng đẹp lắm chứ!

- *Michael A. Andrews*

Sức mạnh của sự tập trung

Ngày nhỏ, tôi có một thói quen rất xấu là “*cả thềm chóng chán*”. Một ngày mùa hè nắng chói, cha đã chỉ cho tôi một thử nghiệm thú vị từ chiếc kính lúp và một tờ báo. Khi ông di chuyển chiếc kính trên tờ báo từ điểm này sang điểm khác, không có gì thay đổi. Nhưng khi ông dùng chiếc kính hứng ánh mặt trời và hướng nó vào một điểm nhất định và giữ nguyên chiếc kính trong một khoảng thời gian thì lửa bốc lên làm cháy một lỗ trên tờ báo.

Tôi kinh ngạc trước thử nghiệm của cha nhưng không hiểu được ý nghĩa của nó. Một lúc sau, cha tôi giải thích rằng nguyên tắc thử nghiệm này cũng giống với nguyên tắc áp dụng

Hạt giống tâm hồn

vào mọi việc làm của chúng ta: *Để thành công, chúng ta cần tập trung tất cả sức lực cho đến khi hoàn thành mục tiêu.*

- John Louis Feliciello

Cuộc chiến giữa người mẹ và chất kích thích

*Luôn luôn là thời điểm thích hợp
cho những việc làm đúng đắn.*

- Martin Luther King

Lori Lewis không phải là người thích lục lọi đồ đạc của người khác. Mục đích duy nhất của bà khi tìm kiếm khắp căn phòng của cậu con trai Bryan là tìm chiếc quần jeans để trả lại cho cửa hàng. Tuy nhiên, trong lúc tìm kiếm, bà vô tình phát hiện một chiếc túi du lịch rất lạ. Tò mò, Lewis mở chiếc túi ra và tìm thấy một chiếc kim tiêm và một ống dung dịch. Trời đất như tối sầm trước mắt Lewis. Một ý nghĩ vụt qua óc bà, phải chăng con trai bà đang dùng ma túy?

Sau khi gọi điện tới một nhà thuốc ở địa phương, Lewis cảm thấy an tâm một phần khi biết rằng thứ dung dịch đựng trong ống tiêm là anabolic steroid⁽²⁾ hay steroid đồng hóa. Nhưng sau đó, một loạt câu hỏi hiện ra khiến đầu óc bà như muốn nổ tung. Tại sao Bryan lại dùng chất kích thích?

“Này Bryan, mẹ cậu đang đợi bên kia kia”. Bryan Dyer nhìn theo tay bạn gái. Cậu vừa học xong tiết học buổi chiều tại trường phổ thông Colleyville Heritage ở khu Dallas giàu có thuộc ngoại ô Texas. Ngay sát lề đường, mẹ cậu đang đứng sau chiếc xe Navigator màu trắng. Ánh mắt bà rất bức bối.

- Về nhà ngay! - Lewis nói.

Bryan là một thanh niên 17 tuổi, cao 1,83 mét và gầy nhồng. Năm trước, cậu từng chơi ở vị trí tiền vệ trong đội bóng đá đại diện cho trường và luôn là một học sinh giỏi nắm giữ

(2) Anabolic steroid là những thuốc như testosterone hoặc những chất hoạt động như testosterone. Các bác sĩ thường kê đơn thuốc này để điều trị những vấn đề như dậy thì muộn và những vấn đề y khoa khác làm cho cơ thể tạo ra lượng rất thấp testosterone. Steroid làm cho các cơ to hơn và xương chắc hơn. Chúng cũng có thể làm cho dậy thì hoạt động và giúp những cậu trai bị bệnh rối loạn di truyền phát triển một cách bình thường.

những điểm A và B trong lớp. Như những thanh niên khác ở Colleyville, cậu cũng thích quần jeans, giày đế mềm, áo thun và ưa sùm sụp một chiếc mũ lưỡi trai che gần kín mắt. Cha mẹ ly hôn khi cậu còn nhỏ. Sau đó, cậu sống với mẹ, cha dượng, anh trai và em gái. Cậu vẫn thường xuyên gặp cha - một cựu ngôi sao bóng đá của trường phổ thông ở Arlington gần đó vì ông hay có mặt trong các sự kiện thể thao của các trường phổ thông. Kể từ khi cha mẹ ly dị, mối quan hệ giữa hai mẹ con Bryan trở nên gần gũi hơn. Nhưng vào thời điểm này, cậu đã phải chạm trán với một loạt cầu thủ còn hơn phải đối mặt với sự giận dữ của bà.

Vừa bước vào nhà, Bryan đã thấy mẹ đứng đợi với chiếc kim tiêm và ống dung dịch trên tay.

- Tại sao con lại dùng chất kích thích?

Bryan sững sờ, chết lặng. Một hồi sau, cậu giải bày: *“Mẹ, gần như cả đội đều dùng nó mà”*. Bryan kể về niềm hy vọng được gia nhập đội tuyển đại diện cho trường đi thi đấu. Thầy huấn luyện viên và cha luôn đòi hỏi cậu phải nâng cao thể hình. Vì thế cậu đã quyết định dùng 200 đô

la tích góp được khi làm việc tại Applebee's để mua "Deca" - nandrolone decanoate⁽³⁾ từ một người học cuối cấp trong đội bóng. Trong năm tuần, cậu đã tự tay tiêm thứ thuốc đó vào hông mình.

Lewis thấy mình bị sốc:

- Con nghĩ là con đang làm gì chứ?

Bryan yếu ớt:

- Mẹ, các huấn luyện viên đều yêu cầu chúng con phải to lớn, khỏe mạnh và nhanh nhẹn hơn. Nhưng họ không chỉ cho chúng con phương pháp. Họ chỉ yêu cầu thôi.

Như bao bậc phụ huynh khác, Lewis rất nhạy cảm trước những hiểm họa từ rượu và các chất kích thích đối với đứa con đang độ tuổi trưởng thành của mình. Tất cả những gì bà biết về steroid đồng hóa là chúng bất hợp pháp. Sau khi tìm hiểu trên mạng Internet, bà nhanh chóng phát hiện ra các tác hại của nó. Nếu dùng thường xuyên, chất này sẽ hủy hoại cơ thể, tạo

(3) Nandrolone decanoate là một loại steroid đồng hóa. Nó là một chế phẩm ở dạng chích có tác dụng tăng đồng hóa cho cơ thể. Dạng este cho phép chế phẩm có tác dụng dài khoảng 3 tuần. Nếu dùng liên tục trong sáu tháng thì có tác dụng rõ rệt trong việc tăng cân ở người gầy.

ra những căn bệnh khủng khiếp như ung thư, bệnh tim và các vấn đề thể chất nghiêm trọng khác, kèm theo đó là những bất ổn trong đời sống tinh thần như trầm cảm hay chứng giận dữ quá mức.

Bryan ngừng sử dụng chất đó khi lưng cậu bị mọc nhiều mụn, một tác dụng phụ của thuốc. Đến khi mẹ cậu phát hiện ra kim tiêm, cậu đã sử dụng steroid đồng hóa được nhiều tháng. Nhưng Lewis băn khoăn rằng ngoài con bà, ở ngoài kia còn bao nhiêu đứa trẻ khác đang ngây ngô làm những việc ngu xuẩn tương tự?

- Mẹ sẽ gọi điện tới trường. - Bà nói.

- Đừng mẹ. Con sẽ bị đuổi mất! - Bryan năn nỉ.

Lewis trấn an con trai:

- Con đừng lo. Không ai biết đó là con đâu.

Để hiểu được diễn biến tiếp theo của câu chuyện, bạn cần hiểu được bóng đá phổ thông ở Texas có tầm ảnh hưởng to lớn đến thế nào. Các đội bóng của bang luôn nằm trong топ những đội bóng xuất sắc nhất toàn quốc. Không tự nhiên mà 20.000 người lại tập trung tại những sân vận động đông đúc vào các tối thứ Sáu trong khi họ

có thể thành thoi ở nhà thường thức buổi tường thuật trực tiếp trên truyền hình. Những trận đấu này ngốn nguồn kinh phí khổng lồ lên tới 20 triệu đô la. Phần lớn số tiền này được rút ra từ túi của những người ủng hộ muốn chứng kiến đội của mình chiến thắng. Những huấn luyện viên thành công có thể kiếm được khoản tiền lương hấp dẫn, còn trận chiến để giành giật những vị trí đáng thèm khát này thì khỏi nói, thật khủng khiếp.

Từ những thành phố nghèo nàn với nền kinh tế khủng hoảng như Odessa tới những khu ngoại ô giàu có ở Dallas, các anh hùng bóng đá tuổi thiếu niên đều chiếm lĩnh những vị trí danh giá nhất. Nhưng áp lực lớn nhất nằm ở những trường như Colleyville vì chúng phải cạnh tranh trong một môi trường khắc nghiệt nhất của bang. Hai năm trước, khi đội Southlake Carroll giành ngôi đầu bảng không chỉ ở Texas mà còn ở phạm vi toàn quốc, nhiều cầu thủ của đội đã nắm được những học bổng béo bở cho chúng cơ hội được chơi ở những trường đại học danh tiếng.

Vì thế, không có gì đáng ngạc nhiên khi một số cầu thủ sử dụng chất kích thích để chiếm được ưu thế và giải thoát khỏi sức ép quá lớn trong những trận đấu căng thẳng. Khắp nước

Mỹ, trong giai đoạn từ 1991 tới 2003, lượng chất kích thích sử dụng ở các trường phổ thông lên đến mức báo động. Theo khảo sát của các trường học ở Texas về tình hình lạm dụng chất kích thích vào năm 2004, hơn 41.000 ngàn học sinh từ lớp 7 tới lớp 12 đã thừa nhận chúng có sử dụng chất kích thích. Nhiều thanh thiếu niên còn cho biết những chất kích thích này có thể mua bán dễ dàng qua trung gian ở địa phương hoặc mua bán trực tuyến.

Và vì chỉ một số ít trường tiến hành kiểm tra nên bọn trẻ không hề lo bị phát giác. *“Đó là hành vi bị ém nhem nhiều nhất mà tôi từng thấy, còn hơn cả tội giao cấu với trẻ em.”* - Charles Yesalis, một giáo sư của Đại học Pennsylvania phát biểu sau 20 năm nghiên cứu về thực trạng sử dụng chất kích thích. Ông còn cho biết ngay cả các công chức trong trường cũng phủ nhận vấn đề này. *“Nếu mỗi lần huấn luyện viên hay hiệu trưởng báo với tôi rằng: “Đó là vấn đề thật đấy, nhưng nó không tồn tại ở trường chúng tôi” mà tôi được trả 100 đô la thì có lẽ tôi đã có thừa tiền để mua một chiếc xe Ferrari rồi đấy!”*.

Sau khi phát hiện vấn đề của con, ngay ngày hôm sau, Lewis đã gọi điện cho trợ lý hiệu trưởng

trường Colleyville, ông Ted Beal. Bà đưa ra một câu chuyện tương tự câu chuyện của Bryan, và Beal đã nói rằng ông sẽ kiểm tra lại. Một vài giờ sau, ông gọi lại và khẳng định với bà rằng không có vấn đề như vậy vì huấn luyện viên Chris Cunningham đã nói chắc chắn với ông.

- Có thật như vậy không? - Lewis nghi ngờ.

Chẳng cần một chứng lý nào thêm, Beal bảo với bà rằng ông không thể giúp gì hết.

Lewis giận tái người. *Họ chỉ muốn tổng ta về cho nhanh*, bà thầm nghĩ. Từ trước tới giờ, người mẹ 40 tuổi này không phải là một người năng nổ hoạt động. Các hoạt động bên ngoài của bà chỉ dừng lại ở phần việc nhỏ bé trong hội phụ huynh và một vài công việc vận động cho thị trường Colleyville và Tổng thống George W. Bush.

Bà tự nhủ *“Ta đã làm tất cả cho thể thao phổ thông. Nhưng ta chả làm được gì cho những đứa trẻ đang đẩy mình xuống vực thẳm kia. Làm sao lại có thể như vậy được chứ?”*. Ngày hôm sau, bà gọi điện tới tòa soạn báo Colleyville Courier.

Một tuần trôi qua, phóng viên Scott Price

và biên tập viên Charles D. Young đã thu thập tin tức từ học sinh, huấn luyện viên và các công chức trong trường. Vào ngày 1 tháng 10, tờ báo đã đưa câu chuyện này lên trang nhất. Dù không nêu đích danh Lewis nhưng Price đã viết: *“Chúng tôi không mất nhiều thời gian để xác minh những lo ngại của người mẹ ấy. Quả thực, Courier đã có đủ chứng cứ cho thấy chất kích thích đã được ngầm sử dụng tại các trường phổ thông ở toàn khu vực này”*.

Những ngày tiếp theo, tờ *Dallas Morning News* liên tục đề cập tới vấn đề này. Bryan ước gì mình chưa từng dính dáng tới chất đáng nguyên rủa đó.

- Điều đó chẳng liên quan gì tới những người khác. Tại sao mẹ lại công khai chúng cho báo chí? - Cậu gào lên.

Nhưng một khi Lori Lewis đã quyết tâm làm một điều gì đó thì bà hiếm khi bỏ cuộc giữa chừng.

- Vì như vậy sẽ cứu vớt cuộc sống của những người khác ở những nơi khác. - Bà đáp.

Vào đầu tháng Hai, trên trang nhất của tờ *Dallas Morning News*, một loạt bài với tựa đề:

“*Thảm họa ngầm - chất kích thích ở các trường phổ thông*” được đăng tải. Các phóng viên đã xác minh thêm nhiều trường hợp sử dụng chất kích thích ở các trường phổ thông phía Bắc Texas và đã dành nhiều giấy mực viết về một cầu thủ bóng đá có tên “Patrick” - một bí danh cho Bryan.

Vô cùng phẫn nộ, Bryan gọi điện cho mẹ và giận dữ nói rằng: “*Mẹ, người ta đang gọi con là Patrick kia kìa*”. Nhưng sự che giấu đó không giữ được lâu. Cậu biết rằng một trung gian thuốc kích thích ở địa phương đang lần tìm cậu, các cầu thủ bóng đá đang lên kế hoạch để phơi bày cậu, và có người còn gửi tới cho cậu một thông điệp đầy đe dọa: “*Tao sẽ đập cho mày một trận!*”.

Vào tháng Chín, Steve Trachier - Trưởng phòng đào tạo của phòng giáo dục quận đã gửi tới các công chức ở các trường phổ thông một bức thư điện tử với tựa đề *Lý lẽ vô cơ của Lewis*. Còn huấn luyện viên Cunningham gọi bà là “*kẻ nói dối*”. “*Các anh để một bà mẹ điên khùng tự do tìm người đổ lỗi cho vấn đề riêng của bà ấy*.” - Ông nói với tờ *Morning News* (sau này, ông đã phải công khai xin lỗi vì cách gọi khiếm nhã của mình).

Một đêm, Lewis nằm trên giường, lòng không khỏi băn khoăn: “*Mình đang làm gì thế này?*”. Chồng của Lori, Jack, là nguồn cổ vũ lớn nhất đối với bà. Nhưng để bảo vệ Mc Kenna - đứa con gái tám tuổi của họ khỏi giới truyền thông, ông đã không công khai trước công chúng. Bây giờ, ngay cả Jack cũng phải tức giận:

- Người ta chỉ trích em vì em đã làm đúng. Vì thế, bây giờ em không được dừng lại. - Ông động viên vợ.

Chín vận động viên, phần lớn là cầu thủ bóng đá, cuối cùng đã bị phơi bày hành vi sử dụng chất kích thích và đó là minh chứng cho thấy huấn luyện viên của họ đã sai. (Dù vậy, không có bằng chứng cho thấy Cunningham hay các huấn luyện viên khác biết rằng cầu thủ của mình sử dụng chất kích thích). Tuy nhiên, rất ít người ủng hộ việc làm của Lewis. Hàng xóm tuyệt giao với bà. Các phụ huynh khác trong lớp của Bryan cũng làm ngơ mỗi lần gặp bà ở siêu thị dù rằng họ quen biết nhau từ khi con họ mới bốn tuổi.

Và điều tồi tệ cuối cùng là gì? Bà và Bryan không có cùng suy nghĩ. “*Tuyệt lắm mẹ à, mẹ*

đã làm hỏng cuộc đời con rồi đấy!” - Cậu bé nói. Khi những đe dọa tiếp tục gia tăng, họ đã đồng ý chuyển trường cho cậu.

Cách đó 30 dặm, ở Plano, Texas, có hai người xa lạ đang âm thầm cổ vũ Lewis. Don và Gwen Hooton quan tâm đặc biệt tới những câu chuyện được đăng tải trên tờ *Morning News*. Đứa con trai 17 tuổi của Hooton là Tylor đã tự tử vào năm 2003. Tylor là một cậu bé luôn lạc quan và thích giao du, nhưng cậu đã dùng chất kích thích vì muốn cải thiện phong độ chơi bóng chày. Cậu bị bệnh trầm cảm sau khi ngừng sử dụng thuốc và cha mẹ cậu cho rằng chính chất kích thích đã giết chết con trai họ.

Kể từ đó, Don Hooton trở thành một thuyết khách khắp đất nước về vấn đề sử dụng chất kích thích. Ông đi khắp nơi để cảnh báo các bậc cha mẹ, huấn luyện viên và bọn trẻ. *“Bà đã làm đúng. Hãy kiên định, đừng nhụt chí và cũng đừng hy vọng người ta sẽ nhiệt tình đón nhận bà.”* - Ông động viên. Ở nơi Hooton sinh sống, gần nhà của cầu thủ huyền thoại trong đội bóng Dallas Cowboy - Troy Aikman, những người chỉ trích ông đã loan truyền những lời đồn sai trái rằng con trai ông đã dính dáng tới

những chất kích thích khác như thuốc ngủ gây tê và thuốc lắc.

Không cần quan tâm người khác nghĩ gì, Lewis nhủ thầm: *“Mình không phải là chủ đề tranh cãi đại chúng. Việc mình làm ở đây là để đấu tranh chống lại mối nguy hại này”*. Vào cuối tháng Tư, bà đã làm đơn tố cáo huấn luyện viên Cunningham vì tội vu khống. Một vài ngày sau, bà đã làm chứng trước tiểu ban lập pháp để ủng hộ điều luật yêu cầu thi hành kiểm tra chất kích thích ở các vận động viên phổ thông.

Vào tháng Năm, Lewis được mời tới gặp ban lãnh đạo trường Colleyville. Và sau đó, một điều lạ thường đã xảy ra: ban lãnh đạo đã nhất trí kiểm tra ngẫu nhiên các học sinh tham gia hoạt động ngoại khóa để xem chúng có sử dụng chất kích thích hay không. *“Điều đó không chỉ giúp ngăn chặn mầm mống hiểm họa mà còn khẳng định chắc chắn thái độ không dung thứ của chúng tôi với những đối tượng sử dụng chất kích thích dưới mọi hình thức.”* - Phát ngôn viên của nhà trường đã nói.

Còn với Bryan, cậu đã gia nhập đội bóng ở trường mới và nhanh chóng trở thành ngôi sao

của đội. Cậu cũng đảm nhiệm vai trò hậu vệ cánh và vừa mới lọt vào mắt của một chuyên gia săn lùng cầu thủ của một trường đại học ở Ohio. Điều đáng nói là tất cả những thành công ấy đều không hề có bóng dáng của chất kích thích.

- Lynn Rosellini

Sự giúp đỡ của một người bạn

*Chủ nghĩa anh hùng chân chính
rất giản dị, đời thường.
Đó không phải niềm khao khát
vượt qua người khác bằng mọi giá
mà là niềm mong muốn
cứu giúp người khác bằng mọi giá.*

- Arthur Ashe

Buổi sáng hôm ấy, tiết trời thật đẹp. Thành phố Fredericksburg, Virginia, như lùi dần sau cánh trái chiếc máy bay P51 Mustang⁽⁴⁾ vừa được sửa chữa lại khi tôi phóng đi theo hướng 330 độ. Trước mắt tôi lúc này là vùng đất tôi đang tìm kiếm: thành phố Culpeper.

(4) Chiếc North American Aviation P-51 Mustang: Một kiểu máy bay tiêm kích Hoa Kỳ một chỗ ngồi tầm xa được đưa vào sử dụng trong không lực các nước Đồng minh vào các năm giữa Thế chiến II. Chiếc P-51 là một trong những kiểu máy bay nổi tiếng được biết nhiều nhất trong cuộc chiến tranh.

Tôi đang ở độ cao hơn 4.500 mét so với mặt nước biển. Gạt cần trục về phía trước, tôi vội vã hạ cánh chiếc Mustang. Tôi đã tìm thấy thứ mình cần tìm, thế là tôi điều khiển chiếc máy bay bổ nhào xuống. Kim đồng hồ chỉ vận tốc của máy bay vượt quá 600 km/giờ. Tôi cho giảm tốc độ lại. Tôi đang bay ở độ cao khá thấp và hướng thẳng xuống đường lộ. Tôi nhắm đếm ba giây và thực hiện cú lộn trên không đẹp nhất trong đời mình.

Tôi biết mình đang vi phạm một số quy tắc bay của liên bang như điều khiển bay ở tầm thấp khi không được phép, bay gần các tòa nhà, và thực hiện những cú nhào lộn trên không ở độ cao dưới 4.500 mét. Không những thế, tất cả những điều ấy lại được thực hiện bởi một công chức của Combat Pilots Association (Liên đoàn Phi công Chiến đấu) kiêm huấn luyện viên bay vốn phải tuân thủ chặt chẽ các quy định. Nhưng tôi chưa bao giờ hối tiếc về sự bộc phát vô kỷ luật đó. Dù đúng hay sai, khoảnh khắc ấy cũng mãi mãi thuộc về tôi.

Năm tôi 6 tuổi, cha mẹ tôi ly hôn. Cha bỏ lại chúng tôi ở New York để kiếm tìm cuộc sống

mới, mặc cho mẹ con tôi phải khổ sở để bám trụ với cuộc sống. Đó là năm 1943 - quãng thời gian thật khốn khó.

Lúc ấy, mẹ tôi làm cho một cơ sở chế tạo vũ khí, rồi bà kết hôn với một người đàn ông mà tôi thường gọi là Jack. Ông ấy là người hay cáu giận. Cuộc sống cùng Jack là chuỗi ngày khốn khổ với những trận cãi vã to tiếng lúc nửa đêm, đôi khi còn kèm theo những tiếng đánh đập. Tôi nhớ, mẹ đã khóc rất nhiều.

Một buổi tối, Jack nói với tôi rằng ông ấy và mẹ phải đi ra ngoài rồi dặn tôi phải nằm yên trên giường và ngủ đi. Rồi ông ấy tắt đèn phòng tôi trước khi bước ra.

Tôi vốn có thói quen lên khỏi giường và quan sát từ cửa sổ khi họ đã đi. Khi tôi đang khê khàng băng qua phòng trong bóng tối, bỗng dung đèn bật sáng. Jack đang đứng ở cửa, cầm một cái dây thắt lưng và một đoạn dây phơi quần áo. Ông ta chửi rủa và quát mắng tôi vì đã không vâng lời ông ấy. Ông ta ném tôi lên giường rồi cột tay chân tôi vào khung giường, đánh tôi cho đến khi người tôi bật máu.

Tôi phải sống trong sự ngược đãi dã man

đó suốt hai năm liền. Rồi một đêm, bà nội tôi từ Wilmington, Delaware tới. Sau khi tranh cãi quyết liệt với mẹ tôi, bà nội mang tôi ra một chiếc xe chờ sẵn bên ngoài rồi phóng đi. Đó là lần cuối cùng tôi được trông thấy mẹ.

Tám năm sau đó, tôi sống ở Wilmington. Bà nội tôi là một người phụ nữ tốt bụng nhưng rất nghiêm khắc. Bà không bao giờ dùng từ *yêu* trong khi nói chuyện. Cũng trong thời gian này, cha tôi tái hôn và đang ở Texas cùng người vợ mới. Thi thoảng ông có ghé thăm tôi nhưng tôi không nhớ rõ về ông lắm, chỉ mang máng rằng ông đã mua quà cho tôi.

Là quản lý cho một công ty lớn nên bà nội có rất ít thời gian dành cho tôi. Tôi chỉ gặp bà trước khi đi học và gặp lại vào lúc 6 giờ tối, khi bà trở về nhà. Tại trường, tôi thường xuyên dính dáng vào mấy vụ đánh nhau. Ngày ấy, tính tình tôi hay cáu kỉnh và hung hăng.

Năm 15 tuổi, tôi bị đuổi học. Bà nội đăng ký cho tôi vào một trường quân đội ở Bryn Mawr, Pennsylvania. Đây là ngôi trường nổi tiếng với việc đưa những học sinh cá biệt vào khuôn khổ. Dĩ nhiên, đó cũng là lần đầu tiên tôi biết thế nào là giáo dục, cộng thêm rất nhiều nội quy nghiêm ngặt khác. Chúng chẳng khác nào cực

hình khiến tôi không thể tuân theo và thế là tôi bị đuổi khỏi trường vào năm 16 tuổi.

Trở lại học tại một trường công lập ở Wilmington, vào những ngày cuối tuần, tôi có nhiều thời gian hơn cho bản thân nhưng lại chẳng có việc gì để làm. Một ngày thứ Bảy, tôi bắt xe buýt tới căn cứ không quân New Castle ở ngoại ô thành phố. Tại rừng cây bên sườn đồi của Không quân Cảnh vệ Quốc gia ở Delaware, lần đầu tiên tôi được tận mắt nhìn thấy một chiếc máy bay. Đó là một chiếc P51 Mustang được sử dụng trong Thế chiến thứ hai. Tôi như bị thôi miên. Tôi đi vòng quanh chiếc P51, xuýt xoa nhìn hai cánh và những cánh quạt của nó, rồi tôi nhảy lên cánh và lao vào buồng lái. Đúng lúc đó, một người đàn ông có chiếc phù hiệu ba vạch trên tay áo màu xanh xuất hiện và quát to: *“Này, thằng nhóc kia, ra khỏi đây ngay”*.

Tôi sợ hãi, toan cắm cổ chạy. Bỗng một bàn tay nắm lấy vai tôi và đẩy tôi trở vào buồng lái. Vừa quay lại, tôi thấy mình đang đối diện với một phi công mặc bộ đồng phục bay. Chú ấy đang đứng trên cánh máy bay; mái tóc hung đỏ, đôi mắt như mỉm cười.

Tên của chú ấy là James Shotwell, phi công trưởng. Ngày hôm đó, trước khi tôi rời khỏi khu căn cứ, tôi đã gọi chú bằng cái tên thân mật là Jim. Sau này, cứ vào cuối tuần, tôi thường ghé thăm New Castle. Jim là một phi công lái máy bay chiến đấu ở Thái Bình Dương trong suốt thời gian chiến tranh. Sau khi trở về nhà, chú ấy đã học và tốt nghiệp đại học với tấm bằng kỹ sư điện rồi đi làm cho một công ty cơ khí ở Georgetown, Delaware.

Nhiều tuần trôi qua, tôi dần cảm thấy mình ngày càng gần gũi với Jim. Tôi kể cho chú ấy nghe khoảng thời gian khốn khổ mà tôi từng trải qua và những gì tôi nhận được từ chú ấy luôn là sự cảm thông ấm áp và thân thiện. Lần đầu tiên trong đời, tôi tìm thấy một người bạn thực sự, và cũng chính từ đó cuộc đời tôi hoàn toàn thay đổi.

Jim và tôi thường ngồi dưới cánh của chiếc Mustang và nói chuyện về máy bay hoặc các môn học như toán, lịch sử và vật lý. Khoảng thời gian đó thật tuyệt vời. Nhưng có lẽ, điều quan trọng nhất là chú đã giới thiệu tôi với những phi công khác. Đây là lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi cảm nhận được thế nào là thành viên của một đội.

Một ngày, tôi nói với Jim rằng tôi muốn nghỉ học ở trường và kiếm một công việc. Bỗng nhiên, chú ấy trở nên nghiêm túc khác thường: “Ngốc ạ, cháu khiến chú nghĩ đến một con chim sẽ bị mù. Nó biết cách bay nhưng không thể bay vì nó bị mù. Thậm chí, ngay cả khi nó đã cất cánh bay khỏi mặt đất, nó cũng sẽ đâm vào một thứ gì đó khiến nó tê tái khó gượng dậy nổi. Nó lang thang trong cuộc đời này mà chẳng làm được gì. Nó không có định hướng. Cháu có tất cả những yếu tố cần thiết, ngốc ạ. Và vì Chúa, cháu hãy sử dụng chúng đi. Bất kể cháu làm gì trong cuộc sống này thì cháu vẫn cần một thứ: đó là định hướng! Cháu hãy suy nghĩ về điều đó!”.

Tôi tiếp tục gặp rắc rối ở trường, còn điểm số thì vô cùng tồi tệ. Cuối cùng, bà nội quyết định để tôi tới California sống cùng cô tôi. Tôi cũng kể cho Jim nghe về chuyện này. Mấy hôm sau, chú ấy tới nói chuyện với bà tôi mấy giờ liền. Nhưng điều đó chẳng thay đổi được tình hình. Cuối tháng 8 năm 1953, tôi lên máy bay chuyển tới Los Angeles.

Cô tôi rất tốt với tôi và luôn cố gắng giúp đỡ tôi bằng mọi khả năng. Tôi rất nhớ New Castle, rất nhớ Jim nhưng tôi luôn cố gắng để thích nghi với môi trường mới. Những lá thư của chú khiến cuộc sống của tôi hạnh phúc và sáng sủa hơn rất nhiều.

Vào một buổi tối tháng 3 năm 1955, chuông điện thoại vang lên. Cô tôi nhắc máy. Nhìn cô nói chuyện, tôi đã đoán có sự chẳng lành. Sau đó, cô nói với tôi rằng chú Jim Shotwell đã chết. Máy bay của chú bị mất lái trong lúc quay trở lại New Castle khi đang làm nhiệm vụ. Chú ấy đã có thể nhảy ra khỏi máy bay, nhưng chú đã chọn ở lại và lái nó ra khỏi khu dân cư cho đến khi quá trễ...

Một cảm giác tôi chưa từng biết đến chợt trào dâng trong lòng. Tôi cố gắng kiềm chế dòng nước mắt nhưng không thể. Mọi thứ dường như vỡ nát và rối bời.

Dần dần, tôi không còn khóc nữa. Tôi bắt đầu nghĩ về Jim và những điều chú từng nói. Câu chuyện con chim sẻ bị mù của chú liên tục trở lại nhắc nhở tôi. Tôi nhận ra rằng những điều chú nói về tôi thật đúng. Nhưng đến tận buổi tối hôm đó, tôi vẫn không thể định hướng cho cuộc đời đầy xáo trộn của mình. Rồi tôi ngủ thiếp đi. Sáng hôm sau, khi thức dậy với mình mẩy đầm mồ hôi, tâm trí tôi trống rỗng một cách kỳ lạ. Bất chợt, tôi nhận ra có điều gì đó đã thay đổi trong tôi. Tôi biết cuộc đời mình cần hướng tới điều gì và tôi phải làm sao để thực hiện điều đó.

Năm đó, tôi ghi danh vào lực lượng không quân và trở thành nhân viên kiểm soát không lưu. Những năm sau đó, tôi ép mình làm việc và nghiên cứu chăm chỉ để giành được vị trí sĩ quan không quân. Rồi tôi trở thành huấn luyện viên bay. Dần dần, tôi nhận ra mình có tài nhào lộn trên không và thông qua giảng dạy cùng những tiết thực hành bay cuối tuần, khả năng của tôi ngày càng được khẳng định.

Tới năm 1971, tôi đã có hàng nghìn giờ bay, thực hiện hơn một trăm buổi biểu diễn trên không và thuyết giảng cho các huấn luyện viên bay trên khắp đất nước. Trong những năm đó, tôi đã bay bằng cả máy bay thử nghiệm và máy bay quân đội.

Mùa thu năm ấy, một bác sĩ ở New York đã ký hợp đồng thuê tôi bay từ Newark, New Jersey tới Manassas, Virginia trên một chiếc P51 Mustang. Tôi đã cẩn thận lên kế hoạch bay tận tới phía nam Manassas. Với 180 gallon nhiên liệu dự trữ, tôi tính toán rằng mình có thể bay thêm 30 phút trước khi tới điểm đích cuối cùng.

Ngày 21 tháng 11, vào lúc 7 giờ rưỡi sáng, tôi bước lên cầu thang dẫn vào chiếc Mustang đang đậu tại Newark rồi lượn về phía Nam, băng

qua Cape May, New Jersey. Ở đó, tôi hướng tới Cambridge, Maryland. Tới Cambridge đúng giờ, tôi bẻ lái sang phải và hướng tới Culpeper.

Nơi mà tôi vi phạm quy định bay của liên bang vào buổi sáng hôm đó chính là nghĩa trang của cộng đồng Baptist ở núi Carmel. Ở đó có ngôi mộ mà người bạn phi công trưởng James R. Shotwell, Jr. đang yên nghỉ. Tôi phải mất 16 năm để tìm cho mình một cơ hội phù hợp để thể hiện sự kính trọng tới người đã thay đổi cả cuộc đời tôi. Và tôi đã thực hiện điều đó trên cùng một loại máy bay mà tôi từng ngồi khi lần đầu tiên gặp chú ấy ở New Castle. Tôi đã rút những giọt nước mắt vui sướng và biết ơn để kính chào người phi công đó.

Sau này, vợ tôi vẫn còn trêu chọc tôi về chuyến bay tới mộ chú Jim Shotwell. Nhưng từ đáy lòng cô ấy luôn hiểu khoảnh khắc đó có ý nghĩa với tôi thế nào. Nó đã khơi dậy trong tôi hai bài học vô cùng giá trị, rằng: người ta có thể thay đổi cuộc đời của người khác (chú Jim Shotwell là một minh chứng), và chúng ta có thể đạt được mọi thứ nếu chúng ta chăm chỉ, kiên nhẫn... và có sự giúp đỡ nho nhỏ của một người bạn.

- Dudley A. Henrique

Abe Lincoln và khoản tiền lớn đầu tiên trong đời

*Thước đo quan trọng nhất
đối với một người không phải
ở vị trí của họ giữa vinh hoa phú quý
mà là chỗ đứng của họ trước thách thức
và gian truân.*

- Martin Luther King

Một buổi chiều năm 1855, một luật sư từ Philadelphia ăn mặc sang trọng bước xuống thành phố thảo nguyên Springfield, Illinois. Ông lân la hỏi đường tới nhà A. Lincoln⁽⁵⁾. Theo lời chỉ dẫn, ông tìm đến một ngôi nhà gỗ đơn sơ.

(5) Abraham Lincoln (1809 - 1865, còn được biết đến với tên Abe Lincoln, tên hiệu Honest Abe, Rail Splitter, Người giải phóng vĩ đại) là Tổng thống thứ 16 của Hoa Kỳ - người đã dẫn dắt nước Mỹ qua cuộc Nội chiến và là người đã chấm dứt chế độ nô lệ tại quốc gia này.

Một người đàn ông gầy, cao lêu nghêu mặc chiếc áo sơ mi dài tay ra mở cửa. Chân và tay của ông dài một cách khác thường, hai vai hẹp, lưng hơi khòm, bàn chân và bàn tay to một cách lạ lùng. Mái tóc đen xơ xác như thể chưa bao giờ được chải chuốt tử tế. Đặc điểm duy nhất để lại ấn tượng trong lòng người khách là đôi mắt của ông - một đôi mắt sâu, man mác buồn và ngời sáng thật thông minh.

Người khách từ Philadelphia tự giới thiệu:

- Tôi là P. H. Watson, luật sư cho một nhóm nhà sản xuất vừa lập quỹ chung để ủng hộ một người mà có thể ông biết, đó là J. H. Manny ở Rockford, Illinois.

Gương mặt Lincoln lộ vẻ thích thú:

- Có phải vụ kiện McCormick - Manny không?

Vụ kiện giữa McCormick và Manny là một trong những vụ kiện tụng đình đám, gây chú ý nhiều nhất lúc bấy giờ. Trước những thành công rực rỡ của Cyrus McCormick⁽⁶⁾, nhiều công ty nhỏ

(6) Cyrus Hall McCormick, Sr. (1809 - 1884) ở quận Rockbridge, Virginia, là một nhà sáng chế và là người sáng lập công ty máy gặt McCormick. Công ty này đã trở thành một phần của công ty máy gặt quốc tế vào năm 1902.

đã tiến hành sản xuất máy gặt mà không trả tiền bản quyền sáng chế cho McCormick. Tất cả đều khẳng định rằng máy móc của họ khác với mẫu thiết kế của McCormick. Phẫn nộ, McCormick đã thuê những luật sư danh tiếng nhất đất nước để khởi kiện công ty đối thủ dường như đang có lợi thế hơn - J. H. Manny & Son.

Các nhà sản xuất khác nhận thấy tất cả bọn họ sẽ bị ảnh hưởng không tốt nếu Manny thất bại và phá sản. Vì thế, Watson đã khuyên thân chủ của mình rằng: *“Vụ kiện sẽ được thẩm phán Drummond xét xử ở phía bắc quận Illinois, mà có lẽ là ở Springfield. Tốt hơn là các ông nên tìm sự ủng hộ rộng rãi ở đây - hãy tìm một luật sư ở địa phương có quan hệ tốt với thẩm phán”*.

Đó là lý do vì sao Watson lại tìm đến ngôi nhà gỗ ở Springfield để nói chuyện với vị luật sư cao ngầu. Ông đã đưa ra cho Lincoln một mức thù lao khá hấp dẫn - giao trước 500 đô la kèm theo lời hứa về một khoản tiền công lớn mà trước đó Lincoln chưa từng được đề nghị. Quả thực, Lincoln chưa bao giờ xử lý một vụ kiện đem lại khoản tiền công vượt quá vài trăm đô la, và vào lúc đó, tên tuổi ông cũng chưa được các vùng lân cận biết đến nhiều.

Watson đã không nói cho Lincoln biết một vài điều thực tế về vụ kiện này.

Khi Watson đi rồi, Lincoln vẫn còn thần thờ vì ngạc nhiên. 46 tuổi, ông vẫn chỉ là một người nợ nần chồng chất, tâm trí tràn ngập một cảm giác thất bại. Giờ đây, bỗng dưng ông lại có cơ hội để trở thành luật sư nổi tiếng trên toàn quốc. Ông không biết gì về luật sáng chế hay cơ học của máy gặt lúa nhưng với tính cần cù siêng năng ông có thể học tất cả những điều đó. Tuy nhiên, ông vẫn lo lắng một việc: trong phòng xử án, ông sẽ phải đối mặt với những người miền Đông thông thái lịch lãm, có thừa kinh nghiệm và học vấn.

Trong suốt thời gian căng thẳng chuẩn bị hầu tòa, Lincoln chỉ nhận được một vài bức thư từ Watson nhưng đọc những bức thư đó, ông lại có cảm giác như mình đã được giao phó toàn quyền xử lý vụ kiện. Càng lúc ông càng tự tin. Một hôm, ông được thông báo rằng với sự nhất trí của hai bên, địa điểm xét xử sẽ thay đổi từ Springfield sang Cincinnati. Tất nhiên, Lincoln không hề quen biết vị thẩm phán ở vùng này. Lincoln cảm thấy lẽ ra họ phải hỏi ý kiến ông về vấn đề ấy nhưng rồi ông cũng không để tâm

lắm và tự nhủ bản thân rằng Watson sẽ trợ giúp ông tất cả các chi tiết.

Lincoln tới Cincinnati để gặp gỡ thân chủ của mình, ông càng lạc quan hơn khi thấy họ rất tôn trọng khả năng của ông và đặt nhiều hy vọng vào ông. Trong túi ông lúc này là bản tóm tắt hồ sơ mà ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng. Tương lai ông đặt cược cả trong đó.

Trong những dịp quan trọng thế này, việc ăn mặc chín chu giúp ông cảm thấy vô cùng tự tin. Nhưng trong con mắt của những luật sư miền Đông thì ông chẳng khác nào một tay nhà quê vụng về với bộ quần áo lôi thôi không phù hợp. Chiếc quần dài không tới mắt cá chân, còn thứ ông đang mang ở chân chẳng khác nào mớ giẻ lau dơ bẩn.

Những ngày tháng sau đó là những ngày vỡ mộng của Lincoln. Ông nhận ra rằng một luật sư khác, Edwin M. Stanton, đã được chỉ định để bào chữa cho vụ kiện - trên thực tế, người ta đã thuê ông ta gần như ngay từ đầu.

Khi Manny đưa Lincoln tới phòng của Stanton ở khách sạn, cánh cửa mở ra nhưng Lincoln thì phải đợi bên ngoài. Stanton - một

người đàn ông thấp bé có dáng vẻ hung dữ nhìn ông rồi quay lại nói lớn với Manny: *“Anh ta đang làm gì ở đây? Tổng cổ anh ta ra ngoài. Tôi không quen biết với một con khỉ vụng về thế này. Nếu tôi không thể tìm được một người đàn ông lịch thiệp để phối hợp với mình trong vụ kiện này thì tôi sẽ không làm!”*.

Lincoln im lặng. Trước sự si nhục quá phũ phàng và đau đớn, ông coi như mình không nghe thấy gì cả. Đầu ngẩng cao bất chấp nỗi tủi hổ đang bóp nghẹt tim gan, ông đi xuống lầu. Ở đây, người ta giới thiệu ông với một luật sư khác - George Harding. Sau đó, cả đoàn đi tới phòng xử án.

Ở đó, luật sư của cả hai bên bắt tay chào nhau. Tất cả đều quen biết nhau từ trước, nhưng Lincoln không được giới thiệu với ai hết. Ông đứng lạc lõng ở bàn của luật sư bào chữa.

Đã thành luật, mỗi bên chỉ được phép đưa ra hai bài phát biểu. Theo cách nói của Watson lúc trước, Lincoln nghĩ rằng ông sẽ được bào chữa trong một vài ngày trước khi Stanton tham gia vụ kiện, vì thế ông giả định mình có quyền đưa ra lý lẽ ủng hộ cho Manny trước.

Luật sư của McCormick, Reverdy Johnson, giơ tay nói một cách ý tứ: *“Chúng tôi thấy bên đó có ba luật sư bào chữa. Chúng tôi sẵn lòng lắng nghe đầy đủ những lý lẽ của họ và nếu họ yêu cầu mỗi bên được phát biểu trên hai lần, chúng tôi cũng vẫn sẵn lòng. Chúng tôi chỉ thắc mắc rằng người đồng sự của tôi - ông Edward Dickerson, có được phép phát biểu hai lần nếu chúng tôi muốn thế không?”*.

Lincoln nhận thấy Stanton và Harding nhìn nhau như thể đang trao đổi suy nghĩ, còn ông chẳng khác nào kẻ ngoài cuộc.

Stanton nói: *“Chúng tôi không dám mong nhận được sự rộng lượng của bên nguyên. Chúng tôi cũng không có ý định đưa ra hơn hai lời phát biểu. Chúng tôi không muốn vi phạm quy tắc của tòa”*.

Lincoln cau mày: *Ông ta định đưa ra lý lẽ gì? Và người ta mong chờ gì ở ông ta?* Lincoln nhủ thầm: *“Mọi lý lẽ đã được mình chuẩn bị kỹ lưỡng”*.

Stanton nhìn ông rồi nhún vai khinh khỉnh: *“À, dĩ nhiên là anh có quyền phát biểu trước”*. Lincoln đáp lại với sự nhã nhặn vốn có: *“Ông*

Stanton, chắc hẳn ông rất muốn đứng vào vị trí của tôi lúc này”.

Stanton chộp lấy lời đề nghị của Lincoln cứ như thể ông ta chấp nhận sự rút lui hoàn toàn của Lincoln khỏi vụ kiện này. Harding ngồi im lặng. Lincoln nhận ra rằng mình không thể làm gì ngoài việc rút lui và lặng lẽ rời khỏi phòng xử án.

Ông đứng cô độc trên cầu thang của phòng xử án: đau đớn, giận dữ và tủi hổ. Nhưng người ta đã trả tiền cho ông để ông chuẩn bị hồ sơ và ông có nhiệm vụ phải phục vụ cho thân chủ của mình xứng đáng với số tiền họ đã trả cho ông. Nghi thế, ông quay trở lại phòng xử án và ngồi xuống hàng ghế dành cho những người tới dự.

Lincoln còn đưa cho Watson hồ sơ của mình. *“Tôi đã dành rất nhiều thời gian để soạn thảo những luận điểm này. Ông Harding có thể tìm thấy những điều hữu ích trong đây.”* - Ông nói. Watson đưa hồ sơ cho Harding và ông này thấy ngay tập hồ sơ lên mặt bàn. Tập hồ sơ cứ thế nằm đó mà không một lần được liếc qua. Tới ngày hôm sau, nó vẫn nằm chơ vơ trên bàn.

Trong suốt tuần xử án, các luật sư của cả

hai bên đều đưa ra những lý lẽ để bác bỏ lẫn nhau, và một lần họ còn được mời tới nhà thẩm phán để giao lưu. Chỉ có một người không được mời, đó là người đàn ông cao ngều thô kệch tới từ Springfield.

Phiên xét xử đã chuyển sang giai đoạn cao trào. Luật sư danh tiếng của McCormick, Johnson đã đưa ra lời kháng cáo thuyết phục cho quyền lợi của người sáng chế. Trong tình thế này, người nào có thể phản biện thành công những lý lẽ này chắc chắn sẽ trở nên nổi tiếng, và đó là phần mà lẽ ra Lincoln sẽ đứng ra phát biểu. Nhưng thay vào đó, Stanton đã đứng vào vị trí của ông và gạt ông sang một bên với thái độ khinh miệt trông thấy.

Stanton không phản bác những thành tựu mà McCormick đạt được, thay vào đó ông lần lượt đưa ra các luận điểm chống lại lý lẽ của Johnson. Lincoln như quên hết niềm kiêu hãnh bị tổn thương đang cào xé nhức nhối trong lòng bởi những lý lẽ Stanton đưa ra quá sắc sảo và thuyết phục, chúng khiến ông bị mê hoặc.

Đêm hôm đó, Lincoln đi dạo cùng một người bạn. *“Lập luận của Stanton đã khai sáng*

cho tôi. Tôi chưa từng nghe bài phát biểu nào súc tích và được chuẩn bị kỹ lưỡng đến thế.” - Lincoln nói. *“Tôi không đáng được so sánh với bất cứ ai trong số họ. Tôi không thể lập luận hùng hồn như họ, không thể có dáng điệu đĩnh đạc như họ!”*. Nhưng ông có sự quyết tâm của một người không cam chịu bị đánh bại. Ông nói: *“Tôi sẽ về lại quê nhà và nghiên cứu luật thật kỹ càng. Những người từ miền Đông sẽ tới đây ngày một nhiều và tôi cần phải sẵn sàng để có thể ngẩng cao đầu gặp họ”*.

Những lập luận tuyệt vời của Stanton đã đem lại chiến thắng cho Manny. Watson đã gửi cho Lincoln một tờ séc 2.000 đô la qua đường bưu điện. Nhưng lúc này tiền bạc không còn nhiều ý nghĩa với ông nên ông đã gửi trả tấm séc và nói rằng ông cảm thấy mình không xứng đáng nhận số tiền đó vì ông chẳng làm được gì trong vụ kiện.

Lúc này, Watson bỗng cảm thấy áy náy khi nghĩ đến việc mình đã gạt bỏ Lincoln sang một bên. Ông gửi tấm séc thêm lần nữa. Lincoln nhận được tấm séc đúng vào thời gian ông đang gặp khó khăn về kinh tế. Vì thế, ông đã nhận số tiền, đồng thời gửi cho người cộng sự Herndon một nửa.

Lincoln không thể quên nỗi đau ở phòng xử án - đó là vết thương mãi nhức nhối trong lòng ông. Nhưng cũng nhờ đó mà ông quyết tâm phải thay đổi chính mình để không bao giờ phải trải qua nỗi si nhục đó một lần nữa. Ông quan tâm hơn tới vẻ bề ngoài. Các bài phát biểu của ông được trau chuốt nhiều hơn, mạch lạc và súc tích hơn.

Sau đó, ông nỗ lực hết mình theo đuổi niềm đam mê đầu tiên và sâu sắc nhất - đó là chính trị. Mĩa mai thay, khoản tiền mà Lincoln nhận được đã giúp ông thoải mái về mặt tài chính để tham gia một chiến dịch tranh cử, mang lại cho ông sự nổi tiếng mà ông từng để vượt mất trong vụ kiện McCormick - Manny.

Một thời gian ngắn sau đó, ông trở thành Tổng thống Hoa Kỳ. Stanton là một trong những người chỉ trích ông cay độc nhất. Nhưng Lincoln không bao giờ đánh đồng những lời lẽ cay độc với trí tuệ tuyệt vời của con người này. Bởi vậy, khi lựa chọn người vào vị trí trụ cột trong thời Nội chiến là Bộ trưởng Chiến tranh, Lincoln vẫn chọn Edwin M. Stanton.

Chỉ người có phẩm giá như Lincoln mới có

thể vượt lên sự sĩ nhục của Stanton, và cũng chỉ một người có tấm lòng nhân hậu như ông mới có thể bỏ qua những tư thù.

Sau những năm phục vụ dưới thời Lincoln, Stanton đã nhận ra ai là người xuất sắc hơn. Khi Lincoln bị ám sát và sắp qua đời, Stanton đứng lặng bên ông, lòng tràn ngập tiếc thương. Và khi Lincoln nhắm mắt xuôi tay, chính người đàn ông từng buông lời sĩ nhục Lincoln giờ đây đã thốt lên những lời bất hủ: “*Now he belongs to the ages!*” (Giờ đây, tên tuổi của ngài đã thành bất tử!).

- *Mitchell Wilson*

Sức mạnh của một bức thư cảm ơn

*Biết ơn mà không bày tỏ
thì chẳng khác nào chuẩn bị một gói quà
nhưng lại không gửi đi.*

- William Arthur Ward

Giaáo sư William L. Stidger ngồi xuống và viết một bức thư cảm ơn cho một giáo viên vì sự động viên lớn lao mà bà dành cho ông khi ông còn là học sinh của bà 30 năm về trước. Một tuần sau, ông nhận được bức thư hồi âm với nét chữ viết tay run rẩy, rằng:

Willie yêu quý của ta,

Ta muốn em biết rằng lời nhắn của em vô cùng ý nghĩa với ta. Một cụ già cô đơn 80 tuổi như ta, sống đơn độc trong một căn phòng nhỏ, lúi thúi nấu ăn một mình, dường như chỉ còn

lay lắt như chiếc lá cuối cùng trên cây. Có lẽ, em sẽ bất ngờ, Willie a, khi biết rằng ta đã dạy học 50 năm và trong khoảng thời gian dài đằng đẵng đó, bức thư của em là bức thư cảm ơn đầu tiên ta nhận được. Ta nhận được nó trong một buổi sáng lạnh lẽo và hiu hắt buồn. Chính bức thư ấy đã sưởi ấm trái tim già nua cô đơn của ta bằng niềm vui mà trước nay ta chưa từng một lần được cảm nhận.

- Martin Buxbaum

Trên chiến tuyến

*Hãy đảm bảo rằng bạn đã làm đúng,
sau đó hãy kiên định ý chí của mình.*

- Abraham Lincoln

Một ngày nọ, trong lúc đi bộ tới công sở ở khu trung tâm nổi tiếng tại Philadelphia, Michael Taub trông thấy một người ăn xin đầu tóc bù xù ngồi trên chiếc xe lăn dưới mái hiên của một rạp chiếu bóng cũ kỹ. Người đàn ông đó chỉ còn một chân. Ông giữ chặt bên mình một tấm bìa đã sờn rách có ghi dòng chữ: “*Quân nhân Mỹ từng tham chiến ở Việt Nam*”.

Thay vì làm ngơ như bao người, Taub bước tới phía ông và mỉm cười:

- Cảm ơn ông đã phục vụ đất nước. - Anh nói và đặt vào tay người đàn ông một tấm danh thiếp. - Hãy tới trụ sở của tôi. Có thể tôi sẽ giúp được ông đấy.

Nhiều tuần sau, người cựu chiến binh đó lê chiếc xe lăn tới trụ sở chính của Dự án hỗ trợ người vô gia cư. Taub làm việc ở đây với chức danh luật sư chuyên bảo vệ quyền lợi cho những cựu chiến binh vô gia cư bị thương tật.

- Hình như ông đang diện bộ trang phục đẹp nhất đúng không? Ông không cần phải làm thế đâu. - Taub mỉm cười, mắt hướng về bộ quần áo đã được ủi phẳng phiu của người đàn ông.

Người thương binh tự giới thiệu tên ông là Kertis Daniels. Taub đưa ông tới văn phòng chật hẹp của mình. Anh đẩy chồng tài liệu dày cộp, cao gần nửa mét sang một bên để người đàn ông có thể lăn xe vào.

Daniels giải thích rằng ông ăn xin như vậy không phải để cho ông mà để cho đứa con gái Robin đang theo học đại học. Khoản tiền trợ cấp 845 đô la mỗi tháng từ hội cựu chiến binh không đủ để ông nuôi con ăn học. Daniels sống trong một căn hộ ở tầng hai. Vì tòa nhà đó không có thang máy hay đường đi cho người tàn tật nên ông buộc phải đi dọc theo hành lang, sau đó xoay xở để bỏ chiếc xe lăn gần lối cửa hậu, rồi lê mình lên cầu thang để về phòng.

Cuối buổi gặp, Taub lại thêm vào chồng hồ sơ của mình một trường hợp nữa. Trong một năm, thông thường anh phải xử lý khoảng 80 trường hợp và chuyển chúng tới Bộ Cựu chiến binh. Anh không lấy bất kỳ một khoản phí nào từ những cựu chiến binh này. Chỉ cần họ đủ điều kiện, Taub sẽ giúp họ nhận được những gì họ xứng đáng.

Giờ đây, Kertis Daniels đã được sống trong một căn phòng ở tầng một có đường đi cho người khuyết tật. Ông còn được nhận thêm 250 đô la mỗi tháng tiền cho người phụ thuộc vì Robin đang học năm cuối tại trường Đại học Edinboro ở Pennsylvania chuyên ngành *Tội phạm học*.

Nói về Michael Taub, ngay từ khi học cấp một, anh đã nuôi dưỡng trong lòng ước muốn giúp đỡ những người gặp khó khăn. Sau này, khi theo học ở trường Đại học Luật Villanova vào năm 2003, một bài tập đã củng cố thêm cho anh quyết tâm đấu tranh chống lại bất công. Anh được phân công làm đại diện cho một công nhân nhập cư bị ngã từ giàn giáo xuống, Taub đã đấu tranh để người đàn ông này được bồi thường thỏa đáng mặc dù lúc đầu chủ thầu kiên quyết không trả tiền.

Taub kể: *“Người đàn ông đó không nói được tiếng Anh. Anh ấy cảm thấy bất lực giữa môi trường xa lạ này. Đó cũng là tâm trạng chung của bao cựu chiến binh trong cuộc sống hiện đại. Tôi biết tám bằng luật của mình sẽ có ích trong nỗ lực cải thiện cuộc sống cho người khác mặc dù bằng cách nào thì tôi cũng chưa biết”.*

Sau khi tốt nghiệp một vài tháng, từ trần trở *“bằng cách nào”* ấy, Taub đã nhận ra rằng chính *Dự án hỗ trợ người vô gia cư* sẽ là chìa khóa giúp anh thực hiện mong muốn của mình. Anh tin vào con đường mình chọn. Anh chấp nhận bỏ đi khoản tiền lương chênh lệch rất lớn - 65.000 đô la - so với công việc anh từng làm ở một công ty luật tư nhân.

Dù rằng anh vẫn còn nợ 75.000 đô la từ thời học đại học, phải lái một chiếc xe Subaru cũ kỹ già nua đã chạy được 114.000 dặm và phải sống trong một căn hộ chật chội chỉ có duy nhất một phòng ngủ với người vợ mới cưới thì quyết định đó vẫn đến với anh thật dễ dàng.

“Thế là đủ. Ta sẽ dùng tiền này vào những mục đích quan trọng, những mục đích phi vật chất.” - Taub thảm nhủ khi cầm trên tay khoản tiền lương ít ỏi từ công việc mới.

Những người được Taub giúp đỡ đa phần tới từ những khu lều bạt tạm bợ dành cho cựu chiến binh vô gia cư (con số ước tính khoảng hơn 2.000 lều ở khu vực Philadelphia). Những chiếc lều này gọi là Perimeter (Vành đai) - một thuật ngữ trong quân đội để chỉ sự bảo vệ khỏi tác động bên ngoài, một nơi an toàn.

Taub còn khá trẻ và chỉ đáng tuổi con những người đàn ông này. Trong chuyến đi gần đây, anh đã ngồi với gần 20 cựu chiến binh và lắng nghe câu chuyện của từng người. Tới cuối ngày, anh tiếp tục nhận thêm sáu trường hợp mới.

Một trong những câu chuyện xúc động nhất và cũng là một thành công đáng nhớ nhất của Taub là trường hợp của John Lavery - một cựu chiến binh 56 tuổi từng bốn lần bị đuổi việc vì bệnh tật. Vào năm 1977, người này thường xuyên bị những cơn giận dữ giãy vò - hệ quả của chứng rối loạn lưỡng cực không được chữa trị. Lavery gần như bị cấm không được tới Perimeter trừ những lúc đến lấy thuốc và thư từ.

Suốt 30 năm, ông ngủ vất vưởng ở dọc đường, phòng cấp cứu của bệnh viện và các xe bị cấm. Ông ăn những thức ăn thừa lục lợi từ thùng rác

và hút những mẫu thuốc nhật nhanh được trên đường. Vật vớ với chúng trầm cảm, người cựu chiến binh từng được gắn huy chương này đã 8 lần tìm đến cái chết. Lần đầu tiên gặp Michael Taub, ông như *“tìm được những tia hy vọng đầu tiên sau hàng thập kỷ”*. - Lavery kể lại.

“Khi nhìn vào mắt Micheal và lắng nghe những điều anh ấy nói, bạn sẽ thấy anh ấy rất chân thành.” - Lavery chia sẻ.

Taub đã dành nhiều tháng trời tìm cách giúp đỡ người đàn ông tội nghiệp này. Buổi tối, anh thường vào phòng trò chuyện trực tuyến với các cựu chiến binh từng tham gia chiến tranh Việt Nam. Cũng từ đó, anh tìm được những người từng tham gia chiến đấu với Lavery. Họ đã giúp anh xác minh câu chuyện của Lavery.

Với chứng nhận bị thương tật trong chiến tranh, Lavery được trao 40.000 đô la tiền bồi thường cộng với tiền trợ cấp hàng tháng. Giờ đây, ông có thể sống đàng hoàng trong một căn hộ riêng và hàng ngày, ông lại tới khu lều của những người tình nguyện để giúp đỡ những người nghiện ngập.

“Michael không nhận bất cứ đồng nào. Cậu ấy nói tôi cứ giữ lấy. Cậu ấy rất tốt bụng.” - Lavery kể lại. Giờ đây, cũng như Taub, ông tích cực giúp đỡ những người cựu chiến binh khác.

Bằng sự chân thành, Taub tiếp tục gạt hái nhiều thành công. *“Rất hiếm khi chúng tôi đấu tranh được những khoản trợ cấp lớn và chắc chắn không phải trường hợp nào chúng tôi cũng thành công. Nhưng những người đàn ông này vẫn đứng lên ngay cả khi đã mất tất cả. Điều này cũng bởi vì chúng ta đã trao cho họ những thứ mà lâu nay họ không nhận được - sự đối đãi công bằng, lòng tốt và cái kết có hậu cho phần đời khó nhọc của họ. Đến đây, họ cảm thấy mình còn là một con người sống có ích”*.

- William M. Hendryx

Gia tài của ông Ditto

*Món quà quý giá nhất
mà bạn có thể trao tặng cho người khác
chính là sự quan tâm chân thành.*

- Richard Moss

Tôi đứng lặng bên giường vào thời khắc cuối cùng trước khi ông Ditto rời xa thế giới. Giữa màu trắng của gối và ra giường, người đàn ông da đen ấy nhỏ bé một cách tội nghiệp. Đầu ông như lọt giữa tấm áo gối. Tôi không còn thấy nhịp tim của ông. Dường như linh hồn ông đang lia khỏi xác tựa như một con bướm đêm mới lột xác nhẹ nhàng nâng đôi cánh yếu ớt thoát ra khỏi lớp vỏ bọc khô héo.

Và rồi, tôi nghe thấy nhịp thở khe khẽ cuối cùng. Ông không vật vã, ngay cả trong cái chết,

vì thế cái chết đến với ông nhẹ nhàng êm ái như một giấc ngủ dài.

Reverend William Howard - vị linh mục người da đen cũng ngồi bên giường, bàn tay to lớn cầm hồ cuốn Kinh Thánh. Ông lặng lẽ đọc. Sau đó, ông cúi đầu và thì thầm: *“Lạy Chúa nhân từ, xin Người hãy mở rộng vòng tay, chúng con xin phó thác linh hồn này trong tay Người”*.

Một lúc sau, vị linh mục chạm nhẹ vào vai tôi như thể cảm thông với nỗi u buồn đang chất chứa trong tôi. *“Hãy phấn chấn lên.”* - Ông động viên tôi rồi rảo bước ra khỏi phòng, khẽ đóng cửa lại.

Khi vị linh mục hoàn thành phần việc của mình, tôi tiếp tục những công việc mà một người y tá cần phải làm cho bệnh nhân sau khi họ qua đời. Tôi mở ngăn kéo bàn cạnh giường và bắt đầu thu lại tất cả những vật dụng cá nhân của ông Ditto - một cặp mắt kính cổ méo mó, một chiếc dao cạo với lưỡi dao hoen gỉ; một cuốn Kinh Thánh đã sòn rách. Và rồi tôi tìm thấy một đồng tiền kẽm mà tôi biết chứa đựng trong đó biết bao hạnh phúc của người đàn ông này. Đó là một báu vật vô giá của cuộc đời ông

ấy. Tôi cầm nó trong tay một hồi lâu và rồi mọi thứ bỗng hiện ra trước mắt tôi tựa như một cuốn phim...

Ông Ditto là một trong những bệnh nhân đầu tiên tôi được chỉ định chăm sóc vào mùa đông năm 1947, khi ấy tôi mới tới nhận công tác và còn là một y tá trẻ trong chuyên khoa lao của bệnh viện Cựu chiến binh ở Louisville, Kentucky. Ditto là tên thật của ông ấy. Ông không có ai thân thích. Ông là một người Mỹ da đen có cha mẹ từng là nô lệ. Sinh ra tại New Orleans vào đúng thời điểm xảy ra cuộc Nội chiến, chỉ một thời gian ngắn sau đó, ông rơi vào cảnh mồ côi. Sau Nội chiến, ông được tự do thoát khỏi thân phận nô lệ. Trừ thời gian phục vụ trong chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha, ông lay lắt sống qua ngày bằng những công việc vặt do bất cứ ai thuê. Ông lủi thủi cô độc trong một cái lán nhỏ người chủ cũ cho ở nhờ. Một vài năm trước, ông tới Louisville. Ông bị ốm suốt một thời gian dài và tới khi nhập viện thì căn bệnh lao của ông đã chuyển sang giai đoạn trầm trọng. Một chỗ nhiễm trùng lớn bị vỡ, dịch theo đó thoát ra ngoài.

Mùi hôi thối nồng nặc đó xộc vào mũi tôi ngay lần đầu tiên tôi bước chân vào phòng. Tôi

rất muốn quay lưng bỏ chạy và có lẽ tôi đã làm thế nếu không bắt gặp một cái gì đó rất lạ trong đôi mắt của người đàn ông này, chính nó đã níu giữ bước chân tôi. “Chào ông, ông Ditto. Ông sẵn sàng cho việc vệ sinh buổi sáng chưa?” - Tôi hỏi.

“À, tôi cũng không biết phải làm những gì nữa cô ạ. Nhưng nếu cô nghĩ là chúng cần thiết cho tôi thì tôi sẵn sàng rồi.” - Ông trả lời.

Tôi bắt đầu bằng việc tắm rửa và thay ra giường. Thân thể ông gầy rộc đến nỗi dường như tôi không còn cảm nhận được trọng lượng cơ thể ông khi tôi nhẹ nhàng nâng người ông dậy. Đôi mắt ông hiện rõ sự đau đớn nhưng ông không một lời ca thán.

Lúc ấy, tôi buồn nôn kinh khủng khi nhắc tắm đệm lót lên, nhưng một giọng nói nhỏ nhẹ bên tai đã ngăn tôi lại: “Cô ơi, tôi không biết làm sao cô có thể chịu đựng được trong khi chính tôi còn không thể chịu đựng nổi cơ thể mình”. Và rồi ông nhăn mặt lại một cách khô hài khiến tôi phải bật cười. Thấy tôi cười, ông cũng cười theo. Chúng tôi bất giác nhìn nhau, một cảm giác ấm áp lạ thường bỗng len lỏi khắp phòng khiến bầu không khí dường như dịu xuống và

vết thương của ông cũng bớt nhức nhối hơn. Từ đó, tôi không còn thấy bận lòng khi gặp gỡ người đàn ông này nữa.

Tôi thay vào giường ông một tấm ra mới trắng tinh sạch sẽ và đắp nó ngang ngực ông. Gương mặt ông ánh lên nét vui tươi. “À, tôi cảm ơn cô nhiều lắm. Tôi thấy đỡ nhiều rồi, thật đấy.” - Ông nói, rồi nhắc cánh tay xương xẩu yếu đuối và run rẩy dò dẫm ngăn kéo trong cái bàn cạnh giường. Ông lấy ra một đồng xu sáng bóng và trao cho tôi.

“Nó chẳng đáng gì so với lòng tốt của cô, nhưng hôm nay quả là một ngày rất lạnh và tôi nghĩ một cốc cà phê nóng hổi có thể giúp cô thoải mái phần nào.” - Ông nói.

Khi ngăn kéo được mở ra, tôi thấy trong đó có khoảng hai chục đồng xu, chúng nằm rải rác giữa đồ dùng cá nhân của ông. Đó là tất cả gia tài người đàn ông tội nghiệp này có được. Lẽ ra lúc đó tôi nên nhận tấm thịnh tình của ông. Nhưng thay vào đó, tôi đã phản ứng một cách hấp tấp. “Ồ không đâu, ông Ditto. Cháu không thể nhận được. Ông phải vất vả lắm mới có chúng mà.” - Tôi giải thích.

Niềm vui vụt tắt trong đôi mắt ông, ở đó chỉ còn lại vẻ đượm buồn. “*Những ngày ấy còn dễ chịu hơn bây giờ.*” - Ông nói.

Nhận ra nỗi tuyệt vọng đang nhen ứ trong giọng nói ông, tôi lập tức cảm thấy hối hận. Chỉ vì vô tình, tôi đã khiến ông có cảm giác rằng mình già nua, chẳng còn gì để cho và cũng chẳng thể làm gì ngoài việc ngồi chờ cái chết. Nghĩ vậy, tôi tìm cách “chữa cháy”: “*Ông biết đấy, ông Ditto, cháu nghĩ là ông nói đúng. Cháu chẳng nghĩ nổi điều gì tốt hơn một cốc cà phê nóng lúc này.*” Rồi tôi cầm lấy đồng xu từ tay ông. gương mặt ông liền rạng rỡ trở lại.

Những ngày sau đó, ông Ditto yếu dần đi. Mỗi buổi sáng tôi giúp ông làm vệ sinh, dù tôi hiểu công việc đó khiến ông kiệt sức nhưng ông vẫn kiên nhẫn thực hiện. Trong lúc làm, chúng tôi luôn cố gắng chia sẻ những câu chuyện nhỏ, hài hước và những tiếng cười vui vẻ nên tôi rất mong chờ đến giờ được gặp ông. Và mỗi sáng trước khi tôi rời khỏi phòng, người đàn ông này lại lấy ra một đồng xu và nói: “*Nó chẳng đáng gì so với lòng tốt của cô.*”

Nhìn những đồng xu ngày qua ngày cứ với

dần, tôi thậm cầu nguyện ông sẽ sống lâu hơn. Lúc này ông gần như không còn chút sức lực nào nữa, nhưng ông vẫn không quên đưa đồng xu cho tôi, ngay cả khi ông không thể nhắc nổi cánh tay mình nếu tôi không giúp đỡ.

Một ngày, thấy ông mệt nhọc lần tìm đồng xu cuối cùng trong ngăn kéo, tôi liền cầm tay chỉ cho ông, lòng cố gắng kìm nén những giọt nước mắt đang chực trào. Tôi nhìn ông, cố tìm trên gương mặt già nua ấy một dấu hiệu gì đó trước đồng tiền cuối cùng này. Nhưng ông không ý thức được điều đó nữa. Ông nhặt đồng xu đưa cho tôi và nở một nụ cười ngọt ngào như thường lệ kèm theo lời cảm ơn quen thuộc. Tôi nhận ra rằng ông đã mất dần ý thức - một dấu hiệu cho thấy cái chết đang gần kề. Ông chỉ còn ý thức được niềm vui khi chia sẻ với người khác, và một ý nghĩ chợt đến khiến tôi vui mừng: những đồng xu trong ngăn kéo của ông sẽ vẫn còn đó. Thế rồi tôi lặng lẽ bỏ đồng xu trở lại góc ngăn kéo.

Ông sống được thêm hai tuần nữa. Mỗi ngày, sau khi giúp ông làm vệ sinh rồi đặt ông nằm xuống chiếc giường sạch sẽ với tấm ra mới trắng tinh, ông lại thì thầm: *“Cô đúng là một*

thiên thần. Đúng vậy đấy, cô chắc chắn là một thiên thần". Những lúc như thế, tôi liền biết việc tiếp theo mình phải làm: cầm tay ông trong lòng tay mình rồi hướng tới góc chiếc ngăn kéo. Mỗi ngày, ông đều đưa cho tôi một đồng xu. Và mỗi ngày, tôi lại ngấm bỏ đồng xu ấy trở lại.

Vào ngày cuối cùng, tôi mời linh mục Howard đến. Ông nhẹ nhàng đọc Thánh Kinh chẳng khác nào người ta ru một đứa trẻ vào giấc ngủ êm ái. Giọng ông đều đều, trù mến... *"Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó, vì nước trời sẽ là của họ. Phúc thay ai sầu khổ, vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an. Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp"*.

Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu tôi: *"Ông Ditto đúng là người nghèo khó và hiền lành; ông luôn cẩn rằng chịu đựng, không một lời than vãn. Nhưng giờ đây, trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời, ông ấy lại không thể nghe thêm được lần nữa lời chúc về một cuộc sống hạnh phúc ở cõi vĩnh hằng"*.

Khi vị linh mục đi rồi, tôi đứng lặng hồi lâu với đồng xu trong tay. Cuối cùng, tôi đặt nó vào giữa đống đồ đạc còn lại của ông Ditto rồi bước

tất cả chúng vào một bọc nhỏ và ghi tên ông lên đó. Sau đó tôi mang chúng tới văn phòng và gợi ý chuyển chúng tới cho ông Howard.

Chiều muộn hôm ấy, ngay trước khi hết giờ làm việc, tôi gặp ông Howard ở khoa. Ông nhìn tôi mỉm cười, nói: “*Dường như ông Ditto đã để lại một gia tài nhỏ. Tôi nghĩ là ông ấy muốn cô giữ nó*”. Ông lấy trong ví ra một đồng kêm và đặt vào bàn tay tôi.

Nhìn đồng xu trong tay và nhớ lại ánh mắt ông Ditto, tôi chợt hiểu ý nghĩa món quà của ông ấy. Hết lần này tới lần khác, tôi đã nhận nó bằng tâm trạng buồn rầu thương cảm vì nghĩ rằng đó là thành quả chất chiu cả đời nghèo khó của ông. Chỉ lần này, tôi mới nhận ra giá trị thực sự của nó: nó chính là *biểu tượng của niềm tin yêu trong cuộc sống*. Mọi buồn đau, tiếc nuối trong tôi chợt tan biến. Là một người đàn ông nhỏ bé tội nghiệp, nhưng gia tài mà ông Ditto để lại lại hết sức lớn lao. Đó chính là sự nhẫn nại, đức tin và một trái tim giàu yêu thương.

Tôi tới căng tin bệnh viện mua một cốc cà phê rồi chọn chỗ ngồi ở chiếc bàn trống gần cửa sổ. Trời đã tối. Một ngôi sao đêm nhỏ bé đang

lấp lánh giữa bầu trời. Tôi nâng cốc cà phê nóng
ấm, bốc khói lên môi và thắm thì lời chúc: “*Ông
Ditto, người sẽ được Đất hứa làm gia nghiệp*”.

- *Doris Cheney Whitehouse*

Tìm lại các giác quan

*Sức khỏe tựa như vương miện của con người
nhưng chỉ người ốm mới biết quý trọng nó.*

- Tục ngữ Ai Cập

Vào giữa những năm 80, trong lúc tôi đang dùng bữa tại một nhà hàng thì đột nhiên một miếng ván lớn trang trí trên trần nhà đổ ụp xuống đầu tôi. Người tôi bị đè bẹp xuống mặt bàn. Tôi là nạn nhân duy nhất trong tai nạn đó.

Tôi không bị bất tỉnh nhưng một vết thương ở đầu đã khiến tôi nằm liệt giường, nhắm lẩn và mất phương hướng hàng tháng trời, một phần cơ thể bị liệt trong một năm rưỡi. Trong giai đoạn mấy tháng đầu hồi phục, tất cả giác quan

của tôi đều trực trực. Mắt tôi kèm nhèm và trở nên vô cùng nhạy cảm với ánh sáng, vì thế cả ngày phòng ngủ của tôi đều phải che rèm cửa. Thậm chí việc nhìn những họa tiết khác nhau trên chiếc chăn cũng khiến tôi mất bình tĩnh, tôi phải lật mặt trơn của tấm chăn đó lại.

Tôi không thể nghe nhạc vì ca từ và nhịp điệu khiến đầu tôi như muốn nổ tung. Tôi không thể tiếp chuyện điện thoại vì tôi không thể xử lý các âm thanh và sắp xếp chúng thành những thông điệp có nghĩa. Tôi cũng không thể cảm nhận được mùi vị của thức ăn hay mùi thơm dịu nhẹ từ mái tóc của đứa con gái nhỏ.

Có những ngày, chỉ cần một va chạm nhẹ cũng khiến tôi đau đớn. Những đồ vật nhẹ như một tờ giấy đặt lên đôi chân trần cũng nặng tựa ngàn cân. Việc kéo một chiếc áo len dài tay qua khuỷu tay khiến tôi điếng người như khi móng tay bạn cào vào một tấm bảng.

Những giác quan vốn theo tôi từ nhỏ đến giờ bỗng trở nên lạ lẫm. Tôi nhớ chúng. Giống như một con mèo bị cắt tia phần ria mép, tôi mất cảm giác về sự thăng bằng cũng như khái niệm về nông - sâu hay xa - gần. Chỉ một việc

đơn giản là ra khỏi giường để rót một cốc trà cũng khiến tôi bầm dập thâm tím vì liên tục vấp ngã. Trước khi tai nạn xảy ra, tôi là phóng viên của báo *The Washington Post*. Nhưng sau sự kiện ấy, tôi chẳng những không tiếp tục được công việc mà thậm chí còn không làm được việc đơn giản đọc những lời động viên an ủi của các đồng nghiệp tốt bụng.

Cả ngày nằm dài trên giường, không đến công ty, không thể chăm sóc cho Katie - đứa con gái hai tuổi, tôi tiếp tục đánh mất ý thức về bản thân. Nếu tôi không phải là một người vợ, người mẹ và là một nhà báo thì tôi là ai? Trong khoảnh khắc, dường như sự hài hước, ý thức về vai trò, mục đích, sự an toàn và quan trọng nhất là ý thức về sự an bình trong tôi đều tan biến.

Những hậu quả đáng lo ngại này kéo dài mấy tháng và đã thay đổi cuộc sống của tôi theo cách mà tôi không thể hình dung được. Do không thể phát âm chính xác hay đọc hiểu các thông điệp nên cảm giác xấu hổ luôn giày vò tôi. Thậm chí ngay cả khi không còn nằm liệt giường, tôi vẫn xấu hổ về tình trạng hiện tại của mình đến nỗi không dám ra khỏi sân sau nhà mình. Cảm giác bị cô lập xâm chiếm tôi. Thay

vì tận hưởng những giây phút vui vẻ cùng gia đình và bạn bè, ban ngày tôi chìm ngập trong cảm giác mất mát, đêm đến lại hoảng hốt sợ hãi trước tương lai.

Suốt thời gian khủng hoảng đó, tôi luôn day dứt trong lòng câu hỏi: *“Tại sao lại là tôi, tại sao lại là những điều này, tại sao lại là bây giờ?”*. Tại sao Chúa lại bắt tôi phải chịu đựng sự đày đọa này?

Quảng thời gian khó khăn ấy cũng là cơ hội để tôi tự vấn mình. Khám phá quan trọng nhất của tôi là: thần thánh thường hiện hữu ở những nơi và những lúc bạn không ngờ tới. Nhà tiên tri Moses đã tìm thấy Chúa trong bụi cây bốc cháy. Còn tôi tìm thấy Người trong nồi nước xốt mì Ý tại nhà. Nhiều tháng sau vụ tai nạn, món nước xốt mì Ý là thứ đầu tiên tôi có thể cảm nhận mùi vị một cách chính xác.

Đó là món quà của một người bạn tốt bụng dành cho tôi. Và khi món ăn tuyệt vời đó sôi lên trong nồi đưa hương thơm khiêu khích len lỏi vào phòng, tôi đã không dám tin vào khứu giác của mình. Nhưng thật buồn cười, tôi cứ thế đi theo mùi thơm thân quen mà xa lạ của tôi,

hành, cà chua, tiêu và oregano⁽⁷⁾ xuống dưới lầu rồi đi vào nhà bếp. Tôi quỳnh lên vì sung sướng. Đứng trong nhà mình mà tôi vui mừng như đứng trên vùng đất thánh. Tôi đã khám phá ra phép màu linh thiêng ngay trong khoảnh khắc bình thường của cuộc sống, cái khoảnh khắc mà từ đó cuộc đời tôi hoàn toàn thay đổi.

Tôi hít chiếc muỗng vào nồi nước xốt quynến rữ và đưa lên miệng. Tôi vẫn chưa thể cảm nhận được vị của nước xốt, chỉ phân biệt được nhiệt độ và các thành phần. Nhưng không quan trọng. Tôi thật sự biết ơn vì mình đã cảm nhận được mùi thơm tuyệt vời của cuộc sống bình thường đã mấy tháng trời ngủ quên trong tôi. Tôi sung sướng chạy đi. Đầu tiên, tôi vào phòng tắm và lấy một lọ dầu ấm Vicks VapoRub. Đúng rồi, mùi khuyन्ह điệp! Rồi tôi vùi mặt vào những bộ quần áo mới được ủi phẳng phiu, thưởng thức mùi thơm trên một chiếc áo sơ mi còn ấm. Và tôi cứ thế mừng rỡ chạy khắp nơi.

Những tuần sau đó, tôi tiếp tục khám phá cuộc sống trong sự ngỡ ngàng thích thú như một đứa trẻ. Lần lượt từng giác quan được khơi mở: vị giác, thính giác, thị giác, rồi xúc giác.

(7) Oregano: Tên một loại gia vị rất thơm và đặc trưng cho các món Âu, đặc biệt là trong các món Ý.

Mỗi giác quan hồi phục được tôi chào đón bằng một cảm giác mê say sung sướng và xúc động đến không cầm được nước mắt. Cấn vào một quả đào chín mọng nước. Lắng nghe một bản nhạc. Ngắm ánh mặt trời rạng rỡ qua khung cửa sổ. Thoải mái mặc chiếc áo len dài tay yêu thích. Và dĩ nhiên, hạnh phúc dang đôi tay ôm con gái tôi vào lòng như trước.

Chính những biến động ấy khiến tôi nhận ra rằng, trước đó chưa bao giờ tôi biết cảm tạ những điều tưởng chừng hết sức bình dị mà chưa từng biết bao hạnh phúc trong cuộc sống. Tôi mặc nhiên thừa nhận những hương vị mà tôi người thấy mà không mấy may biết rằng đó là một điều may mắn. Nghe có vẻ sáo rỗng, nhưng sự thực là chúng ta thường không ý thức được ân huệ cuộc sống ban tặng cho đến khi tai họa ập xuống.

Nhiều năm sau đó, tôi luôn cố gắng để mỗi ngày là một trải nghiệm tuyệt vời và sôi nổi, trong đó từng hình ảnh, âm thanh, màu sắc và mùi hương của cuộc sống đều được tôi đón nhận bằng cả trái tim. Và tôi tin rằng bạn cũng có thể làm điều đó nếu bạn đón lấy cuộc sống bằng một tấm lòng biết ơn.

- Sarah Ban Breathnach

Ước mơ vươn tới một ngôi sao

*Những giấc mơ vô cùng quan trọng.
Bạn sẽ không thể làm bất cứ việc gì
nếu không thể hình dung ra nó.*

- George Lucas

Một ngày đẹp trời tháng 10 năm 1965, công ty Walt Disney Productions đã mua trọn một vùng đất rộng lớn còn hoang sơ với diện tích gấp đôi Manhattan nằm cách Orlando, Florida, 16 dặm về phía Tây Nam. Trong khi giới quan sát chê nơi này chỉ là một vùng đầm lầy với những rừng cây bách rậm rạp khó có cơ may phát triển thì Disney lại nhìn ra một tương lai thịnh vượng - một vương quốc lý tưởng cho những kỳ nghỉ tuyệt vời mang tên *Walt Disney World* - Thế giới Walt Disney. Tuy nhiên, đó chỉ là điểm khởi đầu. Disney còn ấp ủ một ước mơ

vượt qua tầm vóc của hết thảy những thành công mà ông đạt được trước đó.

- Không phải rất tuyệt sao nếu chúng ta xây dựng ở đây một thành phố, một xã hội kiểu mẫu cho tương lai, nơi con người có thể sống mà không phải lo lắng tới nạn kẹt xe, khói bụi ô nhiễm hay điều kiện sinh hoạt quá tồi tệ? - Walt nói.

- Nhưng Walt à, dự án đó sẽ tốn hàng trăm triệu đô la chứ chẳng chơi đâu! - Joe Potter - phó giám đốc của Disney lên tiếng can ngăn.

Đôi mắt nâu của Disney vẫn lấp lánh. Ông nói:

- Joe, anh không thể tập trung vào vấn đề cốt lõi và bỏ qua những điều không cần thiết được à?

Đó là lời phê Disney thường dùng. Suốt đời, Walter Elias Disney luôn ấp ủ những ước mơ. Không những thế, ông còn là một người lao động hết mình.

Vương quốc đầu tiên

Năm Walt bốn tuổi, cha cậu - ông Elias

Disney, đã đưa ra một quyết định đặc biệt quan trọng mang tính định hướng cho tương lai của Walt sau này. Elias Disney là một thợ mộc nghiêm nghị và là một người sùng đạo, ngày Sabbath⁽⁸⁾ luôn được ông tuân thủ nghiêm ngặt. Khi ba quán rượu gần nhà lần lượt mọc lên, ông hết sức giận dữ. Ông nói với Flora - vợ ông rằng: *“Thành phố này không phải là nơi thích hợp để nuôi dạy trẻ nhỏ”*. Và thế là chẳng bao lâu sau, họ mua một nông trang rồi chuyển tới Crane, cách thành phố Kansas hàng trăm dặm về phía Bắc.

Ngoài Disney và cha mẹ, gia đình Disney còn bốn thành viên khác: Herbert 17 tuổi, Raymond 15 tuổi, Roy 12 tuổi và Ruth 2 tuổi. Sự chênh lệch tuổi tác đáng kể đó đồng nghĩa với việc Walt không có ai cùng chơi trong nông trang. Vì thế ông thường vui đùa với các con vật nuôi trong trang trại. Ông tự sáng tạo ra các trò chơi và luật chơi, đồng thời tổ chức các trò chơi đó như thể những con vật này hiểu và cũng muốn chơi đùa cùng ông. Skinny - tên một con heo con, kêu ré lên trong trò chơi bịt mắt

(8) Ngày nghỉ ngơi và thờ phụng Chúa, theo đạo Cơ Đốc là Chủ nhật hàng tuần.

trốn tìm; Pete - con chó săn nhỏ của gia đình, đã chứng minh nó là một đấu sĩ có tài trong trò chơi kéo co. Còn Charley - một con ngựa kéo xe già nua, tự sáng tạo trò chơi cho riêng mình: nó phóng như bay vào vườn cây ăn quả mỗi khi Walt trèo lên lưng. Những con vật này vừa là đồ chơi vừa là những người bạn của Walt Disney, còn nông trang chính là vương quốc thần kỳ đầu tiên của ông.

Giống như bao nông dân khác, Elias cũng tận dụng các thùng phuy trước đó từng chứa hắc ín để trữ nước mưa. Một ngày nọ, Walt nhận thấy một chiếc thùng ấy - khi chưa kịp đổ nước vào - đang chảy hắc ín ra dưới sức nóng gay gắt của mặt trời. Cách đó không xa, trong chuồng heo, con heo nái Walt thường cưỡi lao thẳng vào đàn heo thiến đang khịt khịt mũi một cách thỏa mãn. Thấy nó đúng là đối tượng hoàn hảo cho một bức chân dung, Disney vội chộp lấy một cây chổi lông, nhúng vào chỗ hắc ín, bắt đầu một ý tưởng, và bức tường bên nhà nhanh chóng trở thành tác phẩm hội họa của ông.

Kết quả của những giây phút sáng tạo đó là Walt bị cha phạt nhốt vào chuồng ngựa. Cậu bé nhận ra rằng gia đình không tôn trọng năng

khiếu của cậu. Nhưng, thật may là một người họ hàng, dì Margaret, đã nhận ra tài năng của Walt qua bức vẽ. Bà mua cho Walt một xấp giấy và một hộp bút chì màu. Cậu bé nhanh chóng lấp đầy tập giấy bằng những bức họa sinh động về mọi thứ cậu nhìn thấy quanh nhà kho.

“Mình sẽ trở thành họa sĩ”

Walt vẽ bất cứ lúc nào có thể. Lề các cuốn sách giáo khoa của cậu luôn đầy những hình ảnh sóc, dê, lợn - những người bạn quen thuộc ở nông trang Crane. Điều đặc biệt là dưới bàn tay cậu bé, chúng không đơn thuần là những nét vẽ trên tờ giấy vô tri vô giác, mà từng hình ảnh đều toát lên vẻ sống động kỳ lạ. Có lần, cô giáo giao cho cả lớp bài tập vẽ một bức tranh tĩnh vật: một bình hoa xuân. Kết quả là cô vô cùng ngạc nhiên khi thấy những bông hoa của Walt. Chúng sống động như thật: hoa tulip kiêu diễm xen lẫn những cánh hoa thủy tiên mềm mại khoe sắc rực rỡ.

Năm 1917, Elias lại chuyển nhà thêm lần nữa, lần này ông quyết định trở về Chicago. Tại đây, Walt theo học trường phổ thông McKinley.

Tuy nhiên, chỉ có một điều quan trọng duy nhất với ông lúc bấy giờ: được vẽ; ngoài ra, mỗi tuần ông còn có thêm ba buổi học dưới sự hướng dẫn của một họa sĩ chuyên vẽ tranh biếm họa tại trường mỹ thuật Chicago. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Walt làm nghề lái xe cứu thương cho Hội Chữ thập đỏ ở Pháp trong gần một năm. Khi trở lại, ông mang theo 600 đô la tiền tiết kiệm và một quyết tâm mới: *“Minh sẽ trở thành một họa sĩ”*.

Ông xin vào làm tại một công ty quảng cáo nhỏ. Với công việc này, ông được trả 50 đô la một tháng, và cũng tại đây, ông đã gặp gỡ người họa sĩ trẻ tên là Ub Iwerks. Họ nhanh chóng trở thành bạn thân và một thời gian ngắn sau đó cả hai đã tự đứng ra làm quảng cáo. Tháng đầu tiên, họ kiếm được 135 đô la nhưng tháng tiếp theo, họ gần như chẳng kiếm nổi đồng nào.

Sau đó, họ tới làm việc tại Kansas City Slide, công ty này chuyên sản xuất và trình chiếu các mẫu quảng cáo dài một phút tại các rạp chiếu bóng địa phương. Đó là bước đi đầu tiên của Walt vào thế giới phim hoạt hình - một lĩnh vực còn khá mới mẻ thời bấy giờ.

Ở đây, Walt miệt mài nghiên cứu và thử nghiệm. Dần dần ông tìm ra một phương pháp tuy vừa tốn tiền vừa tốn thời gian nhưng lại rất gần với sự mô phỏng của các chuyển động mà ông đang tìm kiếm. Để vẽ một bé trai đang đá bóng, ông phải vẽ 20 bức hình riêng biệt gồm những chuỗi hành động tiếp diễn liên tục.

Thời gian này, ông quyết định mở một xưởng phim lấy tên là Laugh-O-Grams. Nhờ sự giúp đỡ của Ub, Walt đã hoàn thành một loạt thước phim ngắn trình chiếu tại các rạp hát địa phương. Đó là những thước phim rời kéo dài một phút để quảng cáo cho các sản phẩm địa phương. Quản lý rạp hát đã thực sự ấn tượng: *“Nhưng có phải chúng tốn kém lắm không?”* - Ông ta thắc mắc. *“Tôi có thể làm chúng với giá 30 xu một tập.”* - Walt thuyết phục, và người quản lý đã đồng ý thuê ông làm tất cả.

Tuy nhiên, trên đường tới công ty cũ để gửi đơn xin thôi việc, Walt chợt sững lại khi nhận ra rằng 30 xu một tập chỉ là chi phí sản xuất. Ông đã quên không cộng vào đó tiền công. *“Nhưng nó cho ta cơ hội thử nghiệm.”* - Ông tự nhủ và hân hoan khoe với Ub. Và đây cũng chính là tiêu chí quan trọng nhất trước bất cứ một thương vụ mới nào trong cuộc đời Disney.

Nhưng không lâu sau đó, Laugh-O-Grams bị phá sản. Disney bị đuổi khỏi nhà và phải ngủ trên ghế trong văn phòng.

Nhiều tháng trước đó, văn phòng của Disney thường xuyên bị một bầy chuột lớn ghé thăm do chúng đánh hơi được những mẩu thức ăn thừa từ bữa trưa còn sót lại trong các giỏ rác. Các cục tẩy và những chiếc bút chì trở thành nạn nhân trực tiếp dưới những bộ răng sắc của bầy chuột. Thấy vậy, một số họa sĩ trong xưởng phim đã đề nghị đặt bẫy. Nhưng Walt không tán thành. Thay vào đó, ông chế ra một chiếc bẫy vô hại rồi bắt 10 con chuột và làm cho chúng một cái lồng bằng kim loại. Trong số đó có một con chuột đã thực sự trở thành bạn của Walt. Ban đêm, lúc Walt làm việc một mình, con Mortimer - cái tên này do Walt đặt cho nó - được phép nô đùa tự do trên mép giá vẽ, nó thường tào bạo cọ cọ hàm ria vào đó.

Để tiếp tục niềm đam mê, Walt quyết định chuyển tới một vùng đất khác, một nơi mà bằng sự quyết tâm, con người có thể biến giấc mơ thành hiện thực. Đó là Hollywood. Số tiền còn lại chỉ đủ giúp ông mua một chiếc vé tàu, sau đó, ông bắt đầu thu xếp đồ đạc. Đêm trước khi rời đi, ông quyết định giải phóng cho gia đình

chuột. Ông cẩn thận cầm chiếc lồng tới một bãi đất hoang. Được “tháo cũi sổ lồng”, 9 con chuột chạy ào ra vùng đồng cỏ mênh mông, nhưng con thứ 10 vẫn đứng im đó. Đó là con Mortimer, nó nhìn Walt bằng đôi mắt long lanh.

Người cầu toàn

Trước khi rời thành phố Kansas, Disney đang làm dở dang loạt phim *Alice ở xứ sở thần tiên*. Nhân vật chính trong bộ phim là một cô bé. Ý tưởng của ông là xây dựng bộ phim về một cô bé trong không gian toàn màu trắng, bao quanh cô là rất nhiều con vật hoạt hình và chuyển động của chúng nhịp nhàng với chuyển động của cô bé. Ông đã gửi bộ phim này tới công ty Winkler - một nhà phân phối phim hoạt hình ở New York. Một vài tuần sau, trong lúc đang thất nghiệp ở Hollywood, ông nhận được đơn đặt hàng đầu tiên: Winkler cần 12 tập phim.

Những thành công ban đầu từ loạt phim về Alice hóa ra không mang lại nhiều kết quả tốt đẹp. Disney yêu cầu vẽ lại và quay lại hết cảnh này đến cảnh khác. Do đó, lợi nhuận của ông cứ thế hao hụt dần. Mọi người thường nói rằng,

Walt đã sản xuất 57 tập phim về Alice nhưng thực chất tập phim thứ 16 là tập phim cuối cùng thu được lợi nhuận.

Trong khi các nhân viên lành nghề của ông có thể yêu cầu khoản tiền lương 120 đô la một tuần thì bản thân Walt chỉ còn lại tối đa 50 đô la mà thôi; và vào thời điểm khó khăn, số tiền đó hạ xuống chỉ còn 15 đô la. Tuy nhiên, trong số những nhân viên ấy, có một người đã chấp nhận khoản tiền lương ít hơn, đó là Lillian Bounds - một người phụ nữ da màu nhỏ bé xinh đẹp. Roy - anh trai của Walt, nhận ra rằng Lilly đã hai tuần liền không nhận lương. Cũng chính ông đã phát hiện thấy sự quan tâm đặc biệt mà Walt dành cho Lilly khi đưa cô về nhà.

Đắm mình trong thế giới tưởng tượng đầy sáng tạo, Walt chưa từng bị hút hồn trước bất cứ người phụ nữ nào, nhưng cô gái này lại là một ngoại lệ. Một buổi tối, ông đột nhiên vươn người qua bàn và trao cho cô một nụ hôn bất ngờ. Sau đó không lâu, ông chính thức ngỏ lời cầu hôn với cô.

Đến đầu năm 1928, khi ý tưởng cho bộ phim *Alice ở xứ sở thần tiên* đã cạn kiệt, Walt lại cùng

cộng sự bắt tay vào một loạt phim hoạt hình mới mang tên *Oswald, chú thỏ may mắn*. Mặc dù chú thỏ Oswald giành được rất nhiều thiện cảm của công chúng, nhưng chính sự cầu toàn của Walt đã đẩy hăng phim của ông tới bờ vực phá sản. Ông yêu cầu thêm ngân sách để mở rộng loạt phim về Oswald nhưng đề nghị đó đã bị từ chối. Công ty Winkler buộc ông đứng trước hai sự lựa chọn: hoặc chấp nhận vốn ngân sách làm phim hạn hẹp hơn hoặc chấm dứt quan hệ hợp tác. Walt rất tức giận, ông muốn trực tiếp nói chuyện với công ty Winkler, vì vậy ông quyết định cùng Lilly tới New York.

Tuy nhiên, không như mong đợi của Walt, cuộc gặp gỡ giữa hai bên đã kết thúc bằng việc chấm dứt quan hệ hợp tác. Tức giận, Walt lao về khách sạn nơi Lilly đang chờ và thông báo với cô bằng một giọng đầy bức bối: “*Anh mất việc rồi, nhưng anh vui lắm! Chừng nào còn sống, anh sẽ không bao giờ làm việc cho người khác nữa*”. Rồi với sự lạc quan vốn có, Walt đánh điện cho Roy: “*Mọi thứ đều ổn*”. Walt quả quyết rằng ông sẽ tìm ra một nhân vật khác thay thế cho Oswald.

“Chúng ta đã có nó”

Vào ngày 16 tháng 3 năm 1928, Walt và Lilly lên tàu trở về Hollywood. Ngay khi vừa tới nơi, Walt đặt bút vẽ điên cuồng - ông giật phăng hết tờ giấy này tới tờ giấy khác, vò nát chúng rồi lại bắt đầu với một tờ mới. Đôi lúc, mắt ông nhìn xa xăm vào một khoảng không vô định. Ông đang nhớ về một chú chuột - chú chuột có tên là Mortimer.

Lại một đêm không ngủ nữa. Và rồi, sau đêm ấy, ngôi sao hy vọng của Walt đã xuất hiện: một chú chuột tinh quái và dũng cảm với chiếc quần màu đỏ có hàng cúc bằng ngọc trai. Không những thế, chú chuột này còn hay gãi đầu giống như Charles Lindbergh. Nó bị mê hoặc bởi thành công của một phi công vĩ đại nên ôm mộng chế tạo chiếc máy bay riêng cho mình. Đúng rồi! Bộ phim sẽ có tên *Chiếc máy bay điên rồ (Plane Crazy)*, và chính chú chuột Mortimer sẽ thủ vai chính.

Rồi như không thể kìm nén được, ông liền thoảng kể cho Lilly toàn bộ chi tiết của bộ phim đang thai nghén trong đầu ông. Nhưng vừa nghe xong, Lilly đã do dự: “*Mortimer là một cái tên khủng khiếp chỉ dành cho chuột thôi anh*

a!”. Walt suy nghĩ: “À, nếu không thì... cái tên Mickey em nghĩ sao? Chuột Mickey - nghe có vẻ thân thiện đấy”.

Và thế là chú chuột Mickey trong tương tượng dần dần được hiện thực hóa bằng những nét vẽ sống động. Nó có cái đầu hình tròn, rất dễ vẽ. Và sau bao lần trăn trở, chỉnh sửa, cuối cùng Walt quyết định cho nó một đôi tai cũng hình tròn. Thân người nó hình quả lê với cái đuôi thon dài còn đôi chân nhỏ xíu được xỏ trong một đôi giày quá cỡ. Cũng vì vẽ bốn ngón tay đeo găng luôn dễ dàng và rẻ hơn năm ngón tay nên Mickey sống cả cuộc đời với đôi bàn tay mỗi bên thiếu đi một ngón.

Trong thời gian này, Walt mang những thước phim mẫu tới New York tranh thủ tìm kiếm cơ hội. Nhưng rồi, chào đón ông luôn là thái độ thờ hững. Niềm hy vọng của ông liên tiếp bị từ chối. “Đó là một trong những thời điểm thăng trầm trong cuộc đời Walt. Ông ấy đã đặt cược mọi thứ nhưng suốt một tháng trời lăn lộn khắp New York, ông ấy không thuyết phục được ai quan tâm tới bộ phim này.” - Ub kể lại.

Tuy nhiên, Walt vẫn áp ủ hy vọng cuối cùng.

Một năm trước, vào tháng 10 năm 1927, các nhà làm phim lần đầu tiên đưa hiệu ứng âm thanh vào phim. Kể từ đó, hơn một ngàn rạp hát bắt đầu áp dụng phương pháp này và lượng khán giả đã tăng lên con số đáng kinh ngạc - 95 triệu người một tuần. "*Chúng ta sẽ tạo ra một chú chuột Mickey biết nói.*" - Disney quyết định.

Đây là điều chưa từng xảy ra trước đó. Phương pháp ghi âm trong phim trước nay chỉ hiệu quả khi nhân vật là con người trực tiếp nói theo nội dung trong kịch bản, còn làm sao để lời nói của một nhân vật hoạt hình có thể trùng khớp với âm thanh được ghi âm một thời gian dài sau khi những bức vẽ đã hoàn thành? Roy và Walt đã tiến hành một thử nghiệm với thước phim dài hơn 10 mét và chạy chỉ trong 30 giây. Họ tự tạo tiếng động, tiếng chuông đeo, tiếng còi, thậm chí cả tiếng ván chà giặt quần áo. Chính Walt đã dùng tay bịt mũi để lờng tiếng cho Mickey với một giọng the thé của đàn ông (và ông đã đảm nhiệm vai trò này suốt 18 năm trời).

Những thử nghiệm này diễn ra trong tiếng cười thích thú của hai anh em và ngày nào họ cũng làm đi làm lại cho đến tận khuya. Họ cố gắng để âm thanh càng nhịp nhàng với hành

động càng tốt. Và rồi công sức của họ cũng được đáp trả. Walt mừng rỡ reo lên: *“Được rồi! Chúng ta đã thành công rồi”*.

Bước nhảy của sự sáng tạo

Bộ phim Chuột Mickey đã tạo ra một con địa chấn trên toàn thế giới. Sự thành công của Chuột Mickey đã khơi dòng cho trí tưởng tượng và tư duy sáng tạo của Walt, để từ đó, hãng phim Disney đã cho ra đời một loạt nhân vật mới như *Chó Pluto*, *Chó Goofy*, *Ngựa Horace* và *Bò Clarabelle*. Tất cả các nhân vật này đều được mô phỏng theo những người bạn ở nông trang của Walt.

Vịt Donald ra đời sau khi Walt và một số nhân viên của ông nghe thấy giọng nói của Clarence Nash - một chuyên viên lồng tiếng. *“Đó sẽ là một con vịt tốt tính nhưng dễ nổi nóng khi bị khiêu khích!”* - Walt nói. Và ngay sau đó Nash được bổ sung vào đội ngũ nhân viên. *“Hãy tạo ra một con vịt tự phụ và vênh vác. Và vì con vịt không thể sống thiếu nước nên anh nghĩ sao về việc khoác cho nó một cái áo hải quân nhỏ và một chiếc mũ thủy thủ?”* - Walt gợi ý với người sản xuất phim hoạt hình Fred Spencer.

Không phức tạp và trừu tượng, các bộ phim của Disney luôn hướng tới những giá trị đạo đức tốt đẹp, nhẹ nhàng mà mạnh mẽ. Dũng cảm và đức hạnh luôn chiến thắng sự độc ác xấu xa và nỗi sợ hãi. Chăm chỉ luôn đánh bại lười biếng; thiếu quyết tâm chỉ đem lại thất bại. Theo cách nói riêng của Walt, những bộ phim này đã khơi dậy *“Mickey trong chúng ta - vì nội dung của chúng rất gần gũi với thực tế cuộc sống, còn các nhân vật trong phim thường mang những nét tính cách tiêu biểu của con người, như chúng cười trước những điều ngớ ngẩn, hát vui trong bồn tắm và mơ mộng những điều tốt đẹp”*.

Khi con của Disney còn nhỏ, ngày thứ Bảy luôn là *“Ngày của Cha”*, Walt thường dành cả buổi chiều để đưa các con ghé thăm khu vui chơi ở gần nhà. Sau này Walt nhớ lại: *“Đó là những ngày hạnh phúc nhất của cuộc đời tôi. Bọn trẻ cười vòng quay ngựa gỗ còn tôi ngồi trên một băng ghế và ăn đậu phộng. Mỗi khi ngồi đó một mình, trong đầu tôi lại trở dậy ý tưởng về một công viên gia đình, nơi cha mẹ và con cái có thể vui đùa cùng nhau”*. Rồi ông mừng tượng ra công viên của riêng ông, ở đó đầy ắp những câu chuyện và nhân vật hoạt hình. Đó chính là Disneyland.

Theo dự kiến của ông, công viên đó có một lối vào, từ đó mở ra bốn khu riêng biệt: Adventureland, Frontierland, Fantasyland, Tomorrowland - những thế giới mơ ước của trẻ nhỏ. Trong những thế giới này, chỉ có hai mùa là mùa xuân và mùa hè. Để bước vào thế giới, nơi đặt chân đầu tiên của du khách sẽ là vùng đất Main Street, USA. Từ đó du khách sẽ thấy lâu đài của nàng công chúa đang ngủ ở trước mặt. Bao quanh khu công viên là một đoàn tàu sắt thật dài, động cơ của nó phát ra âm thanh ma quái. Người đầu tiên chào đón du khách bước vào thế giới của các nhân vật hoạt hình sẽ là chú chuột Mickey.

Mở đầu cho kế hoạch của mình, ông mua một khu vườn trồng cam rộng gần 100 hecta cách Los Angeles 25 dặm về phía Nam. Một phóng viên đã hỏi Walt khi nào dự án hoàn thành và câu trả lời của ông thật đơn giản: *“Không bao giờ, trừ khi thế giới này cạn kiệt trí tưởng tượng”*.

Thành phố Disney

Nhiều năm liền, Lilly đã không ít lần nài nỉ Walt nghỉ hưu để thong dong tận hưởng cuộc sống. Và thực tế tình hình tài chính cũng cho phép ông sống an nhàn, nhưng Walt luôn phản đối lời đề nghị của Lilly. *“Anh sẽ chết nếu anh không ra ngoài khám phá và chinh phục những thế giới mới.”* - Ông giải thích.

Ông nhờ các nhân viên của mình tiến hành mua một khu đất rộng 11.000 hecta gần Orlando, Florida. Và một buổi sáng, ông tới văn phòng với dự án xây dựng một thành phố mới đã được phác thảo. Ông gọi nó là EPCOT - từ viết tắt của Experimental Prototype Community of Tomorrow (xã hội kiểu mẫu cho tương lai).

Tuy nhiên, đến mùa thu năm 1966, khi tất cả các kế hoạch này vẫn còn nằm trên giấy thì Walt buộc phải tiến hành chụp X-quang do một cơn đau đột ngột. Các bác sĩ phát hiện Disney bị một khối u ác tính. Vào ngày 7 tháng 11, họ quyết định cắt bỏ phổi bên trái của ông nhưng chỉ sau hai tuần, ông đã trở lại làm việc như cũ vì cảm giác buồn chán khi không làm việc khiến ông không chịu nổi. Bệnh tình của Walt ngày

càng trầm trọng, sau đó mọi hy vọng đều vụt tắt. Vào ngày 30 tháng 11, ông được chuyển tới bệnh viện do không thể gượng dậy khỏi giường. Khoảng 9 giờ 15 phút sáng ngày 15 tháng 12, tim ông mãi mãi ngừng đập.

5 giờ chiều ngày hôm đó, một khoảnh khắc mà những ai từng chứng kiến sẽ không thể nào quên. Tại Disneyland, ban nhạc của Disneyland đã diễu hành vào quảng trường gần City Hall. Kèn trống vang lên, lá cờ nước Mỹ được trang nghiêm kéo xuống. Hai dòng lệ rung rung trên gương mặt nhạc trưởng 73 tuổi Colonel Vesey Walker. Ông giơ cao cây gậy chỉ huy, và rồi vang vọng khắp khuôn viên Disneyland trong buổi tối mùa đông hôm ấy là giai điệu của bộ phim hoạt hình *Pinocchio* tượng trưng cho cuộc đời Walt Disney:

Khi bạn ước mơ được vươn tới một ngôi sao

Bất kể bạn là ai

Những khát khao ấp ủ trong tim bạn

Sẽ trở thành sự thật...

- Richard Collier

Những chiếc xe miễn phí

*Chúng ta sống vì điều gì
nếu không vì mục đích giúp cuộc sống của
những người xung quanh bớt phần khó nhọc?*

- George Eliot

Vừa tỉnh giấc, Don Schoendorfer đã vội vã bước xuống nền xi măng lạnh lẽo của ga ra. Lúc này là 4 giờ sáng. Nung nấu quyết tâm tạo ra một chiếc xe lăn rẻ nhất thế giới, người kỹ sư ở quận Cam, California này đã nhẫn nại dành 3 giờ mỗi ngày trước khi đi làm, cặm cụi bên bàn làm việc trong nhà xe chật chội của mình.

Đầu tiên, ông thử chế tạo một chiếc xe với chỗ ngồi bằng vải bạt thông thường nhưng chất liệu để chế tạo nó quá đắt. Ông biết mình cần một chất liệu rẻ nhưng phải thật bền. Chiếc xe đó cần phải đủ khả năng vượt núi, băng qua

đầm lầy, sa mạc và chống chịu được sức nóng thiêu đốt cùng cái giá lạnh tê buốt mà không cần phải bảo dưỡng nhiều. Schoendorfer hiểu rằng thế giới này tồn tại vô số những người nghèo sống với mức thu nhập thấp hơn 2 đô la một ngày và vì thế, một chiếc xe lăn của phương Tây giá hàng trăm, thậm chí hàng ngàn đô la là một điều xa xỉ mà trong mơ họ cũng không dám nghĩ tới.

Cuối cùng, ông đã tìm ra một chiếc ghế bằng nhựa dẻo màu trắng - một chất liệu khá dồi dào ở bất cứ đâu. Điều đó thật tuyệt vời. Ngay lập tức, Schoendorfer lao vào cuộc lùng tìm ghế nhựa, ông mua hàng loạt ghế nhựa giá 3 đô la một cái. Sau đó, ông lang thang khắp các cửa hàng Home Depot và Wal-Mart để tìm kiếm những lớp xe giá rẻ nhất, thậm chí là những chiếc đinh vít có giá cạnh tranh nhất.

Trong suốt những tháng ngày miệt mài lần tìm đó, hồi ức về con đường ở Ma-rốc 30 năm về trước cứ hiện về trong tâm trí ông. Vào năm 1977, ông cùng vợ là Laurie đã có lần dừng chân ở Tétouan - một thành phố nằm ở phía nam Ma-rốc; và trong cái nóng nực của buổi chiều ngọt ngào, ông nhìn thấy một người phụ

nữ tật nguyên đang lê cơ thể yếu ớt qua đường, trông bà chẳng khác nào một con rắn đang trườn đi. Đôi bàn tay của người phụ nữ ấy dán chặt xuống đường để đẩy tấm thân nặng nhọc lết từng bước. Schoendorfer nhớ lại ánh mắt coi thường của mọi người đối với những người ăn xin ngoài phố, đặc biệt, những người tàn tật còn bị coi thường hơn. Trên con đường đầy bụi bặm đó, Schoendorfer đã tự hứa rằng mình phải làm một điều gì đó giúp đỡ những người tật nguyên như người đàn bà ấy.

Lúc này, ông đang lắp hai chiếc lốp của Toys “Я” Us⁽⁹⁾ vào cặp bánh xe nhỏ bằng kim loại màu đen gắn dưới chiếc ghế, đồng thời lắp vòng bi vào chiếc xe. Người kỹ sư từng tốt nghiệp từ trường MIT cảm thấy mọi thứ có vẻ gắn kết với nhau khá ổn. Khi ông đẩy chiếc xe quay tròn lần cuối cùng, ông thầm nhủ “*Có lẽ thế này là được rồi*”.

“*Cậu đã thành công rồi, Don ạ.*” - Mục sư của Schoendorfer thốt lên khi nhìn thấy

(9) Toys “Я” Us: Một trong những nhà sản xuất và buôn bán đồ chơi trẻ em hàng đầu thế giới, có hệ thống 1.500 cửa hàng trên toàn cầu bao gồm Toys “Я” Us, Kids “Я” Us, Babies “Я” Us và Imaginarium. Bên cạnh đó, họ còn có cả những website giúp mọi người có thể dễ dàng mua được sản phẩm trực tuyến.

chiếc xe nhỏ màu trắng. Trong chín tháng, Schoendorfer đã làm 100 chiếc xe lăn như vậy và ga ra của ông chẳng khác nào trung tâm chế tạo các thiết bị giả dành cho người tàn tật.

Vị mục sư đã gợi ý rằng anh có thể xin phép phái đoàn y tế của nhà thờ cho anh mang theo những chiếc xe này đến Ấn Độ trong thời gian sắp tới. Nhưng khi Schoendorfer tới dự cuộc gặp đầu tiên để lên kế hoạch cho chuyến đi, những người truyền giáo trong nhóm có vẻ không thích thú lắm: *“Câu nghi chi phí vận chuyển những chiếc xe này sẽ tốn khoảng bao nhiêu?”* - Một người cất tiếng hỏi.

Tuy mất hứng và chán nản nhưng Schoendorfer vẫn tiếp tục tham dự cuộc họp. *“Tôi cho rằng họ nghi là nếu họ cho tôi đi theo - một người đàn ông ngớ ngẩn với ý tưởng điên rồ - thì có lẽ tôi sẽ biến mất.”* - Ông nhớ lại và nở một nụ cười.

Cuối cùng, họ cũng đồng ý để ông mang theo bốn chiếc xe tới Ấn Độ. Tại một phòng y tế đông đúc nằm ngoài Chennai, Schoendorfer nhìn thấy một người cha mang theo đứa con trai 11 tuổi bị tàn tật của mình. *Đây chính là*

lúc, Schoendorfer thẳm nghĩ rồi vụt chạy ra ngoài và đẩy chiếc xe đến.

Chính khoảnh khắc cậu bé Emmanuel lần đầu tiên ngồi lên chiếc xe, Schoendorfer đã hiểu ra rằng phát minh của mình thực sự có giá trị hàn gắn. Emmanuel trông rất vui vẻ phấn chấn. Mẹ của em đã phiên dịch lại lời của em: “*Cảm ơn chú vì chiếc xe này*”.

Khi Schoendorfer trở về nhà, công ty nơi anh đang làm việc bất ngờ bị phá sản. Anh quyết định không đi làm thuê nữa và chỉ chuyên tâm chế tạo xe lăn cho người khuyết tật. Nhiều năm liền, gia đình anh phải sống tằn tiện và đến khi tiền bạc bắt đầu cạn kiệt, Laurie vợ anh phải đi làm cho Sở An sinh Xã hội.

Kể từ lần trao tặng đầu tiên đó, tổ chức phi lợi nhuận của Schoendorfer, *Free Wheelchair Mission*, đã chuyển đi miễn phí 63.000 chiếc xe trọng lượng nhẹ cho những người không thể đi lại. 100.000 chiếc nữa đang được chuẩn bị.

Ngày nay, hai công ty Trung Quốc là nơi chuyên sản xuất những chiếc xe này và chúng có thể được chuyển tới bất cứ nơi đâu trên thế giới chỉ với giá 41 đô la và 17 xu. Chúng được

chuyến bằng đường biển tới 45 quốc gia trên thế giới như là Angola, Zimbabwe, Mongolia, Trung Quốc, Ấn Độ, Peru, Cộng hòa Quần đảo Fiji,... và Iraq. Tại đây, vào năm 2004, binh chủng lính thủy đánh bộ của Mỹ đã chuyển chúng tới hàng trăm người dân. Với hơn 100 triệu người nghèo bị tàn tật ở các nước đang phát triển, Schoendorfer hiểu rằng công việc của ông chưa kết thúc.

“Tôi đã đặt ra mục tiêu là cho tới năm 2010, số xe miễn phí được gửi đến những người tàn tật sẽ đạt tới con số 20 triệu chiếc”, ông tâm sự.

Trong mỗi chuyến đi với số lượng xe tặng ngày càng nhiều, nhà phát minh này đã tận mắt trông thấy những hiệu quả thiết thực mà phát minh của mình đem lại cho cuộc sống con người. Cậu bé Indra sống ở Chennai trước kia không bao giờ dám mơ ước tới trường, nhưng giờ đây cậu đang nỗ lực học tập để trở thành một kiến trúc sư. Một bà mẹ người Angola đã bị mất đi đôi bàn chân do một lần vướng mình khi đang làm việc trên cánh đồng nay đã có thể chăm sóc con nhỏ. Một người đàn ông Ấn Độ ở Cochin, biệt danh là *“Năm mươi hai”*, đã kể với các tình nguyện viên rằng suốt 52 năm qua ông không ngừng cầu nguyện mỗi ngày với hy vọng một người

nào đó sẽ tới và đối xử tốt với ông. Và chiếc xe này là món quà ý nghĩa đầu tiên ông nhận được.

Các tình nguyện viên đã chụp hình những người nhận xe khi họ lần đầu tiên ngồi lên chiếc xe lăn. *“Trông họ chẳng khác nào đang trong ngày cưới hoặc lễ tốt nghiệp. Không cần phải hỏi, đó là ngày quan trọng nhất trong cuộc đời họ. Đó là ngày cuộc sống của họ trở lại.”* - Schoendorfer giải thích.

- Janet Kinoshian

Vùng đất mặt trời đất vàng

*Người đời núi luôn bắt đầu bằng
việc đời đi từng viên đá nhỏ.*

- Tục ngữ Trung Quốc

Đó là một ngày mưa gió âm đạm, do vậy mà việc lái xe trên một đoạn đường núi quanh co để tới nhà Carolyn khiến tôi chẳng cảm thấy thích thú chút nào. Nhưng con gái tôi cứ nằng nặc rằng tôi sẽ không phải hối tiếc vì sẽ được chứng kiến một điều bất ngờ trên đỉnh núi.

Tôi miễn cưỡng đi. Trên chặng đường dài hai tiếng đồng hồ, sương mù giăng tỏa như tấm mạng che mặt. Khi tôi nhận ra lớp sương dày đặc ở đỉnh núi cũng là lúc tôi đã đi quá xa, không thể trở lại được nữa. “*Chẳng điều gì xứng đáng với chuyến đi vất vả này*”, tôi đã nghĩ thế khi

lái xe nhích từng mét dọc con đường cao tốc nguy hiểm.

- Mẹ sẽ ở lại ăn trưa nhưng mẹ sẽ về nhà ngay khi hết sương mù! - Tôi tuyên bố khi vừa tới nơi.

- Nhưng con muốn mẹ chở con tới ga ra để lấy xe của con về. Ít ra thì chúng ta sẽ làm điều đó đúng không mẹ? - Carolyn nói.

- Thế nó cách đây bao xa?

- Khoảng ba phút thôi. Con sẽ lái xe, vì con quen đường mà.

Sau mười phút ì ạch trên đoạn đường núi, tôi nhìn con bé một cách lo lắng:

- Mẹ tưởng là con nói chỉ đi mất ba phút thôi.

- Con đi đường vòng mà mẹ. - Nó cười.

Sau khi rẽ xuống một con đường hẹp, chúng tôi dừng xe và bước ra ngoài. Chúng tôi đi bộ dọc theo con đường rợp bóng thông già. Và rồi tôi không khỏi ngỡ ngàng trước một màu xanh ngút ngàn trải trước tầm mắt. Sự bình yên và tĩnh lặng của vùng đất cuốn trọn tâm trí tôi.

Rồi chúng tôi rẽ vào một góc đường, tôi

dừng lại há hốc miệng vì kinh ngạc. Từ đỉnh núi xuống khoảng vài mẫu Anh men theo các khe núi và thung lũng là cả một rừng hoa thủy tiên vàng rực rỡ. Kế đó là một rừng hoa muôn màu muôn vẻ - từ màu mỡ gà cho tới màu vàng chanh và màu hồng da cam sặc sỡ... Tất cả trải dài trước mắt chúng tôi như một thảm hoa khổng lồ. Khung cảnh ánh lên màu vàng rực rỡ tựa như ông mặt trời đã vô tình nghiêng tay làm đổ tràn những giọt vàng tinh tú nhất xuống trần gian.

Ở trung tâm của khu vực, một thác nước đổ xuống giữa đám lan dạ hương xanh tía. Lẩn khuất quanh đó là những bông tulip màu san hô. Và như để tô điểm cho rừng hoa khoe sắc, chim sơn ca phía Tây cũng ủa tới góp vui. Chúng ríu rít nhảy nhót trên những cây thủy tiên hoa vàng, khoe lớp lông vũ rực rỡ và đôi cánh màu ngọc bích như đá quý rung rinh.

Những câu hỏi lần lượt hiện ra, chảy tràn qua tâm trí tôi: *Ai tạo nên vẻ đẹp này? Tại sao? Bằng cách nào?*

Khi bước vào căn nhà nằm ở giữa khung cảnh thiên nhiên đẹp mê hồn ấy, chúng tôi nhìn

thấy một tấm bảng: “*Câu trả lời cho những câu hỏi mà các bạn đang thắc mắc*”.

Câu trả lời đầu tiên: “*Một người phụ nữ - hai tay, hai chân, và một bộ não nhỏ bé*”.

Câu trả lời thứ hai: “*Vào một lúc*”.

Câu trả lời thứ ba: “*Bắt đầu vào năm 1958*”.

Lái xe về nhà rồi, tôi vẫn không khỏi ngỡ ngàng, không sao diễn tả thành lời trước những điều tận mắt chứng kiến. Cuối cùng tôi nói: “*Cô ấy đã thay đổi cả thế giới, từng chút từng chút một. Công việc này cô ấy bắt đầu gần 40 năm về trước, có lẽ khởi đầu chỉ là một ý tưởng nhỏ bé, nhưng cô ấy đã kiên trì biến nó thành sự thật*”.

Nổi bần khoản cứ day dứt trong lòng tôi. “*Hãy nghĩ xem, nếu trước kia mẹ kiên trì theo đuổi những điều mà mẹ muốn, dù chỉ một chút mỗi ngày, thì mẹ sẽ đạt được điều gì?*” - Tôi nói với con gái.

Carolyn nhìn tôi, mỉm cười. “*Hãy bắt đầu vào ngày mai nhưng tốt hơn là nên bắt đầu từ ngay ngày hôm nay, mẹ ạ!*”.

- Jaroldeen Edwards

Người từ chối một triệu đô la

*Nghệ thuật sống thể hiện ở chỗ
ta biết điều gì mình được phép tự nguyện làm
và điều gì buộc phải tuân theo.*

- Sydney J. Harris

Đó là vào một ngày tháng 12 năm 1972 - ngày tôi buộc phải quyết định chọn lựa mình là ai. Cả đêm hôm ấy tôi nằm trần trọc suy ngẫm về quá khứ và cố gắng định hướng tương lai cho mình. Khi ấy tôi đang đảm nhiệm vai trò huấn luyện viên bóng đá tại trường đại học bang Pennsylvania - công việc gắn bó với tôi gần 7 năm trời và tôi đã nghĩ là mình có thể hài lòng.

Tuy nhiên, tất cả suy nghĩ của tôi gần như đảo lộn khi tôi nhận được cuộc điện thoại bất ngờ - một lời đề nghị đem lại cho tôi sự giàu có

đến kinh ngạc nếu tôi chấp nhận rời bỏ trường đại học mà tôi yêu mến và gắn bó. Người gọi điện cho tôi là Bill Sullivan - cựu chủ tịch và là người sở hữu của New England Patriots⁽¹⁰⁾. *“Tôi muốn gặp ông để mời ông huấn luyện cho đội bóng của tôi.”* - Ông ta nói.

Tôi bảo Sullivan rằng tôi đã có những lời đề nghị hấp dẫn khác và không hứng thú với lời mời của ông. Nhưng khoản tiền khổng lồ mà ông ta đưa ra - 1,3 triệu đô la cộng thêm tiền chuyển nhượng và 100.000 đô la tiền thưởng khi ký hợp đồng - khiến tôi bối rối.

Việc huấn luyện đội bóng ở trường đại học chỉ mang lại cho tôi tổng số tiền lương khiêm tốn là 35.000 đô la mỗi năm. Khoản tiền đó cũng đủ để tôi trang trải cuộc sống yên ả cho gia đình; nhưng con số của Sullivan vẫn không ngừng nhảy múa trong đầu tôi. Cuối cùng, tôi nói với vợ rằng: *“Anh cần phải làm công việc này”*. Sue dịu dàng đáp: *“Joe, dù anh có làm gì, em vẫn ủng hộ anh”*.

(10) The New England Patriots (hay còn lại “Pat” - theo cách gọi của các fan hâm mộ và phóng viên các báo thể thao), đây là một đội bóng đá Mỹ chuyên nghiệp đặt trụ sở ở khu vực Greater Boston và thường chơi trên sân nhà ở thành phố Foxborough, Massachusetts.

Ngay sau đó, tôi gọi cho Sullivan và nói với ông rằng tôi chấp nhận lời đề nghị. Tối hôm ấy, trước giờ đi ngủ, tôi đã nói với Sue: *“Ôi em yêu, người ngủ cùng em đêm nay là một triệu phú đấy nhé”*.

Hai giờ sáng, tôi thấy Sue đang ngồi trên chiếc ghế đu dõ dành đứa con nhỏ. Có lẽ cô ấy nghĩ tôi đã ngủ. Chưa bao giờ Sue nói với tôi rằng cô ấy không muốn chuyển tới Boston, thế mà giờ đây gương mặt cô ấy đăm lẹ.

Tôi nằm đó, nghĩ vẩn vơ về cuộc sống mà mình đang định rời bỏ. Tôi nhớ lại ngôi trường nơi tôi và Sue gặp nhau lần đầu và sau này trở thành ngôi nhà chung của năm đứa con của chúng tôi. Tôi nhớ lại những sinh viên, nhớ con sư tử bằng đá granit Nittany - biểu tượng cho sự may mắn của chúng tôi - và nhớ những học trò ngốc nghếch để xúc động của tôi trong đội bóng.

Điều gì đã khiến tôi đồng ý nhận lời Sullivan? Vâng, Boston đúng là một thành phố lớn. Nhiều thử thách mới đang đợi tôi. Nhưng trên tất cả là... tiền bạc. Bỗng dưng tôi hiểu ra sự khác biệt giữa việc cần phải làm và việc tôi muốn làm.

Sáng hôm sau, tôi bảo với Sue rằng: “*Người ngủ cùng em tối qua là một triệu phú, nhưng người em nhìn thấy khi thức dậy hôm nay vẫn là anh thôi. Anh sẽ không đi đâu nữa!*”. Sau này, Sue mới kể cho tôi rằng suy nghĩ đầu tiên đến với cô ấy lúc đó là: “*Ôi, cảm tạ Chúa!*”.

Cũng nhờ khoảnh khắc suy nghĩ thông suốt mọi việc trong đêm hôm đó, tôi mới thấm thía rằng đội bóng ở trường đại học có vai trò quan trọng trong lòng tôi thế nào - những điều mà bóng đá chuyên nghiệp không bao giờ có được. Dù tôi yêu những trận thắng cũng như bất kỳ huấn luyện viên nào khác, nhưng tôi biết có những điều còn quan trọng hơn cả danh tiếng và tiền bạc. Tôi muốn tận mắt chứng kiến sự trưởng thành của các cầu thủ ở đây - xem các em tự thất chặt kỷ luật cá nhân thế nào, tiến bộ về học vấn ra sao và quan trọng nhất là sự trưởng thành trong chính con người những thanh niên này. Đó là phần thưởng lớn lao và những giá trị mà tôi sẽ không bao giờ nhận được trong bóng đá chuyên nghiệp.

- Joe Paterno

Người thầy, người cha của nhà vô địch

*Mỗi chúng ta chỉ là
những sợi chỉ mỏng manh,
nhưng hãy nhìn xem:
Những sợi chỉ ấy có thể dệt nên
một tấm thảm thật lộng lẫy.*

- Jerry Ellis

Một cơn gió mạnh lùa về khiến cái lạnh của buổi chiều xuân càng thêm buốt giá. Cạnh đường đua, trên sân bóng của trường phổ thông, Charlie Kane đang cài lại nút trên cùng của chiếc áo khoác đã sờn màu, đôi mắt ông như dán chặt vào thân hình gầy gò của đứa trẻ mặc quần soóc đỏ đang mài miết trên đường chạy. Bước chân của nó dài hơn hẳn so với vóc người.

“Brian rất đam mê điền kinh.” - Người phụ

nữ đứng đối diện Kane, Sue Boyett, cất tiếng. Giọng nói của cô có vẻ khẩn khoản. Ly hôn cách đây 9 năm, Sue tự bươn chải nuôi dạy con khôn lớn, và bây giờ cô đang cố gắng tìm một người đàn ông mạnh mẽ để huấn luyện cho cậu con trai 11 tuổi của mình. Một người bạn đã giới thiệu Kane cho cô. Nếu nhìn ở diện mạo thì một người đàn ông cục mịch gần bước sang tuổi 60 có mái tóc hung gọn gàng sau gáy như Kane không dễ khiến người ta liên tưởng tới một huấn luyện viên. Điều này cũng tương tự như Brian không có dáng dấp trời phú của một vận động viên vậy. Thực tế, Kane đang là nhân viên sửa bản in ở một công ty in ấn, và đã nhiều năm rồi ông không còn trực tiếp huấn luyện điền kinh.

Sau khi hoàn thành vòng chạy, Brian đi bộ về phía mẹ và lén liếc mắt nhìn Kane. *“Mẹ cậu nói cậu rất thích chạy. Nhưng cậu có thực sự muốn được huấn luyện không?”* - Kane hỏi.

“Có lẽ là có ạ!” - Brian nói trong khi cố tình lẩn tránh ánh mắt của Kane. Nhưng Kane không chấp nhận thái độ thiếu dứt khoát đó. Ông tiếp tục thăm dò cho đến khi Brian gặp ánh nhìn của ông và trả lời cương quyết: *“Có ạ!”*.

“Như vậy thì được, ta sẽ huấn luyện cho cậu.” - Kane quyết định.

Mùa xuân năm 1994, Charlie Kane 58 tuổi. Lúc này ông là một người sống không mục tiêu. Hai đứa con lớn của ông đã rời gia đình để tách ra sống riêng còn đứa con út, cũng tên là Brian, sắp gia nhập binh chủng lính thủy đánh bộ.

Vào cuối thập niên 50, Kane từng có một thời gian phục vụ trong quân ngũ, nhưng ước mơ của ông là trở thành một giáo viên dạy phổ thông kiêm huấn luyện viên cho đội điền kinh. Vì thế, sau thời gian nỗ lực học tập và giành được tấm bằng thạc sĩ, ông đã cống hiến 13 năm cho các trường học ở New Jersey để làm công việc mà ông yêu thích nhất - dạy trẻ nhỏ cách đọc và chạy.

Nhưng vào những năm bảy mươi, vụ ly hôn đau đớn đã xáo trộn cuộc đời Kane. Sau khi tòa án chấp thuận cho ông được giữ quyền giám hộ con cái, cả gia đình ông cùng chuyển tới California để bắt đầu một cuộc sống mới. Ông đã làm huấn luyện viên tại một trường cao đẳng trong hai năm. Tuy nhiên, khoản tiền lương ít ỏi từ công việc đó không đủ để ông trang trải

cuộc sống, ông buộc phải chuyển sang làm biên tập viên cho các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật. Dù vậy, trong lòng ông vẫn khắc khoải nỗi nhớ thương miền Đông. Cuối cùng ông trở lại New Jersey vào năm 1994, làm công việc sửa bản in. Công việc này giúp ông có đủ tiền để trang trải các khoản chi phí nhưng không đem lại cho ông sự thỏa mãn trong công việc. Huấn luyện là công việc mà cả ông và Brian đều cần đến lúc này.

Tuy nhiên, có lẽ do mặc cảm từ sự tan vỡ trong cuộc hôn nhân của cha mẹ nên Brian luôn tỏ ra chống đối huấn luyện viên mới. Ngay sau khi họ làm việc cùng nhau, Brian đã tham gia hai vòng chạy bền tại nhà văn hóa ở Parsippany Hills. *“Tôi muốn cậu chạy giữ sức lúc đầu, sau đó dần dần tăng tốc rồi bứt phá, chạy nước rút về đích.”* - Kane nói với Brian.

Khi tiếng súng báo hiệu bắt đầu vòng chạy 800 mét, Brian chạy phăng phăng như thể đó là giai đoạn chạy nước rút. Khi đến 100 mét cuối cùng, cậu kiệt sức và thất bại. Kane tức giận. *“Cậu tuân theo sự huấn luyện của tôi hay làm theo ý cậu?”* - Ông bực tức hỏi. Brian không trả lời.

Trong vòng chạy thứ hai với cự ly 1.600 mét, Brian tiếp tục vượt lên vị trí dẫn đầu nhưng sau đó, không hiểu là do quá mệt hay do chủ ý kìm hãm tốc độ, cậu dần dần tụt lại phía sau. Trong lượt chạy cuối cùng, nhờ biết giữ sức nên Brian đã vượt lên đầu đoàn và giành chiến thắng. Thở hổn hển, cậu chạy về phía Kane với nụ cười rạng rỡ: *“Nhờ chiến thuật của thầy đấy”*.

Mỗi ngày sau giờ làm việc, họ lại gặp nhau trên sân tập. Ngày qua tháng lại, thấm thoát đã mấy năm trôi qua. Năm Brian 13 tuổi, bằng những bước chân vượt đích thần tốc, cậu đã giành thắng lợi trong nhiều cuộc thi chạy việt dã giữa các trường trung học. *“Không ngừng chiến thắng để chứng minh đẳng cấp.”* - Kane tự hào gọi chúng như vậy. Ông đã nói với Brian rằng: *“Một ngày nào đó, cậu sẽ trở thành đấu thủ trong đội tuyển Olympic Mỹ”*. Để thể hiện niềm kiêu hãnh của mình, Kane tặng Brian một chiếc áo điền kinh với dòng chữ nổi bật: *“Hammer”* (Người chiến thắng).

Dù tương lai của Brian đang rộng mở trước mắt nhưng Sue vẫn buồn phiền vì đã không đem lại những điều tốt đẹp nhất cho Brian và Jennifer - người chị gái hơn Brian một tuổi.

Sau khi ly hôn, tiền bạc chi tiêu trong gia đình rất eo hẹp. Là nhân viên kế toán cho một công ty xây dựng nhưng cứ mùa đông đến, công ty lại đóng cửa hai tháng và trong thời gian đó, cô lại bị thất nghiệp.

Kane cũng chẳng dư dả gì, vì thế ông đã chia sẻ với Sue rằng ông mong muốn được dọn đến chung sống và cùng cô gánh vác trách nhiệm nuôi dạy hai đứa trẻ. Sue rất xúc động: *“Được thôi, từ lâu anh đã là một phần của gia đình rồi”*.

Tháng 1 năm 1997, Kane chuyển tới gia đình Boyett. Cùng năm đó, Brian đã cao thêm gần 18 cm và vào trường trung học. Lúc này, cậu rất ra dáng một vận động viên điền kinh - thân hình chắc nịch, cơ bắp cường tráng với những bước chạy nhịp nhàng uyển chuyển. Tuy vậy, trong việc học thì cậu không mấy thành công.

Học sinh năm nhất trong trường đều phải đọc Sứ thi Iliad nhưng Brian không hiểu tại sao chúng lại bị bắt buộc đọc tác phẩm đó. Sau khi nghe chuyện, Kane lập tức hiểu ra vấn đề. Một buổi tối, ông ngồi chờ bên bàn ăn trong phòng

bếp với bản dịch thiên anh hùng ca của Homer về cuộc chiến thành Troa.

- Tác phẩm này viết về cái gì hả thầy? - Brian hỏi.

- Về cuộc sống! - Kane nói và ra hiệu cho Brian ngồi xuống.

Trong khi Sue và Jennifer đang mê làm bánh mì kẹp thịt thì Kane đọc bản sử thi đó bằng chất giọng diễn cảm nhất. Brian lắng nghe và rất đổi ngạc nhiên. Kane thuyết phục Brian đọc thử. Dù rất xấu hổ nhưng cuối cùng Brian cũng cất giọng đọc và nhanh chóng bị lôi cuốn vào câu chuyện đan xen giữa chủ nghĩa anh hùng với sự hèn nhát, trung thành và đối trá.

Suốt mấy tuần liền, cứ tối đến là họ lại tiếp tục đọc sử thi. Tập chạy vào sáng sớm và buổi chiều rồi đọc tác phẩm *Iliad* sau khi ăn tối đã trở thành một thói quen không thể thiếu. Kane đã khéo léo dạy cho Brian một bài học khác - bài học trở thành một người đàn ông thực thụ.

Hai người cùng đọc đến đoạn văn miêu tả cuộc chạm trán giữa người anh hùng thành Troa là Hector và dũng sĩ vô địch của Hy Lạp

là Achilles trong trận chiến tay đôi. Kane đã giảng cho Brian rằng, dũng cảm nghĩa là không bao giờ khuất phục nỗi sợ hãi. Ban đầu, khi biết Achilles được nữ thần ưu ái ban cho sức mạnh không ai địch nổi, Hector đã hèn nhát bỏ chạy. Nhưng rồi, chàng đã quay lại, chấp nhận đối đầu với Achilles để chứng tỏ lòng kiêu hãnh của mình.

Những buổi luyện tập điền kinh vào ban ngày và những giờ đọc sách buổi tối cứ thế tiếp nối, dần dần cả hai bài tập đều đem lại cho Brian nhiều thành quả quý giá. Các giá sách bên giường ngủ của cậu ngày càng được lấp đầy bằng nhiều sách vở cùng những chiếc cúp giành được từ các cuộc thi điền kinh trong bang và trong hạt.

Nhưng sau đó, vào mùa thu năm 1998, chấn thương gãy xương đùi trầm trọng đã khiến Brian không thể tham gia thi đấu trong một thời gian dài. Cùng lúc đó, Kane phải vật lộn với những cơn đau do chứng yếu cơ gây ra. Ông buộc phải nhập viện. Các bác sĩ rất bối rối khi đưa ra kết luận cho trường hợp của ông, họ nghiêng về giả thuyết các triệu chứng này là do ông từng bị đột quy. Đầu tiên ông phải chống

gậy để đi, sau đó phải dùng một chiếc khung tập đi mới có thể đi lại được.

Khi Brian hoàn toàn phục hồi chấn thương ở chân, Kane vẫn chưa khỏi bệnh. Việc đi lại khiến ông gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí đứng cũng làm ông đau đớn. Brian đã dốc hết tài khoản tiết kiệm của mình mua cho ông một chiếc xe lăn để ông có thể có mặt trên đường đua.

Tháng 3 năm 2000, Brian tham gia một vòng đua dài hai dặm tại cuộc thi điền kinh quốc gia trong nhà giữa các trường phổ thông tại đại lộ 168, thành phố New York. Những vận động viên chạy bền tốt nhất trên khắp nước Mỹ đều tề tựu về đây. Sue đưa Kane tới xem cuộc đua trên chiếc xe lăn.

Khi tiếng súng khai cuộc vang lên, Brian liền vượt lên dẫn trước nhưng sau đó cậu bị tụt lại phía sau. Được nửa chặng, cậu bắt đầu băng lên giữa đội hình. Giữa cậu và vận động viên dẫn đầu là một khoảng cách khá xa. Nhưng khi chuyển sang vòng chạy cuối cùng, tiếng cổ vũ, tiếng chân nện mạnh xuống đường đua với khẩu hiệu “Hammer” không ngớt vang lên đã tiếp thêm sức mạnh khiến Brian tiếp tục bám

đuổi vận động viên phía trước. Từ ghế ngồi gần vạch đích, Kane nhìn Brian vươn tới vị trí dẫn đầu với nỗ lực bút phá đích lớn nhất mà ông từng thấy. - Brian đã chiến thắng!

Một tháng sau đó, Kane bắt đầu bị tắt tiếng, cổ họng không nuốt nổi thức ăn. Bác sĩ chẩn đoán ông bị bệnh xơ cứng teo cơ cột bên (ALS), hay còn gọi là bệnh Lou Gehrig. Kane - người đàn ông mạnh mẽ từng huấn luyện cho biết bao vận động viên giờ đây lại đang dần mất đi chức năng hoạt động của cơ. Tuổi sống của ông bị thoái hóa từng ngày. Ông sớm nhận ra rằng thời gian sống của ông chỉ còn được tính theo tháng.

“Đừng buồn” - Kane nói với Brian, giọng ngập ngừng. *“Ta đã sống rất hạnh phúc và ta vẫn có thể huấn luyện cho con thêm một thời gian nữa cơ mà”*.

Trong thời gian Kane bị bệnh, Sue hết lòng quan tâm chăm sóc ông. Bà lái xe đưa ông tới đường chạy, cạo râu cho ông, cắt tóc cho ông, đút cơm cho ông, giúp ông làm vệ sinh cá nhân. Nhưng trận chiến lớn nhất mỗi ngày của ông là “trận chiến với câu thang”. Từ phòng của ông tới

bếp có một chiếc cầu thang chín bậc trải thảm xanh. Mỗi ngày, ông phải vật lộn với nó rất lâu mới có thể xuống bếp. Rồi dần dần ông không thể lê mình xuống những bậc thang đó được nữa. Thậm chí ngay cả khi có sự giúp đỡ của Sue, cả hai cũng phải mất 10 phút mới từ nhà bếp lên được tới phòng của ông. Mỗi ngày qua đi, công việc đó càng trở nên khó khăn gấp bội.

Tháng Tám, Jennifer chuẩn bị chuyển tới trường đại học ở bang Arizona, Sue phải tới để giúp đỡ con bé ổn định cuộc sống. Trước khi Sue đi, Brian nói: *“Mẹ cứ yên tâm. Con có thể lo cho thầy Charlie mà”*. Ngày đầu tiên sau khi Sue đi, sáng hôm ấy Brian dành hai tiếng ra ngoài làm thêm, sau đó chạy về nhà. Khi vào phòng Kane, cậu thấy ông vẫn mặc bộ pajama ngồi trên chiếc ghế lạng lế khóc. Brian cố gắng động viên ông, nói rằng ông cần thay đồ để cùng ra sân tập với cậu, nhưng Kane từ chối. Chiều tối hôm đó, con trai của Kane trở về từ trại tập trung của binh chủng lính thủy đánh bộ đóng tại Virginia. Cậu với Brian cùng động viên, nài nỉ, khuyên can và cuối cùng cả hai cũng thuyết phục được Kane mặc quần áo và rời khỏi căn phòng.

Lúc này, Kane lại phải trải qua cuộc hành xác khốn khổ để bước xuống những bậc cầu thang. Brian nhận thấy rõ ông đang đau đớn. Chỉ chín bậc - những bậc thang một thời chẳng là gì với một Kane mạnh mẽ nay bỗng trở thành một ngọn núi sừng sững đầy khó nhọc với đôi chân yếu ớt của ông. Ông khóc. Ông phản đối khi họ dìu ông bước xuống. Ông nài nỉ được trở về giường. Ông muốn từ bỏ.

“Thầy làm được mà!” - Brian động viên và cuối cùng cậu đã tìm thấy ngọn lửa quyết tâm vụt sáng trong đôi mắt Kane.

Ghì chặt vào cánh tay hai người con - bàn chân ông liên tục vấp ngã, đôi chân ông như muốn khụy xuống - Charlie Kane cố gắng hết sức. Từng bậc một, cuối cùng ông đã vượt qua được hành trình đau đớn với chín bậc thang. Cho tới khi ông đứng được trên sàn nhà bếp, dù vẫn được hai người con trai yêu mến dìu đỡ nhưng ông không còn thở ra hơi được nữa.

Đêm hôm đó, khi cả hai chàng trai tên Brian từ đường chạy trở về, ba người đàn ông đã ngồi cùng nhau bên chiếc bàn ăn trong phòng bếp, nơi Kane và Brian từng đọc bản anh hùng ca

Hy Lạp. Đúng lúc ấy, Brian đã bước tới nắm chặt lấy đôi tay của người huấn luyện viên, cậu nói với giọng đầy biết ơn: “*Mọi thứ con có được đều là nhờ có thầy, thầy Charlie*”.

Vào ngày 6 tháng 6, Brian giành chiến thắng trong vòng chạy 3.200 mét tại *Cuộc gặp gỡ giữa các nhà vô địch bang New Jersey*. Trên chiếc xe lăn, Charles Kane vẫn lặng lẽ dõi theo cậu cho đến khi chiếc ống nhôm rơi dần khỏi bàn tay ông. Buổi sáng hôm sau, ông bị liệt toàn thân. Sue và Brian đã chăm sóc ông tại nhà cho đến khi ông qua đời ngày 23 tháng 6 năm 2001.

- Peter Michelmores

Một thiên tài trong lịch sử

*Để có kiến thức con người cần học;
để có được sự thông thái,
con người cần quan sát.*

- Marilyn Vos Savant

Ông có thể vẽ một chiếc lá hoặc một bàn tay, một cây dương xỉ hoặc một hòn đá, tất cả đều sống động và có hồn như thể chúng đang hiện hữu trước mắt ta. Không ai có thể bắt kịp cách phối hợp gam màu sáng - tối của ông, hay sánh ngang tài năng của ông khi cho ra đời một khung cảnh kỳ bí đầy sức cuốn hút trên phòng nền phẳng. Vâng, với họa sĩ thiên tài Leonardo da Vinci - cha đẻ của bức họa nổi tiếng *Mona Lisa* và *Bữa tiệc ly* - hội họa chỉ là một trong những tài năng thiên phú phi thường của ông.

Có thể nói, sự tinh tế đã giúp Leonardo da Vinci bắt nhịp với mọi vẻ đẹp của cuộc sống: nụ cười thiên thần của trẻ nhỏ, cánh chim mềm mại đang bay, hay vẻ đẹp kỳ bí của tạo hóa. Ông yêu từng đường nét, hình hài của con người nên đã phác thảo vô số hình ảnh về họ - những người lính, cụ già, em bé, những cơ thể với làn da mịn màng, những đường cong tuyệt mỹ... Tất cả đều hút hồn ông.

Không chỉ là một danh họa tài ba, Leonardo còn là một kỹ sư, một nhà soạn nhạc, một kiến trúc sư, một người chuyên vẽ bản đồ, một nhà toán học. Bên cạnh đó, ông còn là nhà thiên văn học, nhà thực vật học, nhà động vật học, nhà địa chất học và nhà sinh lý học. Ông là người đầu tiên làm mô hình não bằng sáp ong và cũng là người đầu tiên nghĩ tới việc sử dụng mô hình bằng thủy tinh hoặc gốm giúp con người tìm hiểu về hoạt động của trái tim và con mắt. Ông cũng là người đầu tiên vẽ chính xác kết cấu của tử cung mở (với phôi thai ở bên trong) và cũng là người đầu tiên nghiên cứu tại sao lá cây lại được bố trí xung quanh cuống.

Giữa vô số cuốn sách ghi chú của ông, có một cuốn trong đó ông đã vẽ hình dạng người

đàn ông trong một hình chữ nhật đặt trong một vòng tròn, ban đầu đôi chân được chụm sát nhau nhưng sau đó hai chân dang rộng ra, hai tay nâng ngang rồi lại nâng chéo một góc 45 độ. *“Độ dài hai cánh tay duỗi ra của một con người tương đương với chiều cao của người đó. Hình tròn được hình thành do tứ chi dang rộng có tâm trùng với lỗ rốn. Khoảng cách giữa các chân... sẽ hình thành một tam giác đều”*.

Ông cũng là nhà tư tưởng và nhà khoa học hiện đại đầu tiên. Chính ông là người đã áp dụng phương pháp quan sát và thử nghiệm trực tiếp để tìm ra căn nguyên của vạn vật. Đặt trong bối cảnh thế kỷ 15, thế giới chìm đắm trong sự chi phối của Kinh Thánh và tầm ảnh hưởng của các nhân vật lỗi lạc như Aristotle⁽¹¹⁾ hay Thomas Aquinas⁽¹²⁾ thì đây quả là một bước

(11) Aristotle: Nhà triết học, nhà giáo dục và nhà khoa học đã tạo nên ảnh hưởng hết sức lớn lao trong nền văn minh phương Tây. Cùng với Plato, Aristotle được coi là một trong các nhà triết học Hy Lạp hàng đầu. Aristotle, hiểu rõ toàn thể học thuật Hy Lạp của các thời đại trước, đã tra cứu, tóm tắt, nhận xét và làm phát triển kiến thức của nhân loại, có tầm ảnh hưởng trong nhiều thế kỷ về sau.

(12) Thomas Aquinas: Là một nhà thần học, triết học nhiều hơn là một nhà khoa học, nhiều quan điểm của ông thuộc các lĩnh vực này cho đến nay vẫn còn được đưa ra bàn luận. Ngoài ra, ông còn được mệnh danh là *“Thầy thuốc của dòng Dominic”*. Dù

tiến lớn vượt lên hết thảy những bước tiến khác. Ông từng cho rằng khoa học là “*kiến thức về tất cả những điều có khả năng xảy ra*” vì thế *saper veder* (nghệ thuật quan sát) luôn ám ảnh ông.

Một trong những điểm nổi bật của Leonardo là ông luôn cho rằng ông có thể tìm hiểu và hiểu bất cứ điều gì. Toàn bộ vũ trụ, từ đôi cánh con chuồn chuồn bé nhỏ tới sự khai sinh xa xưa của trái đất, tất cả đều là vùng đất màu mỡ cho trí thông minh tuyệt đỉnh của ông bay nhảy.

Trước Copernicus⁽¹³⁾, ông đã ghi chú rằng mặt trời không chuyển động xung quanh trái đất mà trái đất “*giống như một ngôi sao hay mặt trăng*”. Trước Galileo⁽¹⁴⁾, ông đã nhận ra rằng tốc độ rơi không phụ thuộc vào trọng

ràng một số lập luận của ông không đúng nhưng nó không ít lần khiến nền khoa học châu Âu sôi động, và là tiền đề cho các ý tưởng mới, nghiên cứu sau này.

(13) Nicolaus Copernicus (1473 - 1543): Nhà thiên văn học đã nêu ra hình thức hiện đại đầu tiên của thuyết Nhật tâm (Mặt trời ở trung tâm) trong cuốn *Về sự chuyển động quay của các thiên thể* - cuốn sách mang tính mở đầu một kỷ nguyên của ông. Ngoài ra, ông còn là một nhà toán học, thiên văn học, luật gia, nhà tâm lý học, học giả kinh điển, viên chức hành chính, nhà ngoại giao, nhà kinh tế và người lính.

(14) Galileo Galilei (1564-1642): Nhà vật lý, toán học và thiên văn người Ý.

lượng, đồng thời ông cũng gợi ý về việc sử dụng một thấu kính phóng đại cỡ lớn để nghiên cứu bề mặt của mặt trăng. Ông cũng là người tiên phong trong quang học, thủy lực học, vật lý học âm thanh và bản chất ánh sáng. Ông đã ghi chú rằng âm thanh chuyển động theo sóng - điều đó lý giải tại sao hai quả chuông nhà thờ được kéo lên cùng một lúc nhưng âm thanh của một quả lại vang xa hơn quả kia, và hai âm thanh ấy lại tách bạch nhau. Khi quan sát sấm chớp, ông thấy chớp xuất hiện trước sấm và đã kết luận rằng ánh sáng chuyển động với vận tốc nhanh hơn âm thanh. Trong những nghiên cứu về huyết áp, ông có thể mô tả chứng xơ cứng động mạch dù không được thực hành nhiều.

Chưa hết, trước cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật rất lâu, trong một thế giới chưa từng tồn tại tua vít, ông đã sáng tạo ra cờ lê, mỏ lết, đòn bẩy, tời, máy tiện và một cái cần trục có sức nâng cả một nhà thờ. Ông đã thiết kế một chiếc pittông có thể chuyển dịch bằng áp suất hơi nước và một cái xích có mấu với bánh răng chuyển động tròn mà không bị trượt. Ông cũng chế tạo ra một bộ truyền động vi sai cho phép chiếc xe bò chuyển động cong khi bánh xe vòng

trong chuyển động chậm chạp hơn bánh xe vòng ngoài.

Ông đã vẽ vô số bánh xe, lò xo, chiếc cầu chuyển dịch được, đường hai tầng, thiết bị để đo nhiệt độ thay đổi, và ống dẫn tự động cho máy in. Ông cũng chế tạo ra ổ bi, kéo có thể mở và đóng theo chuyển động một tay; thêm vào đó là ván trượt bom khí giúp con người lướt đi trên mặt nước.

Không chỉ có thế, ông còn là người đầu tiên cho rằng không khí cũng có thể sản sinh ra năng lượng. Ông mô tả một động cơ đốt trong, máy điều hòa không khí, máy đo bước, dụng cụ đo lường và dụng cụ đo độ ẩm. Thậm chí ông còn phân tích được quan hệ lái - vốn trong chu trình sản xuất hàng loạt.

Người họa sĩ thiên tài này, người đã gọi chiến tranh là “*sự điên rồ đầy thú tính*” từng có một thời gian phục vụ trong quân đội với vai trò kỹ sư cho Cesare Borgia⁽¹⁵⁾. Trong thời gian này, ông đã sáng chế súng máy, xe tăng và tàu ngầm. Ông còn sáng tạo ra bộ đồ lặn của người

(15) Cesare Borgia (1475-1507) thường gọi là Công tước Valentino, Hoàng tử của Andria và Venafro. Ông là Đại tướng của Giáo hội Cơ đốc La Mã.

nhái, ống thở, tàu chiến hai lớp (con tàu vẫn có thể nổi khi lớp vỏ bên ngoài bị tổn hại).

Nước luôn là thứ thu hút trí tò mò của ông: từ những đợt thủy triều mạnh mẽ của đại dương, những thác nước có sức bào mòn sỏi đá, tới những hồ nước tĩnh lặng, những dòng suối, con sông êm đềm. Ông còn hiện thực hóa bằng ngòi bút những hiện tượng mà mắt thường chưa ai từng quan sát được trước đó, ví như mặt hồ có thể nổi sóng do giông to gió lớn nhưng ở dưới sâu, lòng nước vẫn tĩnh lặng như tờ; hay tốc độ của dòng chảy trên mặt nước nhanh hơn ở dưới đáy; hay nước không bao giờ tự ý chuyển động trừ khi nước chảy xuống dốc. Ông còn thiết kế và đích thân giám sát việc xây dựng các kênh đào khắp thành phố Milan - một kỳ công mà các kỹ sư ngày nay vẫn còn ca tụng.

Nhưng không lĩnh vực nào Leonardo lại thành công và ghi dấu ấn rõ nét bằng lĩnh vực khí động học. *“Hoạt động của con chim luôn tuân theo quy luật toán học, và toán học là điều con người hoàn toàn có khả năng chi phối”*. Ông đã thả tự do cho những con chim trong lồng để nghiên cứu chuyển động bay, nâng mình và dang cánh của chúng. Khả năng quan sát phi thường của ông khiến giới

khoa học thán phục, còn người bình thường kinh ngạc, vì ông có thể nhìn và vẽ ra những điều mà người bình thường không thể quan sát được - trừ khi những chuyển động nhanh nhạy của chúng đã được ghi lại thành những bức họa ở trạng thái tĩnh.

Vào thế kỷ 15, ông đã phát minh ra tàu lượn, tiếp đó là sự ra đời của nhảy dù, và cuối cùng là máy bay trực thăng. Ông đã mô tả giá trị của các bánh xe và bộ phận hạ cánh có thể co rút vào được.

Leonardo sinh ra tại Vinci, gần Florence vào năm 1452, ông là kết quả của một cuộc tình không hôn thú giữa một công chứng viên và một cô thôn nữ. Ông lớn lên dưới sự bảo bọc của cha và ông nội. Khi còn nhỏ, ông đã sớm bộc lộ những bản khiếu hết sức lô-gíc và kỹ năng phi thường về âm nhạc, hình học và hội họa. Mười lăm tuổi, ông được theo học một họa sĩ nổi tiếng là Verrocchino, người thầy giáo này đã vô cùng kinh ngạc trước khả năng hội họa bậc thầy và vẽ đẹp tuyệt mỹ toát ra từ những bức vẽ của Leonardo.

“Ông có dáng người cao to, khỏe mạnh và hào hoa phong nhã.” - Người họa sĩ đương thời

Giorgio Vasari từng tán tụng. Ông cũng là một tay kiếm cừ khôi và một kỵ binh điêu luyện. Ông có thể xuất khẩu thành thơ và hát chúng bằng chất giọng du dương với tiếng đệm của đàn luyt mà ông tự tay chế tạo. Tới năm 28 tuổi, Leonardo được biết đến như là một danh họa vĩ đại nhất của thời đại - một thời đại của những tên tuổi lớn như Michelangelo⁽¹⁶⁾, Raphael⁽¹⁷⁾, Botticelli⁽¹⁸⁾.

Nhưng ở Leonardo cũng tồn tại những mặt tối và bí hiểm. Đeo bám ông luôn là tâm trạng bồn chồn, sầu não và sợ hãi đám đông. Ông không bao giờ thỏa mãn với những thành công mình đạt được, và luôn tự xi vả bản thân vì tính thiếu kiên trì - chưa làm xong cái này đã bắt tay sang làm cái khác, những dự án mới khởi sắc hơn - để rồi cuối cùng tất cả đều dang dở. “*Tôi*

(16) Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni (1475-1564): Cha đẻ của những tác phẩm có sức cuốn hút nhất trong lịch sử mỹ thuật. Ông là một nhà điêu khắc, kiến trúc sư, họa sĩ và thi sĩ, đã tạo ra một sức ảnh hưởng mãnh liệt đối với nền mỹ thuật phương Tây sau này.

(17) Raphael tiếng Ý là Raffaello (1483-1520): Họa sĩ và kiến trúc sư nổi tiếng người Ý.

(18) Alessandro di Mariano di Vanni Filipepi, hay được gọi là Sandro Botticelli hoặc Il Botticello (1445-1510): Một họa sĩ nổi tiếng người Ý trong thời kỳ đầu của giai đoạn Phục Hưng.

ước mình có thể tạo ra những điều kỳ diệu.”

- Ông đã viết như thế trong thời tuổi trẻ của mình; sau này, ông thường ca thán rằng mình đã hoài phí nhiều năm tháng của cuộc đời.

Những cuốn sách ghi chú nổi tiếng của Leonardo là sự đan xen rất nhiều trang viết ở các kích cỡ khác nhau, để rời hoặc đặt theo xấp. Cách phát âm và ngữ pháp của ông cũng đặc biệt, không những thế, ông còn tự luyện cho mình cách viết ngược như là một loại mật mã đặc biệt. Người ta đã thu thập được khoảng 6.000 trang viết của ông nằm rải rác khắp châu Âu. Chắc chắn, chúng là bút tích vô cùng quan trọng ghi lại sự sáng tạo chưa từng có ở một con người.

Leonardo mất ở gần Amboise, nước Pháp, hưởng thọ 67 tuổi, một tuổi thọ khá cao vào thời bấy giờ.

Không ai có thể giải thích về con người này. Trước những sáng tạo và thành tựu kỳ diệu ông để lại, hai chữ “thiên tài” không đủ thể hiện hết con người ông. Không một tên tuổi nào trong mọi thời đại lịch sử có thể sánh được với ông. Vì thế, hãy cứ đơn giản cho rằng Leonardo da Vinci là quà tặng kỳ diệu của tạo hóa.

- Leo Rosten

Kẻ chạy trốn

*Có hai cách giúp ánh sáng tỏa lan,
đó là: hãy là cây nến hoặc tấm gương soi.*

- Edith Wharton

Tôi bước xuống sân bay rồi lao qua những con đường ẩm ướt để tới bệnh viện. Và giờ đây, tôi đang ngồi bên giường bệnh của mẹ trong một căn phòng lớn màu trắng. Mái tóc hoa râm của mẹ được chải gọn gàng. Đôi mắt mẹ nhắm nghiền nhưng tôi vẫn thấy tia nhìn cất giấu những suy nghĩ bí ẩn trong mẹ. Tôi lặng ngắm từng nhịp thở khe khàng của mẹ. Tôi không biết mẹ có nhận ra tôi - thằng con trai của mẹ hay không.

Trong tôi chất chứa rất nhiều điều muốn nói, nhưng tôi không biết phải bày tỏ thế nào và với ai. Tôi đã chờ đợi rất lâu, và giờ đây... tôi lại tiếp tục chờ đợi.

Bất chợt, vai mẹ cử động. Tôi vội cầm lấy tay bà, áp mặt vào đó và khe khẽ thở. Cuối cùng, sau bao năm dang dẳng, tôi vẫn cảm nhận ở bà sự dịu dàng, gần gũi của một người mẹ. Ngón tay mẹ khẽ động đập trong lòng tay tôi.

Tôi lần vào phía trong chiếc áo măng tô của mình rồi mân mê chiếc nút màu nâu dẹt cũ kỹ được khâu, ngay phía trái tim. Chiếc nút đó được khâu vào bất cứ chiếc áo măng tô nào của tôi. Tâm trí tôi bỗng hiện ra cái ngày mà tôi có được chiếc nút đó, tất cả như vừa mới xảy ra hôm qua.

Chúng tôi sống ở Appalachia, gia đình tôi phải bươn chải sống qua ngày. Cha tôi làm cùng lúc hai công việc nên thường xuyên phải xa nhà.

Tôi là một đứa trẻ có vốn kiến thức hạn hẹp nhưng trí tưởng tượng lại vô cùng phong phú. Vì thế tôi cảm thấy mình không thuộc về nơi đây. Mỗi khi có cơ hội là tôi lại tìm cách trốn khỏi nhà. Nhưng tôi không có nơi nào để đến, ngoại trừ những ngọn đồi buồn tẻ và một con sông đục ngầu. Tuy nhiên, điều đó không khiến tôi nản chí, tôi vẫn tiếp tục bỏ trốn.

Lần này, tôi đi vào rừng, linh tính mách bảo tôi làm như vậy. Một cảm giác mơ hồ nhưng mạnh mẽ thôi thúc tôi. Tôi sẽ cho mẹ thấy. Tôi sẽ khiến mẹ phải hối hận.

Nhưng bao trùm cơ thể tôi khi ấy chỉ là sự lạnh giá và đói khát. Tôi sợ hãi lao ra khỏi khu rừng. Tôi chạy, vấp ngã rồi lại đứng dậy tiếp tục chạy xuyên qua màn đêm để trở về ngôi nhà có ván che xiêu vẹo bên bờ sông. Nhưng khi trở về, mẹ đã không còn ở đó.

Lẽ ra mẹ phải ở nhà chứ?

Tôi hoảng hốt tìm khắp các phòng nhỏ. Bếp lò không có lửa. Ngôi nhà chìm trong lạnh lẽo. Tôi chạy ra ngoài, tìm quanh ngôi nhà, tiếng chân tôi dậm thành thịch trên nền đất sét cứng. Những nhánh cây nhỏ và cứng đã cào xước mặt tôi trong lúc tôi chạy dọc triền sông tới nhà người hàng xóm cách đó gần 500 mét.

“Không, cháu à, mẹ cháu không có ở đây. Khi sáng mẹ cháu tới rồi để em gái cháu lại đây. Bà ấy đã nói... à mà bà ấy cũng chẳng nói gì nhiều nên ta cũng không nhớ rõ. Bà ấy chỉ để lại em gái cháu thôi, rồi bà ấy vội vã đi ngay.”

Đi rồi ư? Tại sao? Tại sao mẹ lại làm thế với mình?

Có thể mẹ muốn bỏ đi một thời gian dài. Dù thế nào thì mẹ cũng chẳng biết làm gì trong cái làng này? Mẹ sẽ làm gì ở đây, chốn này chẳng có đàn piano để chơi, bài ca để hát, và sẽ chẳng có ai thương thức được giọng hát của mẹ? Nhưng tại sao mẹ lại để mình lại đây một mình?

Thần thờ trở lại con sông, tôi chán nản ngồi xuống, ném những hòn đá xuống dòng nước. Ngay lúc đó tôi bỗng thấy chiếc áo khoác rách rưới của mẹ treo lủng lẳng trên cành liễu.

Tôi lao xuống, băng qua gốc cây tới chỗ chiếc áo. Và rồi một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu tôi: *Mẹ đã bỏ đi. Bà bơi qua sông để tới Kentucky.*

Vén các nhánh liễu sang một bên, tôi nhảy xuống sông rồi thét lên: “Mẹ!”. Cứ thế, tôi gào thét cho đến khi cổ họng bỏng rát. Kiệt sức, tôi bơi lên bờ rồi tìm lại chiếc áo - minh chứng cho sự ruồng rẫy của mẹ. Tôi bực tức xé nó rách tả tơi, khinh bỉ ném nó lên bụi cây rồi lại dậm mạnh nó xuống đất. Một chiếc nút áo màu nâu to và dẹt rơi vào tay tôi. Cuối cùng, tôi ném cái nút ấy xuống dòng sông.

Tôi không muốn vào nhà. Vì thế, tôi vào trong phòng chứa đồ lấy một chiếc chăn rách nát vốn dành đắp cho ngựa rồi ngồi trong giá lạnh, tối tăm và ẩm ướt, cố gắng xoa dịu nỗi đau đang đè nặng tim mình.

Cứ thế, tôi ngồi cho đến khi những tia sáng yếu ớt đầu tiên trong ngày rơi xuống thung lũng. Bất chợt, tôi thấy mẹ đang bước trên con đường làng đầy bụi về nhà. Dáng đi của mẹ thật duyên dáng, mái tóc đỏ của mẹ sáng bóng lên trong nắng, vai mẹ choàng một chiếc khăn mềm mại.

Thấy tôi, mẹ chỉ im lặng. Tôi hiểu mẹ giận tôi thế nào khi ngày hôm qua tôi bỏ đi. Sau khi bếp lửa được nhóm lên, ngôi nhà ấm áp trở lại, tôi vào bếp và ngồi lên thùng gỗ đặt ở góc. Mẹ đang nói, có vẻ như mẹ nói với chính mình nhưng tôi biết mẹ đang nói với tôi. Mẹ nói: *“Một người phụ nữ ở thượng nguồn đang bị ốm. Và mẹ đã tới đó để giúp”*.

“Nhưng con trông thấy chiếc áo của mẹ bên bờ sông”.

“Con đã thấy chiếc áo của mẹ à? Mẹ đã cho cô gái hàng xóm. Mẹ có cả khăn choàng trong khi cô bé ấy không có lấy một chiếc áo khoác.

Con phải hiểu là cô bé không ổn. Mẹ đoán là cô bé đã không mang chiếc áo về nhà”.

Mẹ nhìn tôi và như đọc được những suy nghĩ đang miên man trong đầu tôi rằng: cô bé đã bỏ đi. Mẹ nói: “*Những người mạnh mẽ sẽ không bỏ trốn. Đó không phải là cách sống hay. Người mạnh mẽ chỉ rời bỏ nơi cũ khi họ chắc chắn có điều tốt đẹp hơn đang chào đón”.*

Mẹ mang cho tôi bữa sáng: bánh quy, thịt lợn muối xông khói và bơ tự tay mẹ làm. Tôi hiểu mình đã được tha thứ. Tuy vậy, tôi vẫn giấu nhem những việc đã làm với chiếc áo của mẹ.

Nhiều năm trôi qua. Giờ đây tôi đang ngồi trong căn phòng màu trắng, nắm lấy tay mẹ. Ngón tay tôi rà nhẹ lên chiếc nút dẹt cũ kỹ bên trong chiếc áo măng tô. Hàng ngàn lần trong đời tôi nung nấu mong muốn được chạy trốn, mỗi lần như thế, tôi lại tìm tới chiếc nút. Và rồi tôi thay đổi quyết định.

Tôi xoay xoay chiếc nút. Tôi hiểu, bất kể mẹ có đi đâu, thì mẹ vẫn mãi hiện diện...

- Lee Maynard

Phong cách của riêng tôi

*Càng sớm ý thức được mình là ai
và mình sẽ trở thành người như thế nào
thì thành công chúng ta đạt được
càng lớn và những điều chúng ta
cống hiến được càng nhiều.*

- Stephen Covey

Ngày 17 tháng 9 năm 1977, lần đầu tiên tôi tham gia biểu diễn tại thánh địa âm nhạc quốc gia. Đứng trong cánh gà của trung tâm phát thanh Grand Ole Opry, Nashville, tôi hồi hộp chờ đợi phần biểu diễn của mình. Năm ấy tôi 22 tuổi. Kể từ năm học lớp một ở Kiowa, Oklahoma, tôi đã ấp ủ giấc mơ trở thành một ngôi sao ca nhạc. Lớn lên trong nông trang chăn nuôi gia súc của gia đình, tôi từng tham gia rất nhiều cuộc tranh tài do những người dân trong vùng tổ chức, từng hát tam ca cùng anh trai

và em gái tôi là Pake và Susie. Dường như mỗi ngày tôi càng tiến gần hơn tới ước mơ của mình.

Mặc trên người chiếc váy ngắn rực rỡ, áo sơ mi bằng vải bông chéo và một chiếc khăn quấn quanh cổ, tôi hồi hộp chẳng khác gì cô dâu trong ngày cưới, nhưng tôi đã sẵn sàng. Ngay lúc đó, một người đàn ông bước về phía tôi và nói: *“Chúng tôi phải cắt phần biểu diễn của cô xuống chỉ còn một bài hát thôi”*. Tôi ngỡ ngàng: *“Tại sao vậy?”*. Ông ấy đáp: *“À, Dolly sẽ có một màn biểu diễn bất ngờ”*.

Chân tôi như đứng không vững. *“Dolly Parton đang có mặt trong tòa nhà này sao?”*. Ngay sau đó, tôi thấy dáng cô ấy bước vào, khoác trên mình một chiếc áo choàng, quần the dài màu đen có gắn đôi bướm bằng kim cương giả tuyệt đẹp, mái tóc cô ấy bồng bênh, tự nhiên. Trời ơi, cô ấy đúng là một ngôi sao. Lúc này, tôi không còn quan tâm là mình có hát hay không nữa. Tôi vừa gặp Dolly Parton bằng xương bằng thịt.

Dolly không chỉ là nữ hoàng nhạc đồng quê của Nashville mà còn là nữ hoàng của lòng tôi. Ngay từ lần đầu tiên được thưởng thức chương

trình biểu diễn *The Porter Wagoner* của Dolly vào năm 1967, tôi đã trở thành một trong những fan cuồng nhiệt của cô ấy. Thêm vào đó, những ca khúc mà cô ấy viết lời như “*Coat of Many Colors*”, “*My Blue Ridge Mountain Boy*” và “*Gypsy, Joe and Me*” còn gọi lên trong tôi bao ký ức tươi đẹp, trong trẻo về những năm tháng tuổi thơ. Mỗi khi tới khu bóng rổ chơi đùa cùng bọn trẻ, tôi đều hát vang những bài hát đó.

Người ta thường nói rằng bất chước là biểu hiện cao nhất của sự tôn sùng, và thật xấu hổ với Dolly, tôi đã bắt chước cô ấy. Cô ấy thường bắt đầu bài hát bằng lời ca nhẹ nhàng êm ái, sau đó vút cao tạo âm điệu du dương, trầm bổng. Tôi đã cố gắng nhái theo từng âm điệu ấy và cả cái cách cô ấy chơi guitar nữa chứ! Không chỉ là một ngôi sao sáng giá, Dolly còn là một nữ doanh nhân thành đạt. Ngoài ra, cô còn phát triển sự nghiệp sang cả điện ảnh và truyền hình. Tự lúc nào tôi đã coi cô ấy là hình mẫu lý tưởng cho mình.

Dolly là một người phụ nữ mạnh mẽ, cô từng có một tuổi thơ khắc nghiệt ở phía Đông Tennessee. Gia đình cô rất nghèo nhưng cô luôn cố gắng vượt qua nghèo khó để vươn lên

khẳng định bản thân. Dolly muốn biết mình sẽ đạt được những gì nếu dốc tâm dốc sức làm việc. Và tôi cũng đã làm như vậy.

Có thể bạn cho rằng tôi đã sống và thờ bằg dáng hình của Dolly Parton. Quả đúng như vậy. Và việc thoát ra khỏi cái bóng của cô ấy thật không dễ dàng chút nào.

Tại trường phổ thông, chúng tôi đã lập một ban nhạc riêng và mẹ là người quản lý của tôi. Bà nói: *“Reba, chỉ có một Dolly Parton thôi. Con cần phải tìm cho mình một phong cách riêng. Dolly sẽ là người đầu tiên bảo con làm điều đó”*.

Mẹ đã đúng. Có thể, bạn sẽ nhận ra dáng dấp của Dolly trong những đĩa thu âm ban đầu của tôi nhưng tôi đã không ngừng luyện tập để tìm ra phong cách riêng cho mình. Dù vậy, tôi vẫn không loại bỏ được hết hình ảnh của Dolly ra khỏi tâm trí, đặc biệt là trong phục trang. Dolly từng nói rằng cô ấy thích trang phục trang trí bằng những vật nhỏ bé, lấp lánh, vì thế tôi cũng rất thích những vật trang trí nhỏ lấp lánh. Thậm chí, tôi từng thuê nhà thiết kế của cô ấy, Tony Chase, để thiết kế quần áo cho tôi. Ông ấy đã thiết kế cho tôi những bộ váy

lấp lánh kim cương giả và xê-quin⁽¹⁹⁾ từ đầu tới chân. Nhưng thực sự, chúng không hợp với tôi. Chúng khiến tôi không còn là tôi nữa. Đúng như mẹ tôi từng nói, Dolly sẽ không khoác lên mình những bộ quần áo khiến cô ấy cảm thấy không thoải mái.

Nhiều năm liền tôi đã thuê các nhà thiết kế để tư vấn cách ăn mặc cho tôi. Tất nhiên, tôi đã làm theo những chỉ dẫn của họ, nhưng mỗi khi bước đi trước mặt ai đó, tôi lại cảm thấy gượng gạo và thiếu tự nhiên. Ngược lại, nếu tôi mặc những bộ quần áo mà tôi cảm thấy hài lòng thì khi đó tôi mới là Reba. Và khi đó tôi mới bộc lộ được hết những tiềm năng của mình.

Cũng nhờ thế, giờ đây, tôi đã có được phong cách riêng cho mình, và tôi biết tôi thích gì. Tôi thích màu sáng, không thích những họa tiết hay vật trang trí nhấn ở phần bụng, không thích những viên đá tròn lớn đính trên áo sơ mi hay áo khoác.

Vẫn hơi giống Dolly một chút, tôi cũng chuyển sang kinh doanh - sáng tạo một dòng quần áo mang tên Reba. Tôi đã làm việc hết

(19) Đồ trang sức, bản tròn như đồng xu.

minh để hoàn thành dòng sản phẩm đó một cách tốt nhất và để đảm bảo không có thiếu sót hay trùng lặp gì. Và tất nhiên, tôi sẽ mặc chúng. Tôi không muốn một ngày, trong buổi biểu diễn của mình, tôi phải ngưng ngưng vì có ai đó ở hàng ghế đầu đứng dậy nói rằng: “*Này, tôi đang mặc quần áo Reba đấy!*”.

Quay trở lại vấn đề với Dolly, cô ấy còn là một người giỏi pha trò. Lần đầu tiên tôi gọi điện cho cô ấy, cô ấy nhắc máy và nói rằng: “*Có thật là Reba McEntire đó không, hay chỉ là một ai khác đang bắt chước Reba McEntire?*”. Vâng, tôi đúng là Reba. Thậm chí ngay cả khi tôi phải mất một thời gian để tìm ra chính mình. Tuy vậy, tôi vẫn là fan hâm mộ cuồng nhiệt của Dolly.

- Reba McEntire

Vấn đề chính là thời gian

*Để đứng dưới ánh mặt trời,
có thể bạn sẽ phải chịu đựng
một vài vết bỏng.*

- Abigail Van Buren

Người thanh niên trẻ ngồi trên chiếc xe lăn hướng tới bục giảng để đọc bài diễn văn trong lễ phát bằng tại trường phổ thông là một trong số bệnh nhân của tôi - Mark Orsini. Một phần trên gương mặt cậu ấy vẫn bị liệt. Nhưng không ai có thể ngờ rằng giọng nói nhỏ nhẹ đó có thể mang tới một bài diễn văn thật hùng hồn và có sức lay động lòng người đến vậy. Để rồi sau đó, cậu nhận được những tràng tung hô nồng nhiệt của tất cả các học sinh có mặt, những người vẫn không khỏi băn khoăn rằng điều kỳ diệu nào đã giúp Mark sống và đón nhận vinh dự lớn lao trong ngày lễ tốt nghiệp này.

Cậu thanh niên 18 tuổi ấy từng mắc phải hội chứng Guillain Barré, là một hội chứng hiếm gặp trong đó hệ miễn dịch của cơ thể tấn công một phần hệ thần kinh ngoại biên, gây liệt người. Sau đó không lâu, Mark đã bị liệt hoàn toàn.

Cha mẹ của Mark đã khẳng định rằng con trai mình là một người rất mạnh mẽ và rằng cậu bé sẽ vượt qua tất cả khó khăn để tiếp tục theo học trường Dartmouth. Nhưng làm thế nào cậu có thể đặt ra các câu hỏi hay tham gia các lĩnh vực cần thiết khi mà cậu không thể đi lại và phải phụ thuộc vào thiết bị hỗ trợ?

Giải đáp cho câu hỏi đó là một câu chuyện phi thường đầy xúc động: Gia đình Orsini đã ngồi bên Mark và đọc từng chữ trong bảng chữ cái. Khi đọc đến chữ mà Mark muốn ghép thành một từ, cậu sẽ gạt đầu. Họ viết chúng ra, rồi bắt đầu lại với các chữ cái và lại chờ đợi cậu gạt đầu. Tuy công việc đó tiêu tốn rất nhiều thời gian nhưng họ không bao giờ mất kiên nhẫn và vì thế, Mark vẫn có thể đóng góp ý kiến trong mọi quyết định của gia đình.

Những liệu pháp chữa trị đều không có tác dụng với Mark, vì thế tôi đã đề xuất cách điều

trị rủi ro hơn là thay máu cho người thanh niên này. Sau khi điều trị, tình trạng của Mark đã có một số biến chuyển tích cực. Dần dần cậu đã có thể cử động các ngón, rồi cả chân và cả tay.

Bằng tất cả nỗ lực, Mark đã tốt nghiệp trường Dartmouth. Tôi gặp lại cậu ấy trong văn phòng mình một năm trước, lúc đó Mark đã khỏe hơn rất nhiều. Trong tôi chợt trào dâng bao xúc cảm không thể thốt thành lời. Tôi muốn nói rằng tôi nể phục cậu và cha mẹ cậu. Họ đã kiên nhẫn ngồi bên giường cậu hàng giờ liền, kiên nhẫn lắng nghe từng cử động chậm chạp của đứa con yêu, từng chữ, từng chữ một. Tôi muốn thú nhận với cậu ấy rằng tôi đã thật xấu hổ khi nhớ lại những lần con tôi cố gắng trò chuyện với tôi mà tôi lại gạt chúng sang một bên và viện lý do là mình không có thời gian để lắng nghe. Tôi còn muốn nói là tôi sẽ không bao giờ quên Mark và cha mẹ cậu ấy. Nhưng trái tim tôi không thể thốt nên lời.

- Noah Gilson, M.D.

Mục lục

<i>Lời giới thiệu</i>	5
Mẻ cá để đời	7
Cô bé trong trận bão tuyết	11
Thiên đường trên mặt đất	24
Mike, tôi và chiếc bánh	31
Sức mạnh của sự tập trung	39
Cuộc chiến giữa người mẹ và chất kích thích	41
Sự giúp đỡ của một người bạn	55
Abe Lincoln và khoản tiền lớn đầu tiên trong đời	65
Sức mạnh của một bức thư cảm ơn	77

Trên chiến tuyến	79
Gia tài của ông Ditto	86
Tìm lại các giác quan	96
Ước mơ vươn tới một ngôi sao	102
Những chiếc xe miễn phí	121
Vùng đất mặt trời dát vàng	128
Người tù chối một triệu đô la	132
Người thầy, người cha của nhà vô địch	136
Một thiên tài trong lịch sử	149
Kẻ chạy trốn	159
Phong cách của riêng tôi	165
Vấn đề chính là thời gian	171

hạt giống tâm hồn

Theo Dòng Thời Gian

10

FIRST NEWS

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : **Diễm Phương**

Trình bày : **Trương Tiến Nhật**

Bìa : **Nguyễn Hùng**

Sửa bản in : **Vỹ Du**

Thực hiện : **First News – Trí Việt**

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1

ĐT: 38225340 - 38296764 - 38221917 - 38223637 - 38296713

In 3.000 cuốn, khổ 13 x 20,5 cm tại Công ty TNHH một thành viên In Phương Nam (160/13 Đệi Cung, Q.11, TP. HCM). Giấy đăng ký KHXB số 617-2009/CXB/10-94/THTPHCM ngày 07/07/2009 - QĐXB số 18/QĐ - THTPHCM - 2010 cấp ngày 12/01/2010. In xong và nộp lưu chiểu quý I/2010.